

Số: 111/2024/TB-PISICO

Bình Định, ngày 19 tháng 4 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN
ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tên Công ty: Tổng công ty PISICO Bình Định - Công ty cổ phần

Trụ sở chính: Số 99 Tây Sơn, Phường Ghèn Ráng, Tp Quy Nhơn, Bình Định

Điện thoại: (0256) 3947099

Fax: (0256) 3947029

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Đồng Thị Ánh - Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: Số 99 Tây Sơn, Phường Ghèn Ráng, Tp Quy Nhơn, Bình Định

Điện thoại: 090 350 0243

Loại thông tin công bố: 24h Theo yêu cầu Bất thường Định kỳ

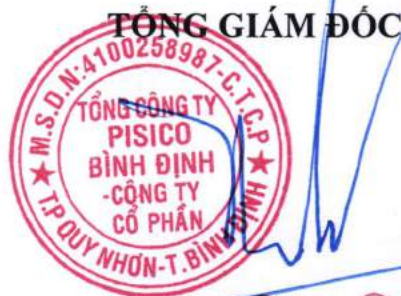
Nội dung công bố thông tin: Báo cáo thường niên của năm 2023 (đính kèm theo Báo cáo số 10/BC-HĐQT ngày 19/4/2024 của Hội đồng quản trị Tổng công ty PISICO Bình Định – Công ty cổ phần

Thông tin này được công bố trên trang điện tử của Công ty vào ngày 19/4/2024 trên Website: <http://www.pisico.vn> ⇨ Quan hệ cổ đông ⇨ Công bố thông tin

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Website PISICO;
- Các phòng nghiệp vụ TCty;
- Lưu: VT.



Đồng Thị Ánh

Số: 10/BC-HĐQT

Bình Định, ngày 19 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH-CÔNG TY CỔ PHẦN
Năm báo cáo: Năm 2023

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Tổng công ty PISICO Bình Định - Công ty cổ phần.
- Tên viết tắt: PISICO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4100258987
- Vốn điều lệ: 275 tỷ đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 275 tỷ đồng
- Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Phường Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Số điện thoại: 0256 3947088/3947099 - Số fax: 0256.3947029
- Website: www.pisico.vn.
- Mã cổ phiếu (nếu có): PIS

- Quá trình hình thành và phát triển: Tổng công ty PISICO Bình Định tiền thân là Công ty hợp tác khai thác chế biến lâm sản xuất khẩu Nghĩa Bình (Ratanakiri) thành lập tháng 10/1985. Qua nhiều năm hoạt động và trưởng thành theo cơ chế quản lý mới của Nhà nước; Đến tháng 12/1996, đổi tên thành Tổng công ty Sản xuất Đầu tư Dịch vụ Xuất Nhập khẩu Bình Định (gọi tắt PISICO). Năm 2013, thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 512/QĐ-CTUBND ngày 20/03/2012 của UBND Tỉnh Bình Định, tiến hành chào bán cổ phần lần đầu vào ngày 12/12/2013. Đến ngày 26/01/2014, tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông lần đầu và chính thức chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước sang công ty cổ phần với tên gọi Tổng công ty PISICO Bình Định - Công ty cổ phần (viết tắt PISICO).

Ngày 03/12/2014: Ủy Ban chứng khoán Nhà nước – Cơ quan đại diện tại TP Hồ Chí Minh chấp thuận việc đăng ký công ty đại chúng (theo Công văn số 371/CQĐ D-NV ngày 3/12/2014).

Ngày 12/11/2015: Được Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam chấp thuận đăng ký chứng khoán và cấp mã chứng khoán là PIS (theo Giấy chứng nhận số 108/2015/GCNCP-VSD ngày 12/11/2015).

Ngày 23/12/2015: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho Tổng công ty PISICO Bình Định – công ty cổ phần được đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trên thị trường giao dịch chứng khoán của Công ty đại chúng chưa niêm yết (*thị trường UPCoM*) (Theo Quyết định số 861/QĐ-SGDHN ngày 22/12/2015 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

Ngày 03/10/2017, toàn bộ cổ phần thuộc sở hữu cổ đông nhà nước số lượng do Quỹ đầu tư Phát triển tỉnh Bình Định quản lý 23.877.000 cổ phần đã chuyển nhượng cho cổ đông Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy và nâng số lượng cổ phần sở hữu lên 26.627.000 cổ phần (chiếm tỷ lệ 96,82% vốn điều lệ) cho đến nay.

Một số thành tích tiêu biểu từ năm 2009 đến nay:

- + Huân chương Độc lập Hạng Nhì năm 2021; Hạng Ba năm 2009;
- + Danh hiệu Top 200 - Giải thưởng Sao Vàng đất Việt năm 2021
- + Cờ thi đua Chính phủ năm 2014, 2015 và 2018;
- + Bằng khen Chính phủ năm 2014;
- + Cờ thi đua Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định năm 2014, năm 2015, năm 2017 và năm 2018 ;
- + Bằng khen Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định năm 2011, năm 2016, năm 2019, năm 2020, 2021 và năm 2022
- + Liên tục hàng năm đều nhận danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu

- + Sản xuất chế biến lâm sản (chế biến gỗ và dăm gỗ)
- + Tư vấn thiết kế, trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng, khai thác gỗ cung cấp giống cây lâm nghiệp.

+ Trồng và chế biến mủ cao su ở nước Lào

+ Xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu, Cụm công nghiệp.

+ Kinh doanh dịch vụ truyền hình cáp.

+ Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

+ Kinh doanh thương mại (nông sản, gỗ nguyên liệu, dăm gỗ, .v.v.).

+ Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

- Địa bàn kinh doanh: Trong và ngoài tỉnh Bình Định.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị:

- Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.

- Người đại diện pháp luật: Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

a) Đại hội đồng cổ đông có 01 cổ đông tổ chức sở hữu 26.627.000 cổ phần (chiếm tỷ lệ 96,825% vốn điều lệ), còn lại 873.000 cổ phần (chiếm tỷ lệ 3,175% vốn điều lệ) là cổ đông cá nhân trong nước (theo số liệu danh sách cổ đông VSD chốt ngày đăng ký cuối cùng 12/3/2024).

b) Hội đồng quản trị có 03 thành viên gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc và 01 thành viên.

c) Ban kiểm soát có 03 thành viên gồm Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách và 02 thành viên kiêm nhiệm.

d) Ban điều hành có 03 thành viên gồm Tổng Giám đốc, 01 Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

e) Phòng nghiệp vụ PISICO có 03 phòng gồm Phòng Tổ chức - Hành chính; Phòng Kế hoạch - Tổng hợp; Phòng Tài chính - Kế toán.

g) Đơn vị hạch toán phụ thuộc có 03 đơn vị:

+ Xí nghiệp Chế biến Lâm sản Xuất khẩu PISICO: Hoạt động Sản xuất giường tủ, bàn ghế bằng gỗ.

+ Xí nghiệp Lâm nghiệp PISICO: Hoạt động tư vấn thiết kế, trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng, khai thác gỗ cung cấp giống cây lâm nghiệp

+ Xí nghiệp Kinh doanh và Phát triển Hạ tầng PISICO: Hoạt động xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu, Cụm công nghiệp.

h) Các công ty con, công ty liên kết: (**Chi tiết đính kèm Phụ lục 1**)

4. Định hướng phát triển:

- Xây dựng PISICO là tập đoàn kinh tế tư nhân vững mạnh, có thương hiệu, có ngành nghề kinh doanh sản phẩm chiến lược cạnh tranh với thị trường trong nước, quốc tế; không ngừng nâng cao thương hiệu, giá trị cổ phiếu trên thị trường.

- Nghiên cứu, triển khai một số dự án chiến lược phát triển đột phá để tăng trưởng các chỉ tiêu SXKD, mở rộng quy mô doanh nghiệp tương xứng Tập đoàn kinh tế.

- Tích cực quản lý, chỉ đạo để hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch SXKD hàng năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Các chỉ tiêu về tài chính, SXKD, thu nhập người lao động phải tăng trưởng hàng năm. Thực hiện nghĩa vụ nhà nước đúng, đủ, kịp thời theo luật định.

- Xây dựng, phát triển đội ngũ CBCNV có đủ năng lực, có tâm, có tầm đối với nhiệm vụ được giao; nhất là nhân sự chủ lực trong bộ máy tổ chức.

5. Các rủi ro:

- Rủi ro kinh tế: Những khó khăn, biến động kinh tế trong và ngoài nước tác động lớn đến hoạt động SXKD và hiệu quả sản xuất kinh doanh của PISICO.

- Rủi ro về luật pháp: Hoạt động của PISICO chịu sự điều chỉnh của nhiều đạo Luật, các văn bản dưới luật ở trong nước được sửa đổi bổ sung hoàn thiện phù hợp với tình hình thực tiễn và sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của PISICO. Ngoài ra, những quy định thị trường thương mại trong hội nhập sẽ ảnh hưởng kết quả SXKD hàng năm

- Rủi ro biến động giá: Hoạt động SXKD của PISICO chủ yếu là xuất nhập khẩu về nguyên liệu vật liệu sản xuất và sản phẩm bán ra. Do đó, sự biến động tỷ giá hối đoái tác động lớn hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của PISICO.

- Rủi ro khác: Ngoài những rủi ro kể trên, rủi ro do tác động của thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu như hạn hán, bão lụt, hoả hoạn... là những rủi ro không thể dự báo trước và nếu có xảy ra thường gây thiệt hại với quy mô lớn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết quả kinh doanh của PISICO. Năm 2023 bối cảnh kinh tế thế giới và Việt Nam tiếp tục phải đối mặt với nhiều thách thức, biến động khó lường, ảnh hưởng đến mọi mặt hoạt động của kinh tế và xã hội.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2023:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động SXKD theo tổng hợp công ty mẹ: ***Đính kèm Phụ lục 2***

- Kết quả hoạt động SXKD theo hợp nhất: ***Đính kèm Phụ lục 3***

2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Ban điều hành:

- Bà: Đồng Thị Ánh – Giữ chức vụ Tổng Giám đốc kể từ ngày 01/11/2017; Bổ nhiệm lại theo Quyết định số 47/QĐ-HĐQT ngày 31/10/2022 của Hội đồng quản trị

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 01/01/1956
- Nơi sinh: Phước Hòa, Tuy Phước, Bình Định
- Giấy CMND số: 210190169, ngày cấp 31/5/2019; nơi cấp: Công an tỉnh Bình Định.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 89 Mai Xuân Thưởng, TP Quy Nhơn, Bình Định
 - Trình độ văn hoá: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
 - Số lượng cổ phần đang nắm giữ hoặc được ủy quyền: 26.627.000 cổ phần, chiếm 96,82% vốn điều lệ, trong đó:
*Đại diện sở hữu: 26.627.000 cổ phần, tương đương 96,82% vốn điều lệ. Đại diện cho cổ đông Công ty TNHH Thương Mại Ánh Vỹ.
Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ*
 - Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu PISICO: Không có
 - Những khoản nợ đối với PISICO: Không có.
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
 - Quyền lợi mâu thuẫn với PISICO: Không có
- Ông: Nguyễn Tường Linh - Giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc kể từ ngày 01/7/2022
- Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 16/8/1975
 - Nơi sinh: Quy Nhơn, Bình Định
 - CCCD số: 042075009453; Do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/8/2021
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Lô 44+45 Phạm Thành, Khu dân cư An Phú Thịnh, P.Đống Đa, Tp Quy Nhơn, Bình Định.
 - Trình độ văn hoá: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.
 - Số lượng cổ phần đang nắm giữ hoặc được ủy quyền: 600 cổ phần, chiếm 0,0022% vốn điều lệ, trong đó:
*Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tương đương 0 % vốn điều lệ.
Cá nhân sở hữu: 600 cổ phần, tương đương 0,0022% vốn điều lệ*
 - Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu PISICO: Không có

- Những khoản nợ đối với PISICO: Không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với PISICO: Không có

- Ông: Nguyễn Hoàng Lam, giữ chức vụ Kế toán trưởng kể từ ngày 01/7/2018; Bổ nhiệm lại theo Quyết định số 32/QĐ-HĐQT ngày 04/7/2023 của Hội đồng quản trị.

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 28/11/1978.
- Nơi sinh: Quy Nhơn, Bình Định.
- Giấy CMND số: 211646251; ngày cấp 14/3/2013; nơi cấp Công an tỉnh Bình Định.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 157 Hoàng Văn Thụ, TP. Quy Nhơn, Bình Định.
- Trình độ văn hoá: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Kế toán kiểm toán.
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ hoặc được ủy quyền: 6.700 cổ phần, chiếm 0,024% vốn điều lệ, trong đó: *Đại diện sở hữu: 0, cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ*
Cá nhân sở hữu: 6.700, cổ phần, tương đương 0,024% vốn điều lệ.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu PISICO (Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột): Không có
- Những khoản nợ đối với PISICO: Không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với PISICO: Không có.

b) Những thay đổi trong Ban điều hành:

- Bổ nhiệm lại ông Nguyễn Hoàng Lam – tiếp tục giữ chức vụ: Kế toán trưởng với thời hạn 05 năm kể từ ngày 01/7/2023.

c) Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

- Tổng số lao động sử dụng bình quân năm 2023 là 245 người (*Không bao gồm ~ 1.350 người lao động do Tổng công ty gián tiếp quản lý thông qua các đơn vị công ty con, công ty liên kết*);

- Chế độ làm việc: Thời gian làm việc của người lao động không quá 48 giờ/tuần, đảm bảo thời giờ nghỉ ngơi theo quy định pháp luật lao động; bộ phận gián tiếp làm việc theo giờ hành chính, bộ phận sản xuất trực tiếp làm việc theo ca. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì người lao động có trách nhiệm làm thêm và PISICO có những quy định đảm bảo quyền lợi người lao động theo quy định pháp luật cùng chế độ đãi ngộ thỏa đáng. Tổng công ty khuyến khích các đơn vị trực thuộc được giảm giờ làm việc từ 48 giờ xuống còn 44 giờ/01 tuần, với điều kiện không ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của đơn vị. Các chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ, tết, nghỉ ốm đau, thai sản .v.v.... được giải quyết đầy đủ, đúng, kịp thời theo quy định nhà nước cho người lao động; Về điều kiện làm việc đạt yêu cầu về không gian, độ thoáng, bụi, hơi, theo quy định pháp luật lao động. Đối với lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động luôn được quan tâm tuân thủ nghiêm ngặt.

- Chính sách tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của PISICO là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà PISICO có tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản về trình độ chuyên môn, nhiệt tình, ham học hỏi, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo; Đối với các vị trí quan trọng còn quy định bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, nhận định.

- Chính sách thu hút nhân tài: Thực hiện chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các nhân sự giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân nhân sự lâu dài, mặt khác để thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho PISICO.

- Chính sách đào tạo: PISICO chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ chính trị và hệ thống quản lý chất lượng. Việc đào tạo được tiến hành nội bộ và đào tạo bên ngoài. Các chương trình đào tạo chú trọng vào nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật và nhận thức của cán bộ công nhân viên về quản lý SXKD, an toàn lao động và an toàn vệ sinh khi sản xuất, v.v... từ đó nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm đầu ra. Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ cũng được chú trọng về chiều sâu.

- Chính sách lương: PISICO tiếp tục thực hiện theo chính sách lương xây dựng riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người. PISICO thực hiện trả lương theo hiệu quả kinh doanh, gắn kết với năng suất và chất lượng sản phẩm.

- Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên người lao động, PISICO có chính sách thưởng định kỳ nhân các dịp lễ tết hàng năm và đột xuất cho những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, cơ bản dựa theo các tiêu chí của nhà nước quy định. Năm 2023, thực hiện công tác thi đua khen thưởng theo đúng Quy chế Thi đua khen thưởng đã ban hành năm 2021 áp dụng nội bộ PISICO.

- Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp đúng theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên: Đảng, Công đoàn và Đoàn Thanh niên PISICO hoạt động khá hiệu quả, các phong trào thể dục thể thao, văn nghệ của công nhân viên diễn ra hàng năm rất sôi nổi, tạo điều kiện cho người lao động được nâng cao đời sống tinh thần và rèn luyện sức khoẻ. Ngoài ra hàng năm cán bộ công nhân viên PISICO còn được tổ chức đi du lịch theo chế độ. Năm 2023, Tổ chức Đảng, Công đoàn được cấp trên xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Đoàn Thanh niên xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các đầu tư và thực hiện các dự án lớn: 3.495.369.319 đồng

- Mở rộng và nâng cấp đường giao thông Cụm Công nghiệp Cát Nhơn 3.313.369.319 đồng

- Xí nghiệp Chế biến Lâm sản Xuất khẩu PISICO đầu tư máy ghép cào 20 cánh 182.000.000 đồng.

b) Các công ty con, công ty liên kết: ***Đính kèm Phụ lục 4.***

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính: ***Đính kèm Phụ lục 5.***

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu: ***Đính kèm Phụ lục 6.***

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần: Tổng số cổ phần đang lưu hành: 27.500.000 cổ phần phổ thông; mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó:

+ Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 27.484.000 cổ phần.

+ Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 16.000 cổ phần do Người lao động được mua thêm theo cam kết tiếp tục làm việc tại PISICO sẽ phải hạn chế chuyển nhượng quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần (đến ngày 27/01/2024 toàn bộ hết thời gian bị hạn chế chuyển nhượng).

b) Cơ cấu cổ đông:

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %
I	Trong nước		27.500.000	100%
1	Tổ chức	01	26.627.000	96,825%
-	Cổ đông nhà nước	0	0	0
-	Cổ đông khác	0	0	0
2	Cá nhân	303	873.000	3,175%
II	Ngoài nước	0	0	0%
1	Tổ chức	0	0	0%
2	Cá nhân	0	0	0%
	Tổng	304	27.500.000	100%

Theo danh sách Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam lập ngày đăng ký cuối cùng là 12/3/2024.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của PISICO

6.1. Tác động lên môi trường:

- Tổng chất thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không.

- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: PISICO sử dụng nguyên liệu gỗ để sản xuất đồ gỗ tinh chế xuất khẩu. Khối lượng gỗ sử dụng sản xuất năm 2023 là:

Nguyên liệu gỗ sử dụng có nguồn gốc rõ ràng, hợp pháp, có chứng chỉ FSC.

b) Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: PISICO có quy trình quản lý và sử dụng nguyên vật liệu cụ thể cho từng công đoạn sản xuất, nên đảm bảo tiết kiệm, lãng phí nguyên liệu ở mức thấp nhất. Dây chuyền sản xuất được đặt trong nhà xưởng xây dựng khép kín nên không gây tiếng ồn, hoặc khói bụi ảnh hưởng đến môi trường và đời sống xã hội.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Năm 2023, tiếp tục thực hiện thay thế thiết bị tiết kiệm điện và nâng cao ý thức nâng cao hiệu quả, tiết kiệm điện trong hoạt động SXKD.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Có không đáng kể.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không có.

6.4. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty cổ phần cấp thoát nước Bình Định cung cấp với lượng nước sử dụng > 10.000 m³ phục vụ chủ yếu nước sinh hoạt.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng (không có).

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động.

a) Số lượng lao động sử dụng bình quân năm 2023 là 245 người (*chỉ tính người lao động do Tổng công ty quản lý trực tiếp*). Mức thu nhập bình quân người lao động đã nhận năm 2023: 8,35tr.đ/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Được thể hiện trong Nội quy lao động, Quy chế trả lương, Thỏa ước lao động tập thể v.v.... Thực hiện chế độ ăn giữa ca cho người lao động, chế độ bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động, duy trì hoạt động mạng lưới An toàn vệ sinh viên, tổ chức đào tạo định kỳ và hàng năm về an toàn, vệ sinh lao động cho các đối tượng; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân viên. Giải quyết đầy đủ, kịp thời các chế độ ốm đau, thai sản, nghỉ lễ, tết, nghỉ phép, trợ cấp khó khăn, tổ chức cho người lao động tham quan du lịch. Tặng quà cho người lao động những

dịp lễ, Tết, tặng quà cho con CBCNV đạt thành tích trong học tập, nhân dịp Tết thiếu nhi.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Tổ chức đào tạo tại chỗ, thuê đào tạo hoặc cử đi đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao tay nghề, nâng lương, nâng bậc cho người lao động theo quy định chung của Tổng công ty.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Chủ yếu tham gia các lớp đào tạo chuyên môn nghiệp vụ do cơ quan quản lý nhà nước tổ chức.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Tổng công ty luôn quan tâm hưởng ứng và tích cực tham gia các phong trào phát triển cộng đồng trên các mặt kinh tế, xã hội kể cả việc hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng như: phát triển sản xuất, mở rộng thị trường, tạo thêm việc làm cho người lao động tại địa phương và các tỉnh lân cận. Hàng năm ủng hộ, duy trì thực hiện tốt công tác xã hội, đền ơn đáp nghĩa .v.v.... như: Từ năm 1996 đến nay đã nhận phụng dưỡng 16 mẹ VNAH và đang tiếp tục phụng dưỡng 03 mẹ VNAH, ủng hộ đồng bào bị thiên tai lũ lụt, khuyến học cho các cháu học sinh khá giỏi là con CBCNV LĐ; xây dựng nhà đoàn kết; ủng hộ Quỹ vì người nghèo, quỹ đền ơn đáp nghĩa .v.v..... Số tiền thực hiện công tác từ thiện xã hội năm 2023 là 1,05 tỷ đồng (không tính các đơn vị công ty con, công ty liên doanh liên kết của Tổng công ty).

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN (không có).

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Đánh giá chung:

Năm 2023 đã qua và đối diện với nhiều thách thức trên mọi hoạt động kinh tế xã hội động, giá hàng hoá, nguyên, nhiên vật liệu biến tăng tăng lên cao, sự giảm sút đơn hàng xuất khẩu đồ gỗ đã tạo ra nhiều khó khăn lớn cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, với nhiều giải pháp linh hoạt, kịp thời cùng với sự quyết tâm cao của Hội đồng quản trị - Ban Tổng Giám đốc - CBCNV đã tổ chức quản lý điều hành tốt hoạt động SXKD năm 2023 và tập trung đảm bảo chi tiêu lợi nhuận đạt kế hoạch giao, có tăng trưởng so với năm trước; Điều này đồng nghĩa với việc đảm bảo cổ tức cho cổ đông như Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đã đề ra trên 10%. Kết quả chi tiết hoạt động SXKD năm 2023 thể hiện tại **Phụ lục 2 và Phụ lục 3 đính kèm Báo cáo này.**

1.2. Đánh giá các đơn vị:

a) *Xí nghiệp Chế biến Lâm sản XK PISICO*

Công tác quản lý và điều hành sản xuất tiếp tục được đơn vị duy trì ổn định; Tuy nhiên, do ảnh hưởng những khó khăn chung của nền kinh tế thế giới (thị trường tiêu thụ giảm, tiêu dùng thắt chặt, hàng tồn kho của khách hàng lớn, chi phí tăng cao nhất là chi phí vận chuyển quốc tế...) cho nên số lượng đơn hàng đầu ra trong năm 2023 sụt giảm mạnh, khách hàng xác nhận đơn hàng trễ và không có dự báo trước làm cho đơn vị hầu như không thể chủ động được kế hoạch sản xuất (có thời điểm đơn vị phải hoạt động cầm chừng vì không có đơn hàng); Áp lực cạnh tranh đơn hàng giữa các nhà máy làm cho giá bán đầu ra giảm ở mức rất sâu. Do đó, kết quả hoạt động SXKD năm 2023 tại đơn vị không đạt so với kế hoạch đã đề ra.

- Doanh thu: 39,667 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 0,309 tỷ đồng.

b) *Xí nghiệp Lâm nghiệp PISICO*

- Đối với rừng thương mại: Đơn vị đã hoàn thành công tác giám sát khai thác (677,21 ha ~ 56.466,65 tấn) và trồng lại rừng thương mại (1.053,03 ha) trong năm 2023; Tuy nhiên, sản lượng khai thác năm 2023 không đạt so với kế hoạch đề ra phần nào đã ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh tại đơn vị và Tổng công ty. Về công tác chăm sóc, quản lý và bảo vệ rừng, PCCCR trong mùa khô đã được đơn vị duy trì hiệu quả, số vụ việc phá hoại đã được hạn chế, đảm bảo uy tín của PISICO đối với đối tác QPFL.

- Đối với rừng kinh tế: Đơn vị đã hoàn thành việc giám sát khai thác rừng tận thu bị ảnh hưởng tuyến đường kết nối từ QL 19 đến KCN Becamex Bình Định; Về công tác chăm sóc, quản lý và bảo vệ rừng, PCCCR trong mùa khô được đơn vị thường xuyên theo dõi, kiểm tra do đó cây trồng sinh trưởng và phát triển ổn định, số vụ việc phá hoại cây trồng đã được hạn chế.

- Đối với hoạt động tự doanh (gieo tạo cây con, thu mua gỗ nguyên liệu): đơn vị đã tích cực triển khai thực hiện nhưng hiệu quả vẫn chưa cao, kết quả không đạt so với kế hoạch do đơn vị xây dựng.

- Về nhân sự, đơn vị đã được Tổng công ty điều động 01 Phó Giám đốc di chuyển công tác sang đơn vị khác trong hệ thống PISICO và bổ nhiệm 01 Phó phòng Kế hoạch – Kỹ thuật.

Kết quả SXKD năm 2023 như sau:

- Doanh thu: 27,294 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 1,953 tỷ đồng.

c) Xí nghiệp Kinh doanh và Phát triển Hạ tầng PISICO

- Hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị tiếp tục duy trì ổn định.
- Cơ sở hạ tầng và cảnh quan CCN Cát Nhơn được đơn vị triển khai đến nay cơ bản đảm bảo mỹ quan, an ninh và an toàn trong toàn CCN.

- Tồn tại phát sinh tại đơn vị là các công nợ phát sinh mới, quá hạn, khó đòi (Cty Hòa Phát, Cty Hoàng Gia, Cty Thành Luân, Cty Trang Phúc, Cty Thành Thánh) cụ thể như sau:

- + Công nợ phát sinh (đến ngày 31/12/2023): 14.209.104.866 đồng
(Trong đó bao gồm công nợ năm 2022 là: 3.385.957.076 đồng)
- + Số công nợ đã thu (đến ngày 31/12/2023): 11.230.574.117 đồng
- + Công nợ còn lại (đến ngày 31/12/2023): 2.978.530.749 đồng

Kết quả SXKD năm 2023 như sau:

- Doanh thu: 4,263 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 1,811 tỷ đồng.

2.4. Văn phòng Tổng Công ty

- Triển khai kinh doanh gỗ keo bao bì (5.772,69 tấn), keo FSC (1.092,97 tấn) đảm bảo hiệu quả so với kế hoạch đề ra. Tích cực hỗ trợ thu mua gỗ nguyên liệu (gỗ Keo FSC, Teak Lào) cho Xí nghiệp Chế biến Lâm sản Xuất khẩu PISICO phục vụ sản xuất đơn hàng mùa vụ 2023-2024.

- Tổ chức triển khai các hoạt động liên quan đến khai thác và trồng lại rừng thương mại 2023.

- Tiến hành khai thác tận thu rừng trồng kinh tế (do ảnh hưởng đường giao thông kết nối QL 19 với KCN Becamex) và chăm sóc rừng trồng năm 2020, 2021, 2022 đảm bảo cây sinh trưởng và phát triển tốt.

- Làm chủ thầu khai thác và trồng lại rừng của Cty Nguyên liệu giấy Qui Nhơn; Kết quả đảm bảo hiệu quả so với kế hoạch đề ra.

- Về dự án Nhà ở xã hội PISICO: Hiện nay, đang hoàn thiện các thủ tục về hồ sơ thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết để xin cấp Giấy phép xây dựng và khởi công dự án theo đúng tiến độ đã đề ra.

- Về dự án Khu dân cư Ánh Việt (liên doanh với Cty Ánh Việt): Đã được phê duyệt 1/500 và đang tiếp tục hoàn thiện các hồ sơ pháp lý để triển khai xây dựng theo kế hoạch đã đề ra.

- Tích cực hỗ trợ Cty TNHH MTV HR PISICO để phối hợp với các Sở ngành liên quan, UBND Tp Quy Nhơn để xác định giá trị bồi thường và tham gia đấu giá

để triển khai dự án Trung tâm đào tạo nghề và cung ứng lao động đi nước ngoài tại Khu đô thị Long Vân.

- Tiếp tục tập trung nghiên cứu các dự án trọng điểm tại Tổng công ty và các đơn vị thành viên: Dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN trên địa bàn tỉnh Bình Định; Dự án Nhà ở xã hội tại CCN Nhơn Bình; Dự án di dời CCN Nhơn Bình (Cty PBC, Giai đoạn 2 Dự án nhà máy chế biến dăm gỗ Bồng Sơn (Cty NLG), Dự án nhà máy chế biến dăm gỗ (Cty CP ĐT PISICO Đắc Lắc).

Kết quả SXKD năm 2023 như sau:

- Doanh thu: 112,738 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 9,792 tỷ đồng.

e) Đối với các đơn vị thành viên trong hệ thống Tổng công ty: Nhìn chung, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị năm 2023 gặp nhiều khó khăn, thách thức (đặc biệt là doanh nghiệp sản xuất đồ gỗ xuất khẩu) nhưng dưới sự chỉ đạo và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty, cùng với sự nỗ lực, cố gắng phấn đấu của Lãnh đạo các đơn vị trong hệ thống PISICO, toàn thể CBCNV PISICO đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao và đem lại kết quả rất khả quan. Cụ thể tại các đơn vị như sau:

c1) Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn

Đơn vị đã triển khai nhiều biện pháp, chính sách chăm sóc khách hàng nhằm hạn chế khách hàng rời mạng và thu hút khách hàng mới; Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh tại đơn vị vẫn tiếp tục khó khăn, số lượng khách hàng Analog rời mạng tiếp tục tăng, trong khi các dịch vụ khác (truyền hình KTS, Internet) tăng trưởng không đáng kể chưa đảm bảo được kế hoạch đề ra. Do đó, kết quả sản xuất kinh doanh 2023 tại đơn vị không đạt so với kế hoạch đề ra.

Kết quả SXKD năm 2023 như sau:

- Doanh thu: 25,086 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 0,443 tỷ đồng.

c2) Công ty Dịch vụ và Phát triển hạ tầng PBC:

- Tình hình hoạt động của đơn vị cơ bản không có nhiều biến động. Đơn vị chủ yếu theo dõi quản lý các doanh nghiệp thuê cơ sở hạ tầng và chuẩn bị cho công tác thực hiện di dời CCN khi có thông báo cụ thể của UBND tỉnh. Về hoạt động kinh doanh của đơn vị, doanh thu cho thuê CSHT đã phân bổ gần hết.

- Công ty đã phối hợp với các doanh nghiệp trong CCN triển khai thực hiện công tác bảo vệ môi trường và an toàn trật tự trong CCN, qua đó công tác này đã từng bước được cải thiện, môi trường và an ninh được đảm bảo.

- Công ty đã triển khai sửa chữa một số vị trí hệ thống giao thông đã bị xuống cấp tại CCN Nhơn Bình.

Kết quả SXKD năm 2023 như sau:

- Doanh thu: 6,162 tỷ đồng.

- Lợi nhuận trước thuế: 2,036 tỷ đồng.

c3) Công ty TNHH NLG Quy Nhơn:

- Đối với hoạt động rừng: Đã triển khai khai thác rừng tại TK 74 (67,1ha) và TK 83b&93 (175,1ha) ~ 24.807,01 tấn. Tuy nhiên, do giá gỗ nguyên liệu giảm cho nên hiệu quả hoạt động này tại đơn vị không đảm bảo so với kế hoạch đề ra. Và đơn vị cũng đã hoàn thành xong công tác trồng lại rừng nhằm đảm bảo hiệu quả kinh tế cho chu kỳ tiếp theo.

- Đối với hoạt động dăm gỗ:

+ Nhà máy Bồng Sơn: Đơn vị vẫn đang tích cực làm việc với chính quyền địa phương trong việc xác định diện tích chông lán để hoàn thiện các thủ tục pháp lý liên quan để triển khai giai đoạn 2 của dự án theo tiến độ đã được UBND tỉnh Bình Định thống nhất.

+ Tại Cty NLG Quy Nhơn: Do thị trường có nhiều biến động đã ảnh hưởng hoạt động xuất khẩu tại đơn vị; Theo đó, tuy sản lượng không đạt kế hoạch đề ra, nhưng lợi nhuận đảm bảo hoàn thành tốt so với kế hoạch.

Kết quả SXKD năm 2023 như sau:

- Doanh thu: 405,487 tỷ đồng.

- Lợi nhuận trước thuế: 16,442 tỷ đồng.

c4) Công ty TNHH MTV HR PISICO:

- Đơn vị đã tiến hành ký kết Hợp tác với nghiệp đoàn Nhật Bản để cung ứng lao động theo chương trình thực tập sinh kỹ năng.

- Đơn vị cũng đã phối hợp với Văn phòng Tcty tổ chức sửa chữa, nâng cấp cơ sở đào tạo nghề tại CS1 của XNCB để phục vụ công tác quảng bá, xúc tiến hợp tác đầu tư tại đơn vị.

- Tuy nhiên hoạt động SXKD tại đơn vị vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn; Kết quả SXKD không đảm bảo so kế hoạch đề ra.

c5) Công ty CP Đầu tư PISICO Đắc Lắc:

Hiện nay, đơn vị vẫn đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản và hoàn thiện các thủ tục pháp lý xin chủ trương đầu tư; Do đó, trong năm 2023 đơn vị vẫn chưa phát sinh doanh thu.

c6) Công ty BIDINA:

- Đơn vị đã tích cực triển khai công tác bón phân và chăm sóc toàn bộ vườn cây (hàng 3, hàng 6), đầu tư sửa chữa, xây dựng mới phục vụ khai thác mũ (đổ bê tông các điểm tập kết mũ, gia cố và rải đá sửa chữa đường), trồng dặm một số diện tích cây chết.

- Thiên tai cũng đã tác động đến vườn cây (cháy rừng, cây gãy cành, cây gãy ngọn, cây bật gốc do gió, bão).

- Tình trạng thiếu hụt nhân công cạo mũ vẫn còn diễn ra, đặc biệt là tại các hiện trường như Đất Xám, Mô dưới, SaThu, Mô trên, Sen tày (cụm 2), Muonmay; Do đó, hiệu quả sản xuất kinh doanh tại đơn vị không đảm bảo so với kế hoạch đã đề ra.

Kết quả SXKD năm 2023 tại Cty TNHH Lào BIDINA như sau:

- Doanh thu: 64,988 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 6,417 tỷ đồng.

Ghi chú: Nếu tính chênh lệch tỷ giá thì hiệu quả tại báo cáo hợp nhất của Công ty BIDINA sẽ không đạt hiệu quả.

c7) Công ty CP PISICO Hà Thanh:

Đơn vị cũng gặp phải những khó khăn chung của ngành dăm gỗ trong những tháng đầu năm như đơn hàng suy giảm, giá đầu vào và đầu ra biến động...; Tuy nhiên, nhờ sự linh hoạt nắm bắt tình hình thị trường, kịp thời xây dựng giải pháp kinh doanh tại từng thời điểm cụ thể nên kết quả SXKD tại đơn vị đạt hiệu quả rất cao và hoàn thành tốt kế hoạch đề ra.

Kết quả SXKD năm 2023 như sau:

- Doanh thu: 318,515 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 18,264 tỷ đồng.

(Trong đó hiệu quả kinh doanh dăm gỗ: 9,734 tỷ đồng)

c8) Công ty CP Chế biến gỗ Nội thất Thành Tâm (tên trước đây là Công ty CP chế biến gỗ Nội thất PISICO)

Đơn vị tiếp tục duy trì hoạt động ổn định và có hiệu quả cao; Đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

Kết quả SXKD năm 2023 như sau:

- Doanh thu: 190,707 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 21,743 tỷ đồng.

c9) Công ty CP Lâm sản PISICO Quảng Nam:

Năm 2023 kết quả sản xuất tại đơn vị vẫn đạt hiệu quả cao và hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Kết quả SXKD năm 2023 như sau:

- Doanh thu: 506,625 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 20,575 tỷ đồng.

2. Tình hình tài chính tại công ty mẹ: *Đính kèm Phụ lục 7*

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Có không đáng kể

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

4.1. Định hướng chung

1. Định hướng chung

Năm 2024 kinh tế toàn cầu tiếp tục gặp nhiều khó khăn, phục hồi chậm, lạm phát vẫn ở mức cao, nhu cầu tiêu dùng và các hoạt động kinh tế tiếp tục suy giảm; Xung đột đa chính trị và cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn vẫn tiềm ẩn rủi ro; Thị trường xuất khẩu bị thu hẹp, tổng cầu suy giảm là tình hình chung của nền kinh tế. Bên cạnh đó, những tín hiệu phục hồi của nền kinh tế cũng xuất hiện mang tới động lực phát triển trong năm 2024 như sự chuyển dịch chuỗi cung ứng, dòng vốn đầu tư bắt đầu quay trở lại nhiều hơn trong mọi lĩnh vực, lãi suất và lạm phát đang giảm. Những vấn đề trên sẽ là cơ hội và thách thức cho các doanh nghiệp Việt Nam trong năm 2024.

Do đó, để đảm bảo các thành viên trong toàn hệ thống Tổng công ty PISICO tiếp tục được duy trì ổn định và phát triển, hoàn thành tốt các mục tiêu đề ra trong năm 2024 thì cần phải tích cực nỗ lực trong mọi hoạt động, phát huy hiệu quả công tác điều hành và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh và hết sức chú trọng, cố gắng phấn đấu thực hiện theo các định hướng trọng điểm như sau:

- Nắm bắt kịp thời diễn biến tình hình chính trị, kinh tế thế giới và trong nước nhằm chủ động xây dựng và triển khai các giải pháp linh hoạt, phù hợp từng thời điểm theo hoạt động của từng đơn vị.

- Đảm bảo và giải quyết việc làm cho người lao động trong hệ thống PISICO; Cố gắng gia tăng thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách, lợi ích nhằm thu hút lao động có trình độ và chất lượng cao.

- Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, tham gia các hội chợ, triển lãm, Văn phòng hoặc kho hàng tại các trung tâm mua hàng lớn để tiếp cận khách hàng mới và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

- Tập trung hoàn thiện các thủ tục pháp lý liên quan đối với các Dự án đang triển khai để khởi công, xây dựng và đưa vào kinh doanh.

- Tiếp tục nghiên cứu các dự án trọng điểm có định hướng trên cơ sở nhân lực, nguồn lực hiện có của đơn vị, với mục tiêu chính là an toàn về tài chính và hiệu quả về đầu tư.

- Đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã được ĐHĐCĐ, HĐQT thông qua.

4.2. Các chỉ tiêu chính kế hoạch năm 2024

Căn cứ dự báo tình hình kinh tế và định hướng phát triển trong năm 2024, Ban điều hành Tổng công ty PISICO dự kiến xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 như sau:

- Doanh thu toàn hệ thống: 2.005 tỷ đồng ~ tăng 8% so với kế hoạch 2023; tăng 19% so với thực hiện 2023.

- Lợi nhuận toàn hệ thống: 103 tỷ đồng ~ tăng 18% so với kế hoạch 2023; tăng 7% so với thực hiện năm 2023.

- Phấn đấu chỉ tiêu thu nhập bình quân người lao động tăng trên 6% so với thực hiện năm 2023, quan tâm thực hiện tốt các chế độ cho người lao động theo quy định pháp luật.

- Thực hiện nộp ngân sách nhà nước đúng, đủ, kịp thời theo quy định.

- Tiếp tục duy trì thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng.

Trong đó chỉ tiêu công ty mẹ như sau:

- Doanh thu của công ty mẹ: 250 tỷ đồng ~ tăng 33% so với thực hiện 2023.

- Lợi nhuận trước thuế của Công ty mẹ: 40 tỷ đồng ~ tăng 20% so với kế hoạch và thực hiện 2023.

- Mức cổ tức: 12% vốn điều lệ trở lên

4.3. Một số giải pháp quản lý điều hành chủ yếu tại công ty mẹ

a) Về hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tập trung công tác quản lý, chỉ đạo điều hành trong đó tích cực hỗ trợ các đơn vị thành viên đảm bảo mang lại hiệu quả kinh doanh.

- Tăng cường tham gia các hội chợ triển lãm trong và ngoài nước để đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển và mở rộng thị trường xuất khẩu phù hợp với nguồn lực sản xuất tại các đơn vị thành viên.

- Tiếp tục duy trì các lĩnh vực, hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả cao của PISICO trong năm 2023.

- Tăng cường kiểm soát chi phí sản xuất, quản lý và xử lý các công nợ khó đòi nhằm giảm thiểu rủi ro đảm bảo mang lại hiệu quả kinh doanh tại các đơn vị.

- Tích cực hỗ trợ, tìm kiếm giải pháp điều hành, quản lý hoạt động SXKD tại các đơn vị đang gặp khó khăn tiến đến hoạt động có hiệu quả trong năm 2024.

b) Công tác nhân sự:

- Tiếp tục nâng cao chất lượng cuộc sống, thu nhập của người lao động, thực hiện chế độ đãi ngộ hợp lý để duy trì lực lượng lao động hiện có và thu hút nhân sự chất lượng cao trong thời gian tới.

- Tổ chức đào tạo hoặc tham gia các khóa đào tạo cho người lao động nhằm mục tiêu nâng cao năng lực, trình độ, nghiệp vụ chuyên môn trong công tác sản xuất, quản lý điều hành tại PISICO.

- Đẩy mạnh công tác tuyển dụng lao động đặc biệt là đối với cán bộ cấp quản lý, chất lượng cao nhằm xây dựng đội ngũ lao động kế thừa đáp ứng nhu cầu phát triển của Tổng công ty tương lai.

c) Công tác triển khai dự án đầu tư:

- Hoàn thiện và đưa vào vận hành Nhà máy chế biến dăm gỗ tại huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk của Công ty CP Đầu tư PISICO Đắk Lắk.

- Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục pháp lý để sớm triển khai đầu tư đưa vào vận hành các Dự án theo tiến độ đầu tư đã cam kết: Dự án Nhà ở xã hội PISICO, Dự án Khu dân cư thương mại Ánh Việt (liên doanh với Công ty Ánh Việt), Dự án mở rộng CCN Cát Nhơn.

d) Công tác nghiên cứu đầu tư dự án:

- Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ đăng ký triển khai dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật CCN trên địa bàn huyện Vân Canh hoặc huyện Tây Sơn nhằm chuyển đổi CCN Canh Vinh đã giao lại cho dự án Becamex Bình Định.

- Nghiên cứu đầu tư 01 dự án chế biến sản xuất Viên nén, dăm gỗ xuất khẩu tại tỉnh Bình Định.

- Tích cực xúc tiến đầu tư dự án trọng điểm như: Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu xây dựng thông thường.

- Tiếp tục tăng cường hỗ trợ các đơn vị trong hệ thống PISICO hoàn thiện thủ tục pháp lý để triển khai thực hiện các dự án quan trọng như:

+ Cty CP phát triển dịch vụ hạ tầng P.B.C: Dự án di dời CCN Nhơn Bình ra khỏi nội thành Tp. Quy Nhơn.

+ Công ty TNHH MTV HR-PISICO: Dự án Trung tâm đào tạo nghề và cung ứng lao động đi nước ngoài tại Khu đô thị Long Vân, P. Trần Quang Diệu.

+ Công ty TNHH NLG Qui Nhơn: Dự án Nhà máy chế biến dăm gỗ Bồng Sơn – giai đoạn 2 tại thôn Thiết Đính, P.Bồng Sơn, TX. Hoài Nhơn.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Chi tiết Đính kèm chi tiết Công văn số 91/TCT-TCKT, 92/TCT-TCKT ngày 30/03/2024 của Tổng Giám đốc.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của PISICO

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: Luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường; đảm bảo tương đối các tiêu chí môi trường theo quy định.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: PISICO luôn quan tâm, chăm lo đến đời sống CBCNV LĐ trong đơn vị cả về vật chất và tinh thần. Đảm bảo đủ việc làm và có thu nhập ở mức trung bình khá so với mặt bằng chung trên địa bàn Tỉnh. Đóng BHXH đầy đủ, giải quyết kịp thời các chế độ, chính sách BHXH, ốm đau, thai sản, nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, tiền lương, tiền thưởng, chế độ ăn giữa ca; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện làm việc, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động, bố trí công việc phù hợp với điều kiện sức khỏe và khả năng của người lao động. Thường xuyên quan tâm công tác đào tạo: tạo điều kiện cho người lao động đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, gửi tham dự các lớp tập huấn, các lớp đào tạo.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Ngoài việc phát triển sản xuất và mở rộng thị trường xuất khẩu nhằm tạo thêm việc làm và thu nhập cho lao động địa phương trong và ngoài tỉnh. PISICO còn tích cực tham gia các hoạt động giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ tại địa bàn, các hoạt động tương thân, tương ái, ủng hộ, hỗ trợ các tổ chức xã hội, nhân đạo, ủng hộ đồng bào lũ lụt, phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng... cũng như các hoạt động khác của địa phương, kết nghĩa với Làng đồng bào dân tộc thiểu số .v.v...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của PISICO

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của PISICO

Đối diện với nhiều thách thức trên mọi hoạt động kinh tế xã hội động, giá hàng hoá, nguyên, nhiên vật liệu biến tăng tăng lên cao, sự giảm sút đơn hàng xuất khẩu đồ gỗ đã tạo ra nhiều khó khăn lớn cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, với nhiều giải pháp linh hoạt, kịp thời cùng với sự quyết tâm cao của Hội đồng quản trị - Ban Tổng Giám đốc - CBCNV đã tổ chức quản lý điều hành tốt hoạt động SXKD năm 2023 và tập trung đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận đạt kế hoạch giao, có tăng trưởng so với năm trước; Điều này đồng nghĩa với việc đảm bảo cổ tức cho cổ đông như Nghị

quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đã đề ra trên 10%. Về các chỉ tiêu thực hiện cụ thể theo Báo cáo tài chính được kiểm toán.

Về những nội dung lớn theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đã triển khai đến nay đạt được kết quả như sau:

- Dự án nhà máy dăm gỗ Đăk Lăk đã đến giai đoạn hoàn thiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản và sẽ đưa vào hoạt động trong năm 2024.

- Về dự án Nhà ở xã hội PISICO (do Tổng công ty PISICO trực tiếp thực hiện) đang tiến hành thủ tục về hồ sơ thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết để xin cấp Giấy phép xây dựng và sẽ khởi công dự án trong nửa cuối năm 2024.

- Về dự án Khu dân cư Ánh Việt (Tổng công ty PISICO liên doanh với Công ty TNHH TM Ánh Việt và thành lập Công ty TNHH An Việt Phát để thực hiện): Đã được phê duyệt 1/500 và đang tiếp tục hoàn thiện các hồ sơ pháp lý để triển khai xây dựng theo kế hoạch.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:

- Qua các nghị quyết, quyết định và chủ trương của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã cơ bản tổ chức thực hiện tốt; đảm bảo giữ vững việc làm thu nhập cho người lao động không thấp hơn năm trước.

- Hoạt động Hội đồng quản trị năm 2023 có nhiều cố gắng, với những giải pháp tháo gỡ khó khăn kịp thời, tạo động lực hoạt động SXKD của một số lĩnh vực đạt kết quả tăng trưởng cao so với năm 2022 như: Chế biến gỗ, dăm gỗ, khai thác mù cao su. Những chủ trương, nghị quyết Hội đồng quản trị đề ra đều phù hợp thực tiễn, có tính khả thi cao, mang lại hiệu quả tốt cho hoạt động SXKD của Tổng công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

a) Về mục tiêu, định hướng chung:

- Tiếp tục bám sát mục tiêu xây dựng PISICO là tập đoàn kinh tế tư nhân vững mạnh, có thương hiệu, sản phẩm chiến lược cạnh tranh với thị trường hội nhập quốc tế; nâng cao giá trị cổ phiếu trên thị trường.

- Tiếp tục triển khai hoàn thiện những dự án đang thực hiện và đưa vào hoạt động đúng kế hoạch.

- Tiếp tục thực hiện các định hướng: Chuyển nhượng cổ phần tại một số đơn vị có tỷ lệ sở hữu vốn thấp hoặc không thuộc lĩnh vực có lợi thế, hoặc hoạt động kém hiệu quả, khó quản lý để tập trung vốn đầu tư vào các dự án khác theo định hướng của Tổng công ty; Tiếp tục bám sát đề nghị Tỉnh chuyển đổi, đầu tư dự án Cụm công nghiệp thay thế Cụm công nghiệp Canh Vinh đã thu hồi theo quyết định của UBND tỉnh Bình Định và CCN Nhơn Bình; mở rộng diện tích rừng trồng của Tổng công ty;

Tăng vốn điều lệ theo từng giai đoạn phát triển của Tổng công ty và chuyển sàn giao dịch chứng khoán từ sàn UPCOM sang sàn HOSE trong thời gian thích hợp.

b) Về mục tiêu kế hoạch năm 2024:

a) Về chỉ tiêu hoạt động SXKD: Tích cực quản lý, chỉ đạo hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch SXKD theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua với một số chỉ tiêu phần đầu như sau:

- Doanh thu toàn hệ thống: 2.005 tỷ đồng; tăng 19% so với thực hiện 2023.
- Lợi nhuận toàn hệ thống: 103 tỷ đồng; tăng 7% so với thực hiện năm 2023.
- Phần đầu chỉ tiêu thu nhập bình quân người lao động tăng trên 6% so với thực hiện năm 2023, quan tâm thực hiện tốt các chế độ cho người lao động theo quy định pháp luật.

- Thực hiện nộp ngân sách nhà nước đúng, đủ, kịp thời theo quy định.
- Tiếp tục duy trì thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng.

Trong đó chỉ tiêu công ty mẹ như sau:

- Doanh thu của công ty mẹ: 250 tỷ đồng ~ tăng 33% so với thực hiện 2023.
- Lợi nhuận trước thuế của Công ty mẹ: 40 tỷ đồng ~ tăng 20% so với thực hiện 2023.

- Mức cổ tức: 12% vốn điều lệ trở lên

b) Dự án đầu tư phát triển:

- Tiếp tục triển khai dự án theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đã thông qua bao gồm:

- + Dự án nhà ở xã hội PISICO, sẽ khởi công trong thời gian nửa cuối năm 2024 và bàn giao đưa vào sử dụng đầu năm 2026.

- + Dự án Khu dân cư Ánh Việt

- + Hoàn thiện thủ tục pháp lý và hoàn thiện công tác đầu tư XD CB đưa vào hoạt động Dự án Nhà máy chế biến dăm gỗ tại huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk trong năm 2024.

- Tiếp tục tăng cường hỗ trợ các đơn vị thành viên trong việc nghiên cứu các thủ tục pháp lý, chủ trương để triển khai thực hiện các dự án trọng điểm tại đơn vị như:

- + Công ty CP Dịch vụ phát triển Hạ tầng PBC: Dự án di dời CCN Nhơn Bình ra khỏi Tp. Quy Nhơn.

- + Công ty HR-PISICO: Dự án Trung tâm đào tạo nghề và cung ứng lao động đi nước ngoài tại Khu đô thị Long Vân, P. Trần Quang Diệu.

- + Công ty NLG Qui Nhơn: Dự án Nhà máy chế biến dăm gỗ Bồng Sơn – giai đoạn 2 tại thôn Thiết Đính, P. Bồng Sơn, TX. Hoài Nhơn.

d) Các giải pháp chủ yếu:

- Tiếp tục nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách quản lý, quản trị, điều hành phù hợp với yêu cầu phát triển doanh nghiệp để thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Tập trung giải quyết những khó khăn đối với các đơn vị SXKD còn thấp và có giải pháp xử lý những đơn vị không thuộc tế mạnh của PISICO.

- Thường xuyên theo dõi, nắm bắt phân tích, nhận định tình hình kinh tế trong và ngoài nước để đề ra chương trình hành động của HĐQT sát với thực tiễn để chỉ đạo Ban tổng Giám đốc điều hành SXKD của Tổng công ty ngày càng hiệu quả hơn.

- Tiếp tục giữ vững, phát triển ngành nghề, đơn vị đang hoạt động ổn định, có hiệu quả tốt, có nhiều triển vọng phát triển Tổng công ty. Tiếp tục thực hiện tháo gỡ khó khăn cho các đơn vị để thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao.

- Tiếp tục củng cố tổ chức bộ máy nhân sự tương xứng quy mô hoạt động doanh nghiệp tại từng thời điểm; thực hiện cải cách cơ chế chính sách để thu hút nhân sự tích cực đóng góp xây dựng phát triển hệ thống Tổng công ty. Nghiên cứu xây dựng chính sách quản trị nhân sự có tính khuyến khích để thu hút nguồn nhân lực chất lượng chuyên môn cao, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ kế thừa đáp ứng kịp thời cho sự phát triển của Tổng công ty.

- Tiếp tục giữ vững quan hệ tốt với các khách hàng truyền thống; đa dạng hóa sản phẩm và thị trường thông qua các hoạt động thương mại, tránh bị động khi có biến cố xảy ra.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành	Ghi chú
01	Lâm Đình An	Chủ tịch HĐQT	0%	
02	Đông Thị Ánh	Phó Chủ tịch HĐQT	96,825%	Đại diện của C.ty TNHH TM Ánh Vy
03	Vũ Hồng Quân	Thành viên	0%	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: Trong năm 2023, Hội đồng quản trị tổ chức 09 cuộc họp, ban hành 38 văn bản quản lý chỉ đạo, trong đó gồm có 09 nghị quyết, 07 quyết định và 22 văn bản khác (có danh mục các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành năm 2023 đính kèm). Các cuộc họp HĐQT được tổ chức theo Luật định, Điều lệ và quy chế nội bộ quản trị PISICO.

Các nghị quyết Hội đồng quản trị được ban hành trên cơ sở Thành viên HĐQT thống nhất thông qua với tỷ lệ tuyệt đối. Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết HĐQT, Chủ tịch HĐQT đã cụ thể hóa bằng quyết định đề Ban Tổng Giám đốc tổ chức điều hành hoạt động SXKD đạt kết quả tốt nhất.

Công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên và hoạt động công bố thông tin theo quy định về quản trị công ty đại chúng đảm bảo quy định pháp luật. Đồng thời đã bổ nhiệm người phụ trách quản trị để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định đối với Công ty đại chúng.

Danh mục các Nghị quyết và quyết định của HĐQT năm 2023 như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
I	Nghị quyết			
1	03/NQ-HĐQT	03/02/2023	Thống nhất tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng công ty PISICO Bình Định -CTCP	100%
2	06/NQ-HĐQT	23/03/2023	- Thống nhất thông qua các nội dung tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và điều động nhân sự của Xí nghiệp Kinh doanh và PTHT PISICO	100%
3	17/NQ-HĐQT	24/04/2023	Thống nhất phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2022	100%
4	20/NQ-HĐQT	6/5/2023	Thống nhất cử người đại diện vốn PISICO sở hữu tại Công ty CP Chế biến gỗ Nội thất PISICO	100%
5	23/NQ-HĐQT	13/6/2023	Thống nhất chủ trương lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2023	100%

6	25/NQ-HĐQT	24/6/2023	Thông qua việc PISICO vay vốn và giao dịch tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Định (hay tại các tổ chức tín dụng khác)	100%
7	27/NQ-HĐQT	26/6/2023	Thông nhất phê duyệt tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2023 và bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty nhiệm kỳ 2020-2025	100%
8	31/NQ-HĐQT	04/7/2023	Thông nhất bổ nhiệm lại Kế toán trưởng Tổng công ty PISICO Bình Định – Công ty cổ phần	100%
9	36/NQ-HĐQT	09/08/2023	Thông qua nội dung Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty cổ phần đầu tư góp vốn thành lập Công ty cổ phần Đầu tư PISICO Đắc Lắc	100%
II Quyết định				
1	18/QĐ-HĐQT	24/04/2023	Quyết định về việc phê duyệt tiền lương, thù lao thực hiện năm 2022	
2	21/QĐ-HĐQT	06/05/2023	Quyết định về việc cử Người đại diện quản lý phần vốn góp của Tổng công ty PISICO Bình Định tại Công ty CP Chế biến gỗ Nội thất PISICO	
3	28/QĐ-HĐQT	26/6/2023	Quyết định về việc phê duyệt tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2023	
4	32/QĐ-HĐQT	04/7/2023	Bổ nhiệm ông Nguyễn Hoàng Lam tiếp tục giữ chức vụ Kế toán trưởng Tổng công ty PISICO Bình Định – Công ty cổ phần	
5	34/QĐ-HĐQT	20/07/2023	Quyết định về việc cử người đại diện quản lý phần vốn PISICO đầu tư tại Công ty cổ phần Đầu tư PISICO Đắc Lắc	

6	37/QĐ-HĐQT	09/08/2023	Quyết định về việc góp vốn thành lập Công ty cổ phần Đầu tư PISICO Đắk Lắk	
7	38/QĐ-HĐQT	31/08/2023	Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị và kiêm nhiệm Thư ký HĐQT Tổng công ty PISICO Bình Định – Công ty cổ phần	

Tình hình tham dự họp Hội đồng quản trị của các thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông: Lâm Đình An	09	100%	
2	Bà: Đồng Thị Ánh	09	100%	
3	Ông: Vũ Hồng Quân	09	100%	

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không có.

2. Ban kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành
01	Nguyễn Hoàng Hải	Trưởng ban	0%
02	Đồng Thị Quỳnh Hương	Thành viên	0%
03	Nguyễn Tấn Bảo Toàn	Thành viên	0,018%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Năm 2023, Ban kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên nhằm thống nhất kế hoạch triển khai và đã thực hiện triển khai công tác giám sát tình hình hoạt động SXKD, giám sát hoạt động của HĐQT và Ban điều hành, thẩm định báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán FAC. Ngoài ra các thành viên Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi công việc qua email, điện thoại ,v.v... nhằm nắm bắt về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của PISICO.

Các thành viên Ban kiểm soát đã nghiêm túc thực hiện quyền hạn, trách nhiệm trong việc thực thi nhiệm vụ được giao một cách trung thực, khách quan với tinh thần vì lợi ích của cổ đông theo quy định của Điều lệ PISICO và theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Quỹ tiền lương của Chủ tịch HĐQT chuyên trách, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách và Kế toán trưởng thực hiện năm 2023 là: 2.533.224.000 đồng.

- Thù lao thành viên HĐQT không chuyên trách: 144.000.000 đồng

- Thù lao thành viên BKS không chuyên trách: 60.000.000 đồng

Tổng cộng: 2.737.224.000 đồng

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Cơ bản đáp ứng yêu cầu. Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục nâng cao hiệu quả quản trị công ty theo quy định mới về quản trị công ty đại chúng.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: Chi tiết đính kèm trong Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Đính kèm báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính công ty mẹ công bố tại Website: [www.http://pisico.vn](http://pisico.vn). và đã được công bố theo Công văn số 91/TCT-TCKT ngày 30/3/2024; Công văn số 92/TCT-TCKT ngày 30/3/2024 của Tổng Giám đốc Tổng công ty PISICO Bình Định – Công ty cổ phần đã gửi Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vfa công bố theo quy định./.

Nơi nhận:

- Sở GDCK Hà Nội;
- Trưởng Ban kiểm soát;
- Website PISICO;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Lâm Đình An



Phụ lục 1: CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT
(Đính kèm Báo cáo thường niên năm 2023)

STT	Tên đơn vị	Công ty con, công ty liên kết	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Vốn điều lệ của đơn vị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu của PISICO	Ghi chú
1	Công ty TNHH MTV Truyền hình Cáp Quy Nhơn	Công ty con	198 Trần Hưng Đạo, Tp Quy Nhơn, Bình Định	Quản lý hoạt động và kinh doanh truyền hình cáp, dịch vụ Internet ...	10.000.000.000	100%	
2	Công ty TNHH Một thành viên HR PISICO	Công ty con	99 Tây Sơn, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	5.000.000.000	100%	
3	Công ty Cổ phần PISICO Đắc Lắc	Công ty con	Số 25 An Dương Vương, Thị trấn M'Đrăk, M'Đrăk, Đắc Lắc	Chế biến dăm gỗ; Trồng rừng; khai thác gỗ	15.000.000.000	80,87%	
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Hạ tầng P.B.C	Công ty con	Lô điều hành CCN Nhơn Bình, TP. Quy Nhơn, Bình Định	Đầu tư kinh doanh cụm công nghiệp và các dịch vụ liên quan	15.000.000.000	99,90%	
5	Công ty TNHH Đầu tư An Việt Phát	Công ty con	99 Tây Sơn, phường Ghềnh Ráng, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Đầu tư hạ tầng, kinh doanh bất động sản	350.000.000.000	57,14%	
6	Công ty TNHH Nguyên liệu Giấy Qui Nhơn	Công ty con	Đường số 10, KCN Phú Tài, TP Quy Nhơn, Bình Định	Chế biến dăm gỗ; Trồng rừng; khai thác gỗ	24.500.000.000	51,00%	
7	Công ty Cổ phần Đầu tư PISICO Đắc Lắc	Công ty con	Số 25 An Dương Vương, Thị trấn M'Đrăk, M'Đrăk, Đắc Lắc	Chế biến dăm gỗ; Trồng rừng; khai thác gỗ	12.000.000.000	83,19%	
8	Công ty CP kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định (BIDINA)	Công ty liên kết	Tầng 5, 99 Tây Sơn, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Trồng cây cao su, khai thác chế biến mủ cao su	180.000.000.000	50,00%	



Phụ lục 2: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD THEO TỔNG HỢP CÔNG TY MẸ
(Đính kèm Báo cáo thường niên năm 2023)

Nội dung	Thực hiện năm 2022	Năm 2023		Biến động so với	
		Kế hoạch	Thực hiện	Năm 2022	Kế hoạch
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh					
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu (m3)	987,5844	1.600	485,8215	-51%	
2. Sản lượng tiêu thụ sản phẩm chủ yếu (m3)	984,536	1.600	563,967	-43%	
3. Tồn kho cuối kỳ (m3)	294		428,07	46%	
B. Chỉ tiêu tài chính					
Tổng doanh thu	200.102.868.979	250.300.000.000	187.911.643.851		75%
1. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	177.285.776.560		161.046.734.783	90,84%	
2. Giá vốn hàng bán	143.682.071.035		131.190.978.018	91,31%	
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	33.603.705.525		29.855.756.765	88,85%	
4. Doanh thu hoạt động tài chính	22.075.275.428		26.257.314.630	118,94%	
5. Chi phí tài chính	4.928.491.162		6.400.735.988	129,87%	
6. Chi phí bán hàng	5.179.955.674		3.512.800.067	67,82%	
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.666.844.049		13.425.590.425	98,23%	
8. Lợi nhuận về hoạt động kinh doanh	31.903.690.068		32.773.944.915	102,73%	
9. Thu nhập khác	741.816.991		607.594.438	81,91%	
10. Chi phí khác	227.818.373		3.000.000	1,32%	
11. Lợi nhuận khác	513.998.618		604.594.438	117,63%	
12. Tổng LN kế toán trước thuế	32.417.688.686	33.200.000.000	33.378.539.353	102,96%	100,54%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.292.568.356		1.945.156.437	59,08%	
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	315.314.896		326.630.160	103,59%	
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN	28.809.805.434		31.106.752.756	107,97%	



Phụ lục 3: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH THEO HỢP NHẤT
(Đính kèm Báo cáo thường niên năm 2023)

STT	Kết quả kinh doanh	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023	% Tăng/giảm so với năm 2021
1	Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	602.850.644.924	564.637.908.749	93,66%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	602.850.644.924	564.637.908.749	93,66%
4	Giá vốn hàng bán	522.189.043.363	493.577.925.699	94,52%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	80.661.601.561	71.059.983.050	88,10%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	12.460.266.400	12.258.456.920	98,38%
7	Chi phí tài chính	7.284.266.122	8.595.066.781	117,99%
8	Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	17.716.949.963	47.380.237.376	267,43%
9	Chi phí bán hàng	29.943.064.096	23.019.157.820	76,88%
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25.635.441.060	25.286.507.249	98,64%
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	47.976.046.646	73.797.945.496	153,82%
12	Thu nhập khác	2.483.742.409	2.289.103.196	92,16%
13	Chi phí khác	1.688.219.658	124.443.777	7,37%
14	Lợi nhuận khác	795.522.751	2.164.659.419	272,11%
15	Tổng lợi nhuận trước thuế	48.771.569.397	75.962.604.915	155,75%
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.314.650.946	4.977.818.787	78,83%
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	344.947.789	338.575.710	98,15%
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	42.111.970.662	70.646.210.418	167,76%
19	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	36.304.033.797	64.967.785.137	178,95%
20	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	5.807.936.865	5.678.425.281	97,77%
21	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.320	2.362,46	178,97%



Phụ lục 4: TÓM TẮT VỀ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT
(Đính kèm Báo cáo thường niên năm 2023)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên công ty con, công ty liên kết	Vốn điều lệ		PHẦN SỞ HỮU CỦA PISCO				Doanh thu		Lợi nhuận sau thuế		Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia năm báo cáo
		Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 31/12/2023	Tỷ lệ sở hữu		Giá trị		01/01/2022 -31/12/2023	01/01/2023 -31/12/2023	01/01/2022 -31/12/2022	01/01/2023 -31/12/2023	
				Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 31/12/2023					
I	Công ty con											
-	Cty TNHH MTV truyền hình Cáp Quy Nhơn	10.000	10.000	100	100	4.928	4.928	28.083	24.832	1.661,0	322,0	
-	Cty CP DV Phát triển Hạ tầng PBC	15.000	15.000	99,90	99,90	14.985	14.985	3.073	2.658	1.870,0	1.607,0	
-	Cty TNHH Nguyên liệu Giấy Quy nhơn	24.500	24.500	51,00	51,00	12.495	12.495	276.487	399.233	162,1	13.696,0	
-	Công ty TNHH MTV HR PISICO	5.000	5.000	100,00	100,00	5.000	5.000	0	0	-543,1	-743,9	
-	Công ty CP PISICO ĐAKLAK	15.000	15.000	80,87	80,87	4.488	5.294	0	0	0,0	0,0	
-	Công ty CP Đầu tư PISICO ĐAKLAK		12.000				1.547		0	0,0	0,0	
-	Công ty TNHH Đầu tư An Việt Phát	350.000	350.000	57,14	57,14	1.240	26.546	0	0	-11,3	-14,0	
II	Công ty Liên kết											
-	Cty CP kinh doanh CNN Bình Định (BIDINA)	180.000	180.000	50	50	90.000	90.000	-	-	0,0		
-	Công ty CP chế biến gỗ Nội thất PISICO	22.500	22.500	40,01	40,01	9.003	9.003	255.823	255.823	20.129,1		
-	Công ty CP PISICO Hà Thanh	23.800	23.800	44,97	44,97	10.703	10.703	387.451	387.451	10.718,6		
-	Cty TNHH SX Dăm gỗ Bình Định	15.321	15.321	22,95	22,95	3.516	3.516	432.593	432.593	10.761,0		
III	Đầu tư tài chính											
-	Cổ phiếu VICOSIMEX	x	x	x	x	30	80	x	x	x		
-	Cty CPCB Lâm sản PISICO Quảng nam	12.000	12.000	18,96	18,96	2.275	2.275	481.000	481.000	9.320,0		
-	CTCP chế biến tinh bột sắn XK Bình Định	28.000	28.000	12,71	12,71	3.558	3.558	x	x	x		



Phụ lục 5: TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
(Đính kèm Báo cáo thường niên năm 2023)

Chỉ tiêu	BCTC Công ty mẹ			BCTC hợp nhất		
	31/12/2022	31/12/2023	% tăng/giảm	31/12/2022	31/12/2023	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	481.588.804.105	485.750.858.288	0,9%	513.921.545.473	622.730.758.270	21,2%
Doanh thu thuần	177.285.776.560	161.046.734.783	-9,2%	602.850.644.924	564.637.908.749	-6,3%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	31.903.690.068	32.773.944.915	2,7%	(730.061.829)	73.797.945.496	-10208,5%
Lợi nhuận khác	513.998.618	604.594.438	17,6%	795.522.751	2.164.659.419	172,1%
Lợi nhuận trước thuế	32.417.688.686	33.378.539.353	3,0%	65.460.922	75.962.604.915	115942,7%
Lợi nhuận sau thuế	28.809.805.434	31.106.752.756	8,0%	(6.594.137.813)	70.646.210.418	-1171,3%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức						



Phụ lục 6: CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU
(Đính kèm Báo cáo thường niên năm 2022)

Chỉ tiêu	BCTC công ty mẹ		BCTC hợp nhất	
	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2022	31/12/2023
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	2,08	1,81	1,72	1,63
+ Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,63	1,45	1,23	1,26
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,35	0,35	0,44	0,40
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,53	0,53	0,79	0,66
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	3,56	3,56	6,38	6,90
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,37	0,33	1,06	0,91
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,16	0,21	0,07	0,13
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,09	0,10	0,13	1,51
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,06	0,06	0,07	0,91
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,18	0,20	0,08	0,13



Phụ lục 7: TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ
(Đính kèm Báo cáo thường niên năm 2023)

STT	Chỉ tiêu	Tại ngày	Tại ngày	Biến động
		01/01/2023	31/12/2023	
1.	Tổng tài sản	481.588.804.105	485.750.858.288	0,9%
2.	Vốn chủ sở hữu	315.253.440.579	317.618.193.335	0,8%
3.	Nợ phải thu	98.437.469.810	114.301.780.093	16,1%
	Trong đó: Nợ khó đòi	0	0	
4.	Nợ phải trả	166.335.363.526	168.132.664.953	1,1%
	Trong đó: Nợ quá hạn	0	0	

Số: 91 /TCT-TCKT

Bình Định, ngày 30 tháng 03 năm 2024

V/v công bố thông tin về Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023 và giải trình các nội dung liên quan.

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng công ty PISICO Bình Định – CTCP thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau :

1. BCTC năm 2023

- BCTC năm 2023 theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm :

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các văn bản giải trình phải công bố thông tin cùng với BCTC theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước?

Có

Không

Văn bản giải trình lợi nhuận thay đổi 10% so với cùng kỳ năm trước:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại?

Có

Không

Văn bản giải trình lợi nhuận sau thuế trong kỳ lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website PISICO;
- Ban Tổng giám đốc;
- Các phòng nghiệp vụ
- Lưu: VT.

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Dòng Thị Anh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH -
CÔNG TY CỔ PHẦN**



MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. MỤC LỤC	1
2. THÔNG TIN CHUNG	2
3. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	3
4. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
5. BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
5.1 Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 9
5.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	10
5.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	11 - 12
5.4 Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	13 - 39

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 99 Tây Sơn, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

THÔNG TIN CHUNG

KHÁI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), tiền thân là Tổng Công ty Sản xuất Đầu tư Dịch vụ Xuất Nhập khẩu Bình Định, là công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 23/06/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 4100258987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu vào ngày 01/09/2010.

Ngày 27/01/2014, Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4100258987 thay đổi lần thứ 3, chuẩn y cho việc chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang công ty cổ phần.

Hiện, Tổng Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4100258987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp thay đổi lần thứ 7 vào ngày 03/11/2017 với vốn điều lệ là 275.000.000.000 VND.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là PIS.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 99 Tây Sơn, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Điện thoại : (0256) 3 947 099

Fax : (0256) 3 947 029

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty bao gồm: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ; Chế biến lâm sản; Tư vấn thiết kế công trình lâm sinh; Kinh doanh truyền hình cáp; Đầu tư hạ tầng; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh nguyên liệu giấy; Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp; Khai thác gỗ; Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài; Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Hoạt động của trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm; Cung ứng lao động tạm thời; Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp...

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lâm Đình An	Chủ tịch
Bà Đồng Thị Ánh	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Hồng Quân	Thành viên

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Hoàng Hải	Trưởng ban
Bà Đồng Thị Quỳnh Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Tấn Bảo Toàn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà Đồng Thị Ánh	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tường Linh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lâm Duy Việt	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18/01/2024
Ông Nguyễn Hoàng Lam	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 01/07/2023

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là bà Đồng Thị Ánh - Tổng Giám đốc và ông Lâm Đình An - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 99 Tây Sơn, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Tổng Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với các Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt báo cáo tài chính riêng kèm theo. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đông Thị Anh

Tổng Giám đốc

Bình Định, ngày 30 tháng 3 năm 2024

Số: 038/2024/BCTC-FACNT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2024, từ trang 6 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- (a) Như trình bày tại thuyết minh số 3.1 trong thuyết minh báo cáo tài chính riêng, ngoài lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty còn lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"). Tại thuyết minh số 28.1 và số 47 của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn có trình bày về việc điều chỉnh hồi tố số liệu liên quan đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, việc điều chỉnh hồi tố này dẫn đến lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hợp nhất tại ngày 31/12/2022 bị âm với số tiền là 41.661.865.977 VND (tại ngày 31/12/2021 bị âm 1.693.755.164 VND). Nên việc Tổng Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2022 và năm 2021 (xem thuyết minh số 26.4) là chưa phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

- (b) Như trình bày tại thuyết minh số 17 trong Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31/12/2023 trong chỉ tiêu "Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết" Tổng Công ty có khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định (gọi tắt là "CNN Bình Định") với số tiền là 110.011.633.155 VND (tại ngày 01/01/2023 là 110.011.633.155 VND). Theo báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của CNN Bình Định chưa được kiểm toán, CNN Bình Định đang có khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái và lỗ lũy kế đáng kể làm cho vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2023 thấp hơn vốn góp của chủ sở hữu là 84.006.419.413 VND (tại ngày 01/01/2023 thấp hơn là 188.304.864.957 VND). Do đó, theo quy định của Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành thì Tổng Công ty cần phải thực hiện trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá không có sự suy giảm giá trị của khoản đầu tư nên Tổng Công ty không cần phải trích lập dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư này.

Cho đến thời điểm phát hành báo cáo này, Chúng tôi chưa thu thập được các tài liệu đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về sự suy giảm giá trị của khoản đầu tư vào CNN Bình Định, nên chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh đối với chỉ tiêu "Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn", "Chi phí tài chính" và các chỉ tiêu khác liên quan trên báo cáo tài chính riêng hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 3.1 trong Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tổng Công ty và các công ty con (được gọi chung là "Tập đoàn") để đáp ứng các quy định công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng này nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC

CHI NHÁNH NHÀ TRANG



Nguyễn Thịnh

Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0473-2023-099-1

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 3 năm 2024

Nguyễn Minh Huy

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 3229-2020-099-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		169.428.333.369	185.489.401.232
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	18.687.029.436	43.249.457.031
1. Tiền	111		18.687.029.436	37.249.457.031
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	6.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		114.301.780.093	98.437.649.810
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	25.217.004.954	24.099.506.128
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	17.860.359.522	8.823.399.522
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	37.641.199.000	40.130.780.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.1	36.318.222.773	28.834.847.866
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(2.735.006.156)	(3.450.883.706)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		33.229.632.015	40.398.758.175
1. Hàng tồn kho	141	11	33.229.632.015	40.398.758.175
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.209.891.825	3.403.536.216
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.1	299.384.336	344.337.809
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.666.324.094	3.059.198.407
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	244.183.395	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 99 Tây Sơn, phường Ghềnh Ráng,
thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

Mẫu B 01-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		316.322.524.919	296.099.402.873
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.951.825.000	3.951.825.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	9.2	3.951.825.000	3.951.825.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		48.738.487.463	53.364.217.031
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	38.453.907.255	42.770.996.535
<i>Nguyên giá</i>	222		101.943.182.067	102.411.182.067
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(63.489.274.812)	(59.640.185.532)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	10.284.580.208	10.593.220.496
<i>Nguyên giá</i>	228		13.661.264.000	13.661.264.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.376.683.792)	(3.068.043.504)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	26.948.234.316	24.376.262.855
<i>Nguyên giá</i>	231		36.920.640.136	33.607.270.817
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(9.972.405.820)	(9.231.007.962)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		7.092.518.372	7.993.768.633
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	16	7.092.518.372	6.260.573.278
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	1.733.195.355
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		224.062.709.476	199.901.636.650
1. Đầu tư vào công ty con	251	17	95.565.264.449	67.904.455.290
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	17	127.476.363.712	127.476.363.712
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	17	7.511.619.996	7.511.619.996
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	17	(6.490.538.681)	(2.990.802.348)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.528.750.292	6.511.692.704
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.2	4.733.881.420	5.390.193.672
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	36	794.868.872	1.121.499.032
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		485.750.858.288	481.588.804.105

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 99 Tây Sơn, phường Ghènh Ráng,
thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

Mẫu B 01-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		168.132.664.953	166.335.363.526
I. Nợ ngắn hạn	310		93.786.093.648	89.279.651.222
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	8.376.115.284	9.967.205.028
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	10.111.088.510	2.272.580.948
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	1.190.725.396	2.218.091.499
4. Phải trả người lao động	314		7.274.707.076	12.486.989.302
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	2.372.590.114	1.105.465.739
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	22.1	2.775.224.136	2.562.145.245
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	23	9.714.225.257	1.141.355.296
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	51.252.458.945	57.043.329.076
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	25	718.958.930	482.489.089
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		74.346.571.305	77.055.712.304
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	22.2	74.346.571.305	77.055.712.304
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	36	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 99 Tây Sơn, phường Ghềnh Ráng,
thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

Mẫu B 01-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		317.618.193.335	315.253.440.579
I. Vốn chủ sở hữu	410		317.618.193.335	315.253.440.579
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	26	275.000.000.000	275.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		275.000.000.000	275.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	26	11.397.496.193	11.397.496.193
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	26	31.220.697.142	28.855.944.386
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		113.944.386	46.138.952
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		31.106.752.756	28.809.805.434
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		485.750.858.288	481.588.804.105

Bình Định, ngày 30 tháng 3 năm 2024



Hoàng Trọng Việt
Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởng



Đông Thị Anh
Tổng Giám đốc

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	161.046.734.783	177.285.776.560
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	28	161.046.734.783	177.285.776.560
4. Giá vốn hàng bán	11	29	131.190.978.018	143.682.071.035
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29.855.756.765	33.603.705.525
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	26.257.314.630	22.075.275.428
7. Chi phí tài chính	22	31	6.400.735.988	4.928.491.162
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.456.395.030	2.299.177.021
8. Chi phí bán hàng	25	32	3.512.800.067	5.179.955.674
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	13.425.590.425	13.666.844.049
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		32.773.944.915	31.903.690.068
11. Thu nhập khác	31	34	607.594.438	741.816.991
12. Chi phí khác	32		3.000.000	227.818.373
13. Lợi nhuận khác	40		604.594.438	513.998.618
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		33.378.539.353	32.417.688.686
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35	1.945.156.437	3.292.568.356
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	36	326.630.160	315.314.896
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		31.106.752.756	28.809.805.434

Bình Định, ngày 30 tháng 3 năm 2024

Hoàng Trọng Việt
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởng



Đông Thị Ánh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		33.378.539.353	32.417.688.686
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	38.1	5.549.127.426	5.485.106.568
- Các khoản dự phòng	03	38.2	2.783.858.783	53.668.974
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		54.619.045	391.224.517
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	38.3	(25.847.165.507)	(21.217.267.739)
- Chi phí lãi vay	06	31	2.456.395.030	2.299.177.021
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		18.375.374.130	19.429.598.027
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(11.201.171.444)	4.892.610.984
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		6.337.181.066	(5.437.011.470)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		8.548.342.081	(4.281.614.863)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		701.265.725	(853.904.262)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.485.689.093)	(2.273.196.086)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	20	(3.120.098.748)	(1.346.488.332)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	56.640.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	25	(895.530.159)	(925.657.122)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		16.259.673.558	9.260.976.876
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.762.173.964)	(2.931.539.100)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		136.363.636	465.740.741
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(18.860.419.000)	(6.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		21.350.000.000	6.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(27.660.809.159)	(4.222.500.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	38.4	19.411.443.576	11.486.529.909
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.385.594.911)	4.798.231.550

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 99 Tây Sơn, phường Ghềnh Ráng,
thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (tiếp theo)

Mẫu B 03-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2023	2022
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	24	147.878.663.690	134.554.569.784
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	24	(153.708.154.821)	(113.666.254.512)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(27.602.403.990)	(23.372.646.375)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(33.431.895.121)	(2.484.331.103)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(24.557.816.474)	11.574.877.323
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	43.249.457.031	31.922.723.510
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(4.611.121)	(248.143.802)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	18.687.029.436	43.249.457.031

Bình Định, ngày 30 tháng 3 năm 2024


Hoàng Trọng Việt
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởngĐông Thị Anh
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1.1 Thông tin về Tổng Công ty

Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), tiền thân là Tổng Công ty Sản xuất Đầu tư Dịch vụ Xuất Nhập khẩu Bình Định, là công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 4100258987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu vào ngày 01 tháng 9 năm 2010.

Ngày 17 tháng 10 năm 2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 3065/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa chuyển Tổng Công ty Sản xuất Đầu tư Dịch vụ Xuất Nhập khẩu Bình Định thành Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần.

Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 27/01/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4100258987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp đăng ký thay đổi lần thứ 3 vào ngày 27 tháng 01 năm 2014.

Hiện, Tổng Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4100258987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp thay đổi lần thứ 7 vào ngày 03/11/2017 với vốn điều lệ là 275.000.000.000 VND.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là PIS.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 99 Tây Sơn, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Tổng Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau như là sản xuất, dịch vụ, bất động sản...

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty bao gồm: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ; Chế biến lâm sản; Tư vấn thiết kế công trình lâm sinh; Kinh doanh truyền hình cáp; Đầu tư hạ tầng; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh nguyên liệu giấy; Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp; Khai thác gỗ; Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài; Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Hoạt động của trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm; Cung ứng lao động tạm thời; Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp...

1.2 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là không quá 12 tháng.

1.3 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

1.4 Nhân viên

Số lượng cán bộ và nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2023 là 239 người (tại ngày 31/12/2022 là 283 người).

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 99 Tây Sơn, phường Ghènh Ráng,
thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

1.5 Cấu trúc Tổng Công tyTại ngày 31/12/2023, Tổng Công ty có 07 công ty con trực tiếp, 05 công ty liên kết và 03 đơn vị trực thuộc.
Chi tiết như sau:**a. Các công ty con**

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ (ĐVT: 1.000 VND)	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Hạ tầng P.B.C	Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Đầu tư kinh doanh cụm công nghiệp và các dịch vụ liên quan	15.000.000	99,90%	99,90%	99,90%
Công ty TNHH Một thành viên Truyền hình Cấp Quy Nhơn	Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Quản lý hoạt động và kinh doanh truyền hình cáp, dịch vụ internet...	10.000.000	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Nguyên liệu Giấy Qui Nhơn	Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Chế biến dăm gỗ; Trồng rừng; Khai thác gỗ...	24.500.000	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty TNHH Một thành viên HR PISICO	Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	5.000.000	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần PISICO ĐẮC LẮK	Huyện M'Đrăk, tỉnh ĐẮC LẮK	Chế biến dăm gỗ; Trồng rừng; Khai thác gỗ...	15.000.000	80,87%	80,87%	80,87%
Công ty TNHH Đầu tư An Việt Phát	Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Đầu tư hạ tầng; Kinh doanh bất động sản	350.000.000	57,14%	57,14%	57,14%
Công ty Cổ phần Đầu tư PISICO ĐẮC LẮK	Huyện M'Đrăk, tỉnh ĐẮC LẮK	Chế biến dăm gỗ; Trồng rừng; Khai thác gỗ...	12.000.000	83,19%	83,19%	83,19%

b. Các công ty liên kết

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ (ĐVT: 1.000 VND)	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Kinh doanh Công nghiệp Bình Định	Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Trồng cây cao su; Khai thác, chế biến mủ cao su	180.000.000	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Nội thất Thành Tâm (tên cũ: Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Nội thất PISICO)	Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;...	22.500.000	40,01%	40,01%	40,01%
Công ty Cổ phần PISICO - Hà Thanh	Huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định	Chế biến dăm gỗ; Sản xuất nguyên liệu giấy...	23.800.000	44,97%	44,97%	44,97%
Công ty TNHH Lào Bidina (*)	Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	Trồng và khai thác cây cao su		50,00%	50,00%	50,00%
Công ty TNHH Sản xuất Dăm gỗ Bình Định (*)	Thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định	Chế biến dăm gỗ; Sản xuất nguyên liệu giấy...		45,00%	45,00%	22,95%

(*) Công ty TNHH Lào Bidina có vốn điều lệ là 85.000.000.000 LAK, là công ty được sở hữu 100% vốn bởi Công ty Cổ phần Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định, Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty này thông qua Công ty Cổ phần Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định.

Công ty TNHH Sản xuất Dăm gỗ Bình Định có vốn điều lệ là 15.321.000.000 VND, là công ty mà Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn sở hữu 45% vốn, Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty này thông qua Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn.

c. Các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Chế biến Lâm sản Xuất khẩu PISICO - Chi nhánh PISICO	Khu vực 7, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Xí nghiệp Lâm nghiệp PISICO - Chi nhánh PISICO	Tổ 6, khu vực 7, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Xí nghiệp Kinh doanh và Phát triển Hạ tầng PISICO - Chi nhánh PISICO	Số 99 đường Tây Sơn, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán cũng như lập và trình bày báo cáo tài chính riêng là Đồng Việt Nam ("VND").

3. CƠ SỞ LẬP VÀ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

3.1 Cơ sở lập và trình bày báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập báo cáo tài chính riêng.

Ngoài ra, Tổng Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tổng Công ty và các công ty con (được gọi chung là "Tập đoàn") để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng này nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

3.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC, hệ thống các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Do đó, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3.3 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện các Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của các công ty này.

Công ty liên kết là các công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là báo cáo tài chính hợp nhất. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm các chi phí trực tiếp để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

4.6 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá; còn các chi phí bảo trì và sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 30 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 06 - 15 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 25 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 08 năm |
| - Tài sản cố định hữu hình khác | 04 - 08 năm |

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá, còn các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của Quyền sử dụng đất có thời hạn là không quá 50 năm.

4.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành. Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá. Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi lỗ phát sinh do bán bất động sản đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các công trình hạ tầng cụm công nghiệp là không quá 50 năm.

4.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.12 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.13 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện phần doanh thu nhận trước của nhiều kỳ kế toán liên quan đến hoạt động cho thuê văn phòng và cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp. Doanh thu nhận trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian cho thuê.

4.14 Các khoản dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ dẫn đến nhiều khả năng là cần chuyển giao các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ. Tỷ lệ chiết khấu được sử dụng là tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh rõ những ước tính trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

4.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch;
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng tại thời điểm này theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.16 Vốn chủ sở hữu

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.
- Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Tổng Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty.
- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.
- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có Quyết định chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

4.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.
- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.
- Doanh thu từ cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.18 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho, dự phòng giảm giá và tổn thất hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.19 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận khi phát sinh.

4.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 99 Tây Sơn, phường Ghềnh Ráng,
thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4.21 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Tiền mặt tại quỹ	4.184.372.775	6.226.951.367
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.502.656.661	31.022.505.664
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	-	6.000.000.000
Cộng	<u>18.687.029.436</u>	<u>43.249.457.031</u>

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Bên liên quan	1.815.540.155	1.825.177.552
- Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	1.794.373.163	1.809.070.305
- Công ty TNHH MTV HR PISICO	16.166.992	3.157.668
- Công ty TNHH Thương mại Ánh Việt	5.000.000	12.949.579
Bên thứ ba	23.401.464.799	22.274.328.576
- Obi Group Sourcing Hong Kong Limited	2.581.250.784	9.000.225.455
- Landi Schweiz AG	-	3.624.088.054
- Siplec	12.464.651.522	3.183.908.419
- Công ty TNHH Trồng rừng Quy Nhơn	3.480.175.307	476.717.356
- Các khách hàng khác	4.875.387.186	5.989.389.292
Cộng	<u>25.217.004.954</u>	<u>24.099.506.128</u>

Một phần quyền đòi nợ từ các khoản phải thu khách hàng được đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định (thuyết minh số 24).

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 99 Tây Sơn, phường Ghềnh Ráng,
thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Công ty TNHH Thương mại Ánh Việt (bên liên quan)	6.300.000.000	6.300.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Phương Việt	1.697.790.000	1.697.790.000
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng An viên An Lộc Phát	8.995.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	867.569.522	825.609.522
Cộng	<u>17.860.359.522</u>	<u>8.823.399.522</u>

Một phần quyền đòi nợ từ các khoản trả trước cho người bán được đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định (thuyết minh số 24).

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy (bên liên quan) (a)	18.780.780.000	40.130.780.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định (bên liên quan) (b)	18.860.419.000	-
Cộng	<u>37.641.199.000</u>	<u>40.130.780.000</u>

(a) Cho Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy vay theo hợp đồng vay vốn số 01/2019/HĐVV ngày 05/11/2019 và các phụ lục hợp đồng sau đó, thời hạn cho vay là đến trước ngày 31/03/2024, số tiền tối đa là 60 tỷ đồng, lãi suất vay trong năm dao động từ 6,7%/năm đến 8,4%/năm.

(b) Cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định vay theo hợp đồng vay vốn số 01/2023/HĐVV ngày 22/03/2023, thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày nhận tiền vay, số tiền tối đa là 40 tỷ đồng, lãi suất vay trong năm dao động từ 6,7%/năm đến 8,4%/năm.

9. PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
9.1 Phải thu ngắn hạn khác	36.318.222.773	28.834.847.866
Bên liên quan	31.510.569.964	25.324.961.669
- Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	10.105.081.242	7.587.450.442
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Hạ tầng P.B.C	1.498.500.000	1.498.500.000
- Công ty TNHH Nguyên liệu Giấy Quy Nhơn	4.998.000.000	3.123.750.000
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định	709.073.316	-
- Công ty Cổ phần Chế biến gỗ nội thất Thành Tâm	4.051.350.000	4.051.350.000
- Công ty Cổ phần PISICO - Hà Thanh	5.787.023.767	3.111.328.767
- Công ty TNHH Thương mại Ánh Việt	4.361.541.639	3.861.822.187
- Công ty TNHH Khoáng sản Việt Lâm	-	2.090.760.273
Bên thứ ba	4.807.652.809	3.509.886.197
- Công ty Cổ phần Chế biến Tinh bột sắn Xuất khẩu Bình Định	1.033.203.572	1.033.203.572
- Công ty Cổ phần Chế biến Lâm sản PISICO Quảng Nam	1.478.750.000	1.365.000.000
- Tạm ứng của người lao động	1.555.600.000	331.100.000
- Phải thu khác	740.099.237	780.582.625
9.2 Phải thu dài hạn khác	3.951.825.000	3.951.825.000
Ký quỹ, ký cược dài hạn	3.951.825.000	3.951.825.000
Tổng cộng	<u>40.270.047.773</u>	<u>32.786.672.866</u>

10. NỢ XẤU VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Nợ xấu của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và phải thu khác đã quá hạn thanh toán và đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
	Đơn vị tính: 1.000 VND			Đơn vị tính: 1.000 VND		
Phải thu khách hàng	1.614.211	(1.056.193)	558.018	2.698.924	(1.772.071)	926.854
Công ty TNHH Vạn Đại	-	-	-	915.861	(664.849)	251.012
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vân Nguyễn	486.167	(486.167)	-	486.167	(486.167)	-
Các khách hàng khác	1.128.044	(570.026)	558.018	1.296.895	(621.054)	675.841
Trả trước cho người bán	645.610	(645.610)	-	645.610	(645.610)	-
Công ty TNHH Địa ốc Gia Phú	645.610	(645.610)	-	645.610	(645.610)	-
Phải thu khác	1.033.204	(1.033.204)	-	1.033.204	(1.033.204)	-
Công ty Cổ phần Chế biến Tinh bột sắn xuất khẩu Bình Định	1.033.204	(1.033.204)	-	1.033.204	(1.033.204)	-
Cộng	3.293.024	(2.735.006)	558.018	4.377.737	(3.450.884)	926.854

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	15.528.197.969	-	19.039.342.071	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.632.817.835	-	13.947.575.493	-
Thành phẩm	4.068.616.211	-	7.411.840.611	-
Cộng	33.229.632.015	-	40.398.758.175	-

Hàng tồn kho bình quân của Tổng Công ty được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định (thuyết minh số 24).

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
12.1 Chi phí trả trước ngắn hạn	299.384.336	344.337.809
Chi phí bảo hiểm	236.692.729	295.833.333
Chi phí trả trước khác	62.691.607	48.504.476
12.2 Chi phí trả trước dài hạn	4.733.881.420	5.390.193.672
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng khu công nghiệp	4.294.724.061	4.466.513.025
Chi phí sửa chữa	180.579.337	617.138.552
Chi phí trả trước khác	258.578.022	306.542.095
Tổng cộng	5.033.265.756	5.734.531.481

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Tại 01/01/2023	64.946.957.934	21.330.093.969	14.435.614.354	810.556.469	887.959.341	102.411.182.067
Đầu tư hoàn thành	-	182.000.000	-	-	-	182.000.000
Thanh lý	-	-	(650.000.000)	-	-	(650.000.000)
Tại 31/12/2023	64.946.957.934	21.512.093.969	13.785.614.354	810.556.469	887.959.341	101.943.182.067
Giá trị hao mòn						
Tại 01/01/2023	33.460.530.311	16.246.179.404	8.251.739.325	793.777.151	887.959.341	59.640.185.532
Trích khấu hao	2.398.148.143	1.011.988.872	1.078.884.674	10.067.591	-	4.499.089.280
Thanh lý	-	-	(650.000.000)	-	-	(650.000.000)
Tại 31/12/2023	35.858.678.454	17.258.168.276	8.680.623.999	803.844.742	887.959.341	63.489.274.812
Giá trị còn lại						
Tại 01/01/2023	31.486.427.623	5.083.914.565	6.183.875.029	16.779.318	-	42.770.996.535
Tại 31/12/2023	29.088.279.480	4.253.925.693	5.104.990.355	6.711.727	-	38.453.907.255

Tại ngày 31/12/2023, nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 26.431.416.071 VND.

Tại ngày 31/12/2023, giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định (thuyết minh số 24) là 6.789.139.026 VND.

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Tại 01/01/2023	13.607.264.000	54.000.000	13.661.264.000
Tại 31/12/2023	13.607.264.000	54.000.000	13.661.264.000
Hao mòn lũy kế			
Tại 01/01/2023	3.014.043.504	54.000.000	3.068.043.504
Trích khấu hao	308.640.288	-	308.640.288
Tại 31/12/2023	3.322.683.792	54.000.000	3.376.683.792
Giá trị còn lại			
Tại 01/01/2023	10.593.220.496	-	10.593.220.496
Tại 31/12/2023	10.284.580.208	-	10.284.580.208

Tại ngày 31/12/2023, nguyên giá của các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 54.000.000 VND.

15. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Tại 01/01/2023	33.607.270.817	9.231.007.962	24.376.262.855
Đầu tư hoàn thành	3.313.369.319	-	3.313.369.319
Trích khấu hao	-	741.397.858	(741.397.858)
Tại 31/12/2023	36.920.640.136	9.972.405.820	26.948.234.316

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 99 Tây Sơn, phường Ghềnh Ráng,
thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Bất động sản đầu tư bao gồm các công trình hạ tầng kỹ thuật tại Cụm công nghiệp Cát Nhơn (xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định) đang cho bên thứ 3 thuê.

Tại ngày 31/12/2023, Tổng Công ty không xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này do Tổng Công ty có ý định nắm giữ lâu dài. Tuy nhiên, với hiểu biết của mình về thị trường bất động sản, Ban Tổng Giám đốc tin rằng, giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư không thấp hơn giá trị ghi sổ.

16. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng kinh tế)	6.553.463.959	5.788.198.865
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khác	539.054.413	472.374.413
Cộng	7.092.518.372	6.260.573.278

17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	Đơn vị tính: 1.000 VND			Đơn vị tính: 1.000 VND		
Đầu tư vào công ty con	95.565.264	(2.850.870)	92.714.395	67.904.455	(2.106.896)	65.797.559
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Hạ tầng P.B.C	37.605.000	-	37.605.000	37.605.000	-	37.605.000
Công ty TNHH MTV Truyền hình Cấp Quy Nhơn	5.469.525	-	5.469.525	5.469.525	-	5.469.525
Công ty TNHH Nguyên liệu Giấy Quy Nhơn	14.101.831	-	14.101.831	14.101.831	-	14.101.831
Công ty TNHH MTV HR PISICO	5.000.000	(2.850.870)	2.149.130	5.000.000	(2.106.896)	2.893.104
Công ty Cổ phần PISICO Đắc Lắc	5.294.600	-	5.294.600	4.488.100	-	4.488.100
Công ty TNHH Đầu tư An Việt Phát	26.546.975	-	26.546.975	1.240.000	-	1.240.000
Công ty Cổ phần Đầu tư PISICO Đắc Lắc	1.547.334	-	1.547.334	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	127.476.364	-	127.476.364	127.476.364	-	127.476.364
Công ty Cổ phần Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định (a)	110.011.633	-	110.011.633	110.011.633	-	110.011.633
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Nội thất Thành Tâm	7.796.251	-	7.796.251	7.796.251	-	7.796.251
Công ty Cổ phần PISICO - Hà Thanh	9.668.480	-	9.668.480	9.668.480	-	9.668.480

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 99 Tây Sơn, phường Ghềnh Ráng,
thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	Đơn vị tính: 1.000 VND			Đơn vị tính: 1.000 VND		
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	7.511.620	(3.639.669)	3.871.951	7.511.620	(883.906)	6.627.714
Công ty CP Chế biến Tinh bột sản Xuất khẩu Bình Định (b)	3.639.669	(3.639.669)	-	3.639.669	(883.906)	2.755.763
Công ty Cổ phần Lâm sản PISICO Quảng Nam (c)	3.776.951	-	3.776.951	3.776.951	-	3.776.951
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam	95.000	-	95.000	95.000	-	95.000
Tổng cộng	230.553.248	(6.490.539)	224.062.709	202.892.439	(2.990.802)	199.901.637

- (a) Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định (gọi tắt là "CNN Bình Định") chủ yếu là của công ty con mà CNN Bình Định sở hữu 100% vốn là Công ty TNHH Lào Bidina, trong các năm gần đây bởi sự mất giá của LAK so với VND dẫn đến báo cáo tài chính hợp nhất của CNN Bình Định phải ghi nhận khoản lỗ đáng kể do chênh lệch tỷ giá.

Theo Văn bản số 0202/BIDV.BĐ.KH2 ngày 21/02/2023 và Văn bản số 2049/BIDV.BĐ-KH2 ngày 20/03/2024 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định, thì CNN Bình Định sẽ được giảm lãi vay đến hết ngày 11/10/2022 với số tiền tạm tính 121.390.007.775 VND và toàn bộ nợ lãi phát sinh kể từ ngày 12/10/2022 đến khi trả hết nợ gốc, sau khi CNN Bình Định đã trả hết toàn bộ nợ gốc là 117.432.505.904 VND và tối thiểu 10% lãi vay tính đến hết ngày 11/10/2022 là 13.487.778.637 VND. Theo đó, CNN Bình Định đã được miễn, giảm và phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất số tiền là 123.118.351.527 VND. Theo báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của CNN Bình Định chưa được kiểm toán, lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của năm 2023 và năm 2022 lần lượt là 61.634.760.822 VND và âm 97.425.708.251 VND, và số dư của các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất như sau:

	31/12/2023	01/01/2023
Vốn góp của chủ sở hữu	180.000.000.000	180.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	900.000.000	900.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(45.748.268.441)	(15.298.906.134)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(39.158.150.972)	(173.905.958.823)
Tổng vốn chủ sở hữu	95.993.580.587	(8.304.864.957)

Theo đánh giá thận trọng của Ban Tổng Giám đốc thì khoản lỗ của CNN Bình Định chỉ là tạm thời do biến động tỷ giá, hoạt động sản xuất kinh doanh của CNN Bình Định đã đi vào ổn định do diện tích và sản lượng khai thác mỏ cao su tăng lên, tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của CNN Bình Định sẽ nhanh chóng được cải thiện và có hiệu quả, lợi nhuận trong thời gian tới. Vì vậy, Tổng Công ty sẽ không bị suy giảm giá trị đầu tư vào CNN Bình Định nên không cần phải trích lập dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư này.

- (b) Công ty Cổ phần Chế biến Tinh bột sản Xuất khẩu Bình Định (gọi tắt là "TBS Bình Định") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100510139 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 07/11/2003. Trụ sở chính: Thôn Hữu Lộc, xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định, Việt Nam. Ngành nghề kinh doanh chính bao gồm: Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột. Tại ngày 31/12/2023, Tổng Công ty nắm giữ 355.810 cổ phiếu, tương đương 12,71% vốn điều lệ của TBS Bình Định (tại ngày 01/01/2023 là 355.810 cổ phiếu, tương đương 12,71% vốn điều lệ).

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 99 Tây Sơn, phường Ghènh Ráng,
thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Mặc dù Tổng Công ty đã nhiều lần liên lạc với TBS Bình Định để thực hiện quyền của cổ đông nhưng không nhận được sự hợp tác của TBS Bình Định, nên Tổng Công ty không có đầy đủ thông tin về tình hình tài chính của công ty này. Do đó, để đảm bảo tính thận trọng, Tổng Công ty đã quyết định trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư này cho toàn bộ giá trị đầu tư.

- (c) Công ty Cổ phần Lâm sản PISICO Quảng Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000405162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 19/10/2004. Trụ sở chính: Cụm Công nghiệp, xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam. Ngành nghề kinh doanh chính bao gồm: Sản xuất dăm gỗ và sản phẩm gỗ tinh chế xuất khẩu. Tại ngày 31/12/2023, Tổng Công ty nắm giữ 22.750 cổ phiếu, tương đương 18,96% vốn điều lệ của công ty này (tại ngày 01/01/2023 là 22.750 cổ phiếu, tương đương 18,96% vốn điều lệ).

18. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Công ty TNHH Lâm nghiệp Quỳnh Nhân	2.918.265.027	3.407.510.539
Công ty TNHH Vận tải Đạt Huy	1.292.352.750	393.420.000
Công ty TNHH Đức Thành	516.427.317	970.073.794
Các nhà cung cấp khác	3.649.070.190	5.196.200.695
Cộng	<u>8.376.115.284</u>	<u>9.967.205.028</u>

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Bên liên quan	9.500.000.000	-
- Công ty TNHH Nguyên liệu Giấy Qui Nhơn	4.500.000.000	-
- Công ty Cổ phần PISICO - Hà Thanh	5.000.000.000	-
Bên thứ ba	611.088.510	2.272.580.948
- Midan Global Limited	445.391.280	656.788.928
- STI Group Inc - Pebble Lane Living	115.697.230	1.223.611.422
- Các khách hàng khác	50.000.000	392.180.598
Cộng	<u>10.111.088.510</u>	<u>2.272.580.948</u>

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước của Tổng Công ty như sau:

	<u>01/01/2023</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>31/12/2023</u>	
	<u>Phải thu (a)</u>	<u>Phải nộp (b)</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Đã nộp</u>	<u>Phải thu (a)</u>	<u>Phải nộp (b)</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	1.380.552	1.060.571.581	955.928.091	-	106.024.042
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.189.515.388	1.945.156.437	3.120.098.748	-	1.014.573.077
Thuế thu nhập cá nhân	-	27.195.559	587.089.231	544.156.513	-	70.128.277
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	356.633.300	600.816.695	244.183.395	-
Các khoản phải nộp khác	-	-	10.000.000	10.000.000	-	-
Cộng	-	<u>2.218.091.499</u>	<u>3.959.450.549</u>	<u>5.231.000.047</u>	<u>244.183.395</u>	<u>1.190.725.396</u>

- (a) Số thuế nộp thừa (phải thu) được trình bày tại chỉ tiêu "Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước".
(b) Số thuế phải nộp được trình bày tại chỉ tiêu "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước".

Thuế giá trị gia tăng ("GTGT")

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT cho các sản phẩm và dịch vụ như sau:

- Xuất khẩu	0%
- Gỗ rừng trồng và cây giống	không chịu thuế
- Gỗ rừng trồng kinh doanh thương mại	không phải kê khai, tính nộp thuế
- Dịch vụ chăm sóc rừng, cung cấp nước sạch	5%
- Các sản phẩm và dịch vụ khác	8% - 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số 4.20 và số 35.

Các loại thuế khác và các khoản phải nộp khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế trình bày trên báo cáo tài chính riêng này có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền.

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Chi phí chăm sóc rừng thương mại	1.515.500.000	-
Chi phí hoa hồng môi giới	313.438.436	582.814.829
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	57.000.000	75.000.000
Các chi phí khác	486.651.678	447.650.910
Cộng	<u>2.372.590.114</u>	<u>1.105.465.739</u>

22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
22.1 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	2.775.224.136	2.562.145.245
Cho thuê văn phòng làm việc	300.506.017	265.677.750
Cho thuê cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp	2.474.718.119	2.296.467.495
22.2 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	74.346.571.305	77.055.712.304
Cho thuê cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp	74.346.571.305	77.055.712.304
Tổng cộng	<u>77.121.795.441</u>	<u>79.617.857.549</u>

23. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Kinh phí công đoàn	935.997.419	772.364.508
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	113.000.000	113.000.000
Phải trả lại tiền nhận trước về cho thuê cơ sở hạ tầng tại Cụm công nghiệp Canh Vinh	8.126.981.415	-
Các khoản khác	538.246.423	255.990.788
Cộng	<u>9.714.225.257</u>	<u>1.141.355.296</u>

24. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Tại 01/01/2023	Số tiền vay trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Đánh giá lại	Tại 31/12/2023
VCB Bình Định	57.043.329.076	147.878.663.690	(153.708.154.821)	38.621.000	51.252.458.945
Cộng	57.043.329.076	147.878.663.690	(153.708.154.821)	38.621.000	51.252.458.945

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định ("VCB Bình Định") theo các hợp đồng tín dụng hạn mức như sau:

- Hợp đồng số 277/NHNT-BĐ ngày 23/10/2023 với hạn mức là 40.000.000.000 VND, để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại gỗ, dịch vụ lâm nghiệp, kinh doanh hạ tầng; thời hạn của hợp đồng là 12 tháng, thời hạn cho vay cụ thể được quy định trên từng giấy nhận nợ nhưng không quá 05 tháng; lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ, lãi suất cho vay tại ngày 31/12/2023 dao động từ 5,5%/năm đến 6%/năm.
- Hợp đồng số 276/NHNT-BĐ ngày 23/10/2023 với hạn mức là 40.000.000.000 VND (bao gồm VND và USD tương đương), để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động chế biến gỗ; thời hạn của hợp đồng là 12 tháng, thời hạn cho vay cụ thể được quy định trên từng giấy nhận nợ nhưng không quá 08 tháng; lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ, lãi suất cho vay tại ngày 31/12/2023 bằng VND là 6%/năm và bằng USD dao động từ 4,3%/năm đến 4,5%/năm.

Khoản vay được đảm bảo một phần bằng việc thế chấp: (i) các tài sản cố định hữu hình thuộc sở hữu của Tổng Công ty; (ii) hàng tồn kho luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh; và (iii) quyền đòi nợ luân chuyển bao gồm các khoản phải thu khách hàng và trả trước cho người bán. Tổng giá trị đảm bảo của tài sản thế chấp là 69.315.000.000 VND.

25. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ thưởng Ban điều hành	Tổng cộng
Tại 01/01/2023	285.287.970	197.201.119	-	482.489.089
Trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế	350.000.000	650.000.000	132.000.000	1.132.000.000
Chi khen thưởng, phúc lợi	(141.804.000)	(621.726.159)	(132.000.000)	(895.530.159)
Tại 31/12/2023	493.483.970	225.474.960	-	718.958.930

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

26.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại 01/01/2022	275.000.000.000	11.397.496.193	24.541.138.952	310.938.635.145
Chia cổ tức	-	-	(23.375.000.000)	(23.375.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.120.000.000)	(1.120.000.000)
Lợi nhuận sau thuế năm 2022	-	-	28.809.805.434	28.809.805.434
Tại 31/12/2022	275.000.000.000	11.397.496.193	28.855.944.386	315.253.440.579
Tại 01/01/2023	275.000.000.000	11.397.496.193	28.855.944.386	315.253.440.579
Chia cổ tức	-	-	(27.610.000.000)	(27.610.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.132.000.000)	(1.132.000.000)
Lợi nhuận sau thuế năm 2023	-	-	31.106.752.756	31.106.752.756
Tại 31/12/2023	275.000.000.000	11.397.496.193	31.220.697.142	317.618.193.335

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 99 Tây Sơn, phường Ghềnh Ráng,
thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

26.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2023		01/01/2023	
	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Cổ đông				
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	266.270.000.000	96,83	266.270.000.000	96,83
Các cổ đông khác	8.730.000.000	3,17	8.730.000.000	3,17
Cộng	275.000.000.000	100,00	275.000.000.000	100,00

26.3 Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.500.000	27.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.500.000	27.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.500.000	27.500.000

Toàn bộ cổ phiếu của Tổng Công ty đều là cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

26.4 Phân phối lợi nhuận

Trong năm 2023 và 2022, Tổng Công ty đã phân phối lợi nhuận của năm 2022 và năm 2021 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
Chia cổ tức cho các cổ đông	27.610.000.000	23.375.000.000
Trích khen thưởng Ban điều hành	132.000.000	120.000.000
Trích quỹ khen thưởng	350.000.000	350.000.000
Trích quỹ phúc lợi	650.000.000	650.000.000
Cộng	28.742.000.000	24.495.000.000

27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**27.1 Ngoại tệ các loại**

	31/12/2023	01/01/2023
Đô la Mỹ (USD)	253.112,00	840.738,95
Euro (EUR)	73,86	136,93

27.2 Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2023	01/01/2023
Phải thu các khách hàng	5.623.669.639	5.623.669.639

28. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**28.1 Tổng doanh thu**

	Năm 2023	Năm 2022
Tổng doanh thu	161.046.734.783	177.285.776.560
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần	161.046.734.783	177.285.776.560
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần bán thành phẩm và hàng hóa	61.794.792.710	98.578.106.590
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	92.954.352.471	73.298.649.768
Doanh thu thuần cho thuê văn phòng và cơ sở hạ tầng	6.297.589.602	5.409.020.202

28.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	96.630.018	121.570.794
Công ty TNHH Một thành viên Truyền hình cáp Quy Nhơn	480.000.000	480.000.000
Công ty TNHH Nguyên liệu Giấy Quy Nhơn	12.645.214.686	10.319.838.358
Công ty TNHH Một thành viên HR PISICO	29.579.876	26.499.440
Công ty Cổ phần PISICO - Hà Thanh	808.431.600	7.881.095.250
Công ty TNHH Thương mại Ánh Việt	81.949.245	81.383.988
Cộng	<u>14.141.805.425</u>	<u>18.910.387.830</u>

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
Giá vốn của thành phẩm và hàng hóa	52.373.442.985	79.680.389.842
Giá vốn của dịch vụ cung cấp	75.111.066.851	60.166.655.664
Giá vốn của cho thuê văn phòng và cơ sở hạ tầng	3.706.468.182	3.835.025.529
Cộng	<u>131.190.978.018</u>	<u>143.682.071.035</u>

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	149.268.303	768.029.709
Lãi cho vay, chậm thanh toán	3.726.423.568	3.638.002.289
Cổ tức, lợi nhuận được chia	21.835.110.000	16.345.495.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	546.512.759	1.323.748.430
Cộng	<u>26.257.314.630</u>	<u>22.075.275.428</u>

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
Chi phí lãi vay	2.456.395.030	2.299.177.021
Dự phòng đầu tư tài chính	3.499.736.333	543.103.837
Lỗ chênh lệch tỷ giá	444.604.625	2.086.210.304
Cộng	<u>6.400.735.988</u>	<u>4.928.491.162</u>

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
Chi phí vật liệu và đồ dùng	1.708.762.134	2.968.471.365
Chi phí dịch vụ mua ngoài	915.043.638	1.470.783.970
Các chi phí khác	888.994.295	740.700.339
Cộng	<u>3.512.800.067</u>	<u>5.179.955.674</u>

33. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí nhân viên quản lý	4.282.422.921	3.969.377.467
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	590.349.615	596.361.034
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.457.491.453	2.241.713.493
(Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng	(715.877.550)	(489.434.863)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.001.447.421	3.198.740.611
Các chi phí khác	2.809.756.565	4.150.086.307
Cộng	13.425.590.425	13.666.844.049

34. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
Lãi thanh lý tài sản cố định	136.363.636	465.740.741
Thu nhập từ đền bù thu hồi mặt bằng	387.837.000	67.121.000
Các khoản thu nhập khác	83.393.802	208.955.250
Cộng	607.594.438	741.816.991

35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận kế toán trước thuế	33.378.539.353	32.417.688.686
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	489.828.045	2.031.168.478
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	(2.307.475.211)	(1.640.520.383)
Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	31.560.892.187	32.808.336.781
Thu nhập không chịu thuế (cổ tức và lợi nhuận được chia)	(21.835.110.000)	(16.345.495.000)
Tổng thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	9.725.782.187	16.462.841.781
Thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo thuế suất phổ thông (20%)	1.945.156.437	3.292.568.356
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.945.156.437	3.292.568.356

36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Bảng cân đối kế toán riêng		Báo cáo kết quả kinh doanh riêng	
	31/12/2023	01/01/2023	Năm 2023	Năm 2022
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	794.868.872	1.121.499.032		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	4.595.743.417	4.595.743.417	-	-
Bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(3.800.874.545)	(3.474.244.385)		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	3.800.874.545	3.474.244.385	326.630.160	315.314.896
Bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(3.800.874.545)	(3.474.244.385)		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			326.630.160	315.314.896

37. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.439.246.547	36.503.460.378
Chi phí nhân công	25.614.001.257	35.853.334.058
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.549.127.426	5.485.106.568
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.547.070.380	63.415.725.288
Chi phí khác bằng tiền	5.209.269.770	5.227.039.973
Cộng	<u>126.358.715.380</u>	<u>146.484.666.265</u>

38. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

38.1 Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	4.499.089.280	4.479.733.940
Khấu hao tài sản cố định vô hình	308.640.288	308.640.288
Khấu hao bất động sản đầu tư	741.397.858	696.732.340
Cộng	<u>5.549.127.426</u>	<u>5.485.106.568</u>

38.2 Các khoản dự phòng

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
(Hoàn nhập)/Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(715.877.550)	(489.434.863)
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	3.499.736.333	543.103.837
Cộng	<u>2.783.858.783</u>	<u>53.668.974</u>

38.3 Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	(149.268.303)	(768.029.709)
Lãi cho vay, chậm thanh toán	(3.726.423.568)	(3.638.002.289)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(21.835.110.000)	(16.345.495.000)
Lãi thanh lý tài sản cố định	(136.363.636)	(465.740.741)
Cộng	<u>(25.847.165.507)</u>	<u>(21.217.267.739)</u>

38.4 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
Thu lãi tiền gửi ngân hàng	149.268.303	768.029.709
Thu tiền lãi cho vay, chậm thanh toán	2.090.760.273	-
Thu tiền cổ tức, lợi nhuận được chia	17.171.415.000	10.718.500.200
Cộng	<u>19.411.443.576</u>	<u>11.486.529.909</u>

39. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	Công ty mẹ
Các công ty con của Tổng Công ty (thuyết minh số 1.5)	Công ty con
Các công ty liên kết của Tổng Công ty (thuyết minh số 1.5)	Công ty liên kết
Công ty TNHH Thương mại Ánh Việt	Công ty cùng chủ sở hữu với Công ty mẹ
Công ty TNHH Khoáng sản Việt Lâm	Công ty cùng chủ sở hữu với Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cảng Thị Nại	Công ty có cùng Công ty mẹ
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên quản lý chủ chốt
Thành viên gia đình của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban kiểm soát	Thành viên gia đình của Thành viên quản lý chủ chốt

Ngoài giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ được trình bày tại thuyết minh số 28, giữa Tổng Công ty và các bên liên quan còn có các giao dịch trọng yếu khác như sau:

Bên liên quan/Nội dung giao dịch	Năm 2023	Năm 2022
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy		
Thu hồi tiền cho vay	21.350.000.000	-
Lãi cho vay	2.517.630.800	2.879.191.057
Cổ tức phải trả	26.733.508.000	22.632.950.000
Mua vật tư bù trừ công nợ	-	2.834.213.062
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Hạ tầng P.B.C		
Cổ tức được chia	1.498.500.000	1.498.500.000
Hoàn trả vốn vay	-	1.750.000.000
Công ty TNHH MTV Truyền hình Cấp Quy Nhơn		
Lợi nhuận được chia	1.000.000.000	-
Công ty TNHH Nguyên liệu Giấy Quy Nhơn		
Mua gỗ nguyên liệu	9.978.654.700	-
Lợi nhuận được chia	4.998.000.000	3.123.750.000
Công ty TNHH Một thành viên HR PISICO		
Hoàn trả vốn vay	-	1.790.000.000
Công ty Cổ phần PISICO ĐẮC LẮK		
Góp vốn đầu tư	806.500.000	3.122.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư An Việt Phát		
Góp vốn đầu tư	25.306.975.159	1.040.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư PISICO ĐẮC LẮK		
Góp vốn đầu tư	1.547.334.000	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định		
Cho vay	18.860.419.000	-
Lãi cho vay	709.073.316	-

Bên liên quan/Nội dung giao dịch	Năm 2023	Năm 2022
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Nội thất Thành Tâm		
Cổ tức được chia	6.662.220.000	4.951.650.000
Công ty Cổ phần PISICO - Hà Thanh		
Cổ tức được chia	5.351.390.000	2.675.695.000
Công ty TNHH Thương mại Ánh Việt		
Thu hồi tiền ứng trước	-	8.000.000.000
Lãi ứng trước tiền hàng	499.719.452	758.811.232
Công ty TNHH Khoáng sản Việt Lâm		
Thu tiền lãi ứng trước	2.090.760.273	-

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty trong năm như sau (thu nhập năm 2022 đã được trình bày lại theo số chi trả trong năm 2023):

	Năm 2023	Năm 2022
Thù lao	204.000.000	204.000.000
Bà Đồng Thị Ánh	84.000.000	84.000.000
Ông Vũ Hồng Quân	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Tấn Bảo Toàn	30.000.000	30.000.000
Bà Đồng Thị Quỳnh Hương	30.000.000	30.000.000
Tiền lương và tiền thưởng	2.752.124.000	3.684.024.000
Ông Lâm Đình An	668.491.648	914.622.699
Bà Đồng Thị Ánh	646.879.089	902.320.539
Ông Vũ Hồng Quân	25.000.000	97.500.000
Ông Nguyễn Hoàng Hải	436.765.250	582.475.328
Bà Đồng Thị Quỳnh Hương	15.000.000	51.000.000
Ông Nguyễn Tường Linh	490.957.702	333.794.459
Ông Nguyễn Văn Phúc	-	156.432.527
Ông Nguyễn Hoàng Lam	469.030.311	645.878.448
Tổng cộng	2.956.124.000	3.888.024.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ giữa Tổng Công ty với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 6, 7, 8, 9 và 19.

40. CÁC CAM KẾT

40.1 Cam kết góp vốn đầu tư

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty có các khoản cam kết góp vốn đầu tư như sau:

Tên đơn vị nhận vốn đầu tư	Vốn điều lệ của đơn vị nhận vốn đầu tư	Cam kết góp vốn của Tổng Công ty		
		Số tiền	Tỷ lệ	Số vốn còn phải góp tại 31/12/2023
Công ty Cổ phần PISICO Đắc Lắc	15.000.000.000	12.130.000.000	80,87%	6.835.400.000
Công ty TNHH Đầu tư An Việt Phát	350.000.000.000	200.000.000.000	57,14%	173.453.024.841
Công ty Cổ phần Đầu tư PISICO Đắc Lắc	12.000.000.000	9.982.800.000	83,19%	8.435.466.000
Cộng	377.000.000.000	222.112.800.000		188.723.890.841

40.2 Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Trong vòng 1 năm	719.319.959	963.510.087
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	3.603.754.923	3.728.911.100
Sau 5 năm	<u>15.125.073.794</u>	<u>15.963.546.552</u>
Cộng	<u>19.448.148.676</u>	<u>20.655.967.739</u>

Các cam kết thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền phải trả về thuê quyền sử dụng đất, thuê đất trồng rừng sản xuất, thuê đất gắn với cơ sở hạ tầng tại Văn phòng Tổng Công ty và các Xí nghiệp, liên quan đến các hợp đồng thuê có thời gian trên 01 năm.

41. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công cụ tài chính chủ yếu của Tổng Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, cho vay, đầu tư tài chính, phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả khác và các khoản vay. Mục đích chính của những công cụ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Tổng Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro về tính thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Tổng Công ty để bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng những chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường bao gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ (rủi ro ngoại hối), rủi ro hàng hóa và rủi ro về giá khác. Các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Tổng Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, trên cơ sở đó, Tổng Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại để có được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro.

Rủi ro ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tổng Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh (khi doanh thu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán) và các khoản vay có gốc ngoại tệ.

Tổng Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về ngoại hối.

Tổng Công ty quản lý rủi ro ngoại hối bằng các xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Tổng Công ty mua bán hàng hóa và dịch vụ có gốc ngoại tệ trong tương lai.

Rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về mặt tài chính. Tổng Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính (chủ yếu đối với các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản cho vay).

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Tổng Công ty dựa trên các chính sách bán hàng, thủ tục và quy trình kiểm soát của Tổng Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Tổng Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa được thu và tìm cách duy trì chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Đối với các khách hàng lớn, Tổng Công ty thực hiện việc xem xét sự suy giảm chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tổng Công ty có liên quan đến nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tổng Công ty duy trì tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ theo chính sách của Tổng Công ty. Tổng Công ty nhận thấy mức tập trung độ với rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Cho vay

Tổng Công ty cho các bên liên quan vay tiền. Tổng Công ty nhận thấy mức tập trung độ rủi ro tín dụng đối khoản cho vay là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay ở mức mà Tổng Công ty cho là đủ để đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ tài chính của Tổng Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

	<u>Đến 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
Tại ngày 01/01/2023			
Phải trả người bán	9.967.205.028	-	9.967.205.028
Chi phí phải trả	1.105.465.739	-	1.105.465.739
Các khoản phải trả khác	1.141.355.296	-	1.141.355.296
Vay và nợ thuê tài chính	57.043.329.076	-	57.043.329.076
Cộng	69.257.355.139	-	69.257.355.139
Tại ngày 31/12/2023			
Phải trả người bán	8.376.115.284	-	8.376.115.284
Chi phí phải trả	2.372.590.114	-	2.372.590.114
Các khoản phải trả khác	9.714.225.257	-	9.714.225.257
Vay và nợ thuê tài chính	51.252.458.945	-	51.252.458.945
Cộng	71.715.389.600	-	71.715.389.600

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là ở mức kiểm soát được. Tổng Công ty có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền được tạo ra từ hoạt động kinh doanh, tiền thu hồi các tài sản tài chính khi đáo hạn và từ các nguồn vốn huy động khác.

42. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty.

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ (1.000 VND)				Giá trị hợp lý (1.000 VND)	
	31/12/2023		01/01/2023		31/12/2023	01/01/2023
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.687.029	-	37.249.457	-	18.687.029	37.249.457
Tiền gửi ngắn hạn	-	-	6.000.000	-	-	6.000.000
Phải thu khách hàng	25.217.005	(1.056.193)	24.099.506	(1.772.071)	24.160.812	22.327.436
Cho vay	37.641.199	-	40.130.780	-	37.641.199	40.130.780
Phải thu khác	40.270.048	(1.033.204)	32.786.673	(1.033.204)	39.236.844	31.753.469
Các khoản đầu tư tài chính	7.511.620	(3.639.669)	7.511.620	(883.906)	3.871.951	6.627.714
Cộng	129.326.901	(5.729.066)	147.778.036	(3.689.180)	123.597.835	144.088.856

Nợ phải trả tài chính	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2023	01/01/2023	31/12/2023	01/01/2023
	Phải trả người bán	8.376.115.284	9.967.205.028	8.376.115.284
Chi phí phải trả	2.372.590.114	1.105.465.739	2.372.590.114	1.105.465.739
Các khoản phải trả khác	9.714.225.257	1.141.355.296	9.714.225.257	1.141.355.296
Vay và nợ thuê tài chính	51.252.458.945	57.043.329.076	51.252.458.945	57.043.329.076
Cộng	71.715.389.600	69.257.355.139	71.715.389.600	69.257.355.139

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tổng Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng.

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn, các khoản cho vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác ngắn hạn tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được Tổng Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như khả năng trả nợ của từng khách hàng cũng như tính chất rủi ro của dự án tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, Tổng Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính được xác định bằng giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng.
- Các khoản vay và phải trả dài hạn khác mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay và phải trả dài hạn khác được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

43. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính riêng.

Bình Định, ngày 30 tháng 3 năm 2024



Hoàng Trọng Việt
Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởng



Đông Thị Anh
Tổng Giám đốc

Số: 91 /TCT-TCKT

Bình Định, ngày 30 tháng 03 năm 2024

V/v công bố thông tin về Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023 và giải trình các nội dung liên quan.

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng công ty PISICO Bình Định – CTCP thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau :

1. BCTC năm 2023

- BCTC năm 2023 theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm :

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các văn bản giải trình phải công bố thông tin cùng với BCTC theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước?

Có

Không

Văn bản giải trình lợi nhuận thay đổi 10% so với cùng kỳ năm trước:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại?

Có

Không

Văn bản giải trình lợi nhuận sau thuế trong kỳ lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website PISICO;
- Ban Tổng giám đốc;
- Các phòng nghiệp vụ
- Lưu: VT.

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Dòng Thị Anh

Số: 92/TCT-TCKT

Bình Định, ngày 30 tháng 03 năm 2024

V/v công bố thông tin về Báo cáo tài chính
hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023 và
giải trình các nội dung liên quan.

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tổ chức công bố thông tin

Tên Công ty: Tổng công ty PISICO Bình Định - CTCP

Mã chứng khoán: PIS

Địa chỉ: số 99 Tây Sơn, Phường Ghềnh Ráng Thành phố Quy Nhơn – Bình Định

Điện thoại: (0256) 3947099 Fax: (0256) 3947029

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Đồng Thị Ánh - Tổng giám đốc

2. Nội dung công bố thông tin:

2.1. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của Tổng công ty PISICO Bình Định - CTCP (PISICO) đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán FAC – Chi nhánh Nha Trang, cụ thể:

- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đính kèm.

2.2. Các nội dung giải trình:

a) Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế năm 2023 trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã công bố thông tin so với báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023 (Đã kiểm toán)	Năm 2023 (Đã công bố thông tin)	Chênh lệch
1	Phần lãi trong Cty liên doanh, liên kết	47.380.237.376	12.850.808.855	268,69%
2	Lợi nhuận sau thuế	70.646.210.418	43.613.776.775	61,98%

Lợi nhuận sau thuế tăng 61,98%, Phần lãi trong Công ty liên doanh liên kết tăng 268,69% chủ yếu là do kiểm toán điều chỉnh bổ sung phần lợi nhuận từ các Công ty liên kết, vì tại thời điểm công bố thông tin, Tổng Công ty chưa thu thập được đầy đủ thông tin tại các công ty liên doanh liên kết.

b) Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế năm 2023 trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 so với cùng kỳ năm trước:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Chênh lệch
1	Lợi nhuận sau thuế	70.646.210.418	-6.594.137.813	1.171%

Lợi nhuận sau thuế tăng 1.171%, chủ yếu là do trong năm 2023 kiểm toán điều chỉnh lợi nhuận từ các Công ty liên kết, đồng thời tại thuyết minh số 34 trong Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023, kiểm toán đã điều chỉnh lợi nhuận từ các Công ty liên kết năm 2022 phần lỗ là 48.706.108.475 VND.

Vì tại thời điểm công bố thông tin Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc tại ngày 31/12/2022, Tổng Công ty chưa thu thập được đầy đủ thông tin tại các công ty liên doanh, liên kết. Đến ngày 29/03/2024 Tập đoàn đã thực hiện điều chỉnh hồi tố và công bố thông tin điều chỉnh ở báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2023.

c) Giải trình ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên:

*Như trình bày tại thuyết minh số 28.1 và số 47 trong Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, việc Tập đoàn điều chỉnh hồi tố số liệu báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã làm cho lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Tập đoàn tại ngày 31/12/2022 bị âm 41.661.865.977 VND (tại ngày 31/12/2021 bị âm 1.693.755.164 VND) nên việc Tổng Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2022 và năm 2021 với tổng số tiền lần lượt là 28.742.000.000 VND và 24.495.000.000 VND (thuyết minh số 28.4) là chưa phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Tổng Công ty giải trình như sau:

Mặc dù lợi nhuận sau thuế lũy kế trước điều chỉnh hồi tố tại ngày 31/12/2022 trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn chỉ là 7.044.242.498 VND (sau điều chỉnh hồi tố là âm 41.661.865.977 VND) nhưng Đại hội đồng cổ đông vẫn quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế với số tiền là 28.742.000.000 VND (trong đó chia cổ tức là 27.610.000.000 VND) căn cứ vào lợi nhuận sau thuế tại ngày 31/12/2022 của báo cáo tài chính riêng là 28.855.944.386 VND, điều này là do Đại hội đồng cổ đông xác định lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn chỉ bị ảnh hưởng tạm thời từ hoạt động của CNN Bình Định, và sau khi phân phối lợi nhuận (chia cổ tức) thì Tổng Công ty vẫn bảo đảm việc thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn theo quy định của Luật doanh nghiệp hiện hành.

*Như trình bày tại thuyết minh số 18 trong Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31/12/2023 trong chỉ tiêu "Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết", Tập đoàn có khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định (gọi tắt là "CNN Bình Định") với số tiền là 68.010.402.516 VND (tại ngày 01/01/2023 là 15.861.179.744 VND). Và tại thuyết minh số 34 và số 47 trong Thuyết minh báo cáo tài chính, Tập đoàn đã ghi nhận vào kết quả kinh doanh năm 2023 phần lãi từ CNN Bình Định với số tiền là 30.817.380.411 VND (năm 2022 phần lỗ là 48.706.108.475 VND). *

Tổng Công ty giải trình như sau:

Theo Văn bản số 0202/BIDV.BĐ.KH2 ngày 21/02/2023 và Văn bản số 2049/BIDV.BĐ-KH2 ngày 20/03/2024 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định, thì CNN Bình Định sẽ được giảm lãi vay đến hết ngày 11/10/2022 với số tiền tạm tính 121.390.007.775 VND và toàn bộ nợ lãi phát sinh kể từ ngày 12/10/2022 đến khi trả hết nợ gốc.

Sau khi CNN Bình Định đã trả hết toàn bộ nợ gốc là 117.432.505.904 VND và tối thiểu 10% lãi vay tính đến hết ngày 11/10/2022 là 13.487.778.637 VND. Theo đó, CNN Bình Định đã được miễn, giảm và phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất số tiền 123.118.351.527 VND.

Số tiền được miễn giảm lãi vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định với số tiền 123.118.351.527 VND. Và tại thuyết minh số 34 Tập đoàn đã ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2023 phần lãi từ CNN Bình Định với số tiền là 30.817.380.411 VND.

Theo đó, CNN Bình Định đã được miễn, giảm và phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất số tiền 123.118.351.527 VND. Theo báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của CNN Bình Định chưa được kiểm toán, lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của năm 2023 và năm 2022 lần lượt là 61.634.760.822 VND và âm 97.425.708.251 VND, và vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2023 và 01/01/2023 lần lượt là 95.993.580.587 VND và âm 8.304.864.957 VND. Tập đoàn đã hợp nhất số liệu của CNN Bình Định nêu trên vào báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tập đoàn theo phương pháp vốn chủ sở hữu theo quy định.

Ngày 27/03/2024 CNN Bình Định đã thực hiện trả đầy đủ nợ gốc và lãi theo điều kiện với ngân hàng BIDV – CN Bình Định đã cam kết theo Văn bản số 0202/BIDV.BĐ.KH2 ngày 21/02/2023 và Văn bản số 2049/BIDV.BĐ-KH2 ngày 20/03/2024 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định.

Ngày 29/03/2024 Công ty con mà CNN Bình Định sở hữu 100% vốn là Công ty TNHH Lào Bidina, ngành thuế tỉnh SêKông tại nước Lào cũng thống nhất số liệu quyết toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty TNHH Lào Bidina.

Địa chỉ Website đăng tải: Thông tin này đã được công bố trên Website của PISICO vào ngày 30/03/2024 tại đường dẫn: www.pisico.vn

Chúng tôi cam kết các thông tin được công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã được công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website PISICO;
- Ban Tổng giám đốc;
- Các phòng nghiệp vụ
- Lưu: VT.



Dòng Thị Anh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. MỤC LỤC	1
2. THÔNG TIN CHUNG	2
3. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	3
4. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
5. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
5.1 Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 9
5.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
5.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
5.4 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 45

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 99 Tây Sơn, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

THÔNG TIN CHUNG

KHÁI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), tiền thân là Tổng Công ty Sản xuất Đầu tư Dịch vụ Xuất Nhập khẩu Bình Định, là công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 23/06/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 4100258987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu vào ngày 01/09/2010.

Ngày 27/01/2014, Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4100258987 thay đổi lần thứ 3, chuẩn y cho việc chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang công ty cổ phần.

Tổng Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4100258987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp thay đổi lần thứ 7 vào ngày 03/11/2017 với vốn điều lệ là 275.000.000.000 VND.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là PIS.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 99 Tây Sơn, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Điện thoại : (0256) 3 947 099

Fax : (0256) 3 947 029

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty bao gồm: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ; Chế biến lâm sản; Tư vấn thiết kế công trình lâm sinh; Kinh doanh truyền hình cáp; Đầu tư hạ tầng; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh nguyên liệu giấy; Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp; Khai thác gỗ; Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài; Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Hoạt động của trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm; Cung ứng lao động tạm thời; Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp...

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lâm Đình An	Chủ tịch
Bà Đồng Thị Ánh	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Hồng Quân	Thành viên

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Hoàng Hải	Trưởng ban
Bà Đồng Thị Quỳnh Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Tấn Bảo Toàn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà Đồng Thị Ánh	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tường Linh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lâm Duy Việt	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18/01/2024
Ông Nguyễn Hoàng Lam	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 01/07/2023

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là bà Đồng Thị Ánh - Tổng Giám đốc và ông Lâm Đình An - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tổng Công ty và các công ty con (Tổng Công ty và các công ty con gọi chung là "Tập đoàn").

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tổng Công ty và các công ty con (Tổng Công ty và các công con gọi chung là "Tập đoàn") đã được kiểm toán.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với các Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đông Thị Anh

Tổng Giám đốc

Bình Định, ngày 30 tháng 3 năm 2024

Số: 039/2024/BCTCHN-FACNT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") và các công ty con (Tổng Công ty và các công ty con gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2024, từ trang 6 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Như trình bày tại thuyết minh số 28.1 và số 47 trong Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, việc Tập đoàn điều chỉnh hồi tố số liệu báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã làm cho lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Tập đoàn tại ngày 31/12/2022 bị âm 41.661.865.977 VND (tại ngày 31/12/2021 bị âm 1.693.755.164 VND) nên việc Tổng Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2022 và năm 2021 (thuyết minh số 28.4) là chưa phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.
- Như trình bày tại thuyết minh số 18 trong Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31/12/2023 trong chỉ tiêu "Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết", Tập đoàn có khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định (gọi tắt là "CNN Bình Định") với số tiền là 68.010.402.516 VND (tại ngày 01/01/2023 là 15.861.179.744 VND). Và tại thuyết minh số 34 trong Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn đã ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2023 phần lãi từ CNN Bình Định với số tiền là 30.817.380.411 VND (năm 2022 phần lỗ là 48.706.108.475 VND).

Do báo cáo tài chính hợp nhất của CNN Bình Định chưa được kiểm toán và Chúng tôi cũng không có điều kiện để kiểm toán hoặc soát xét báo cáo tài chính hợp nhất của CNN Bình Định nên Chúng tôi không thể xác định được các số liệu liên quan đến khoản đầu tư vào CNN Bình Định trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có phù hợp hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC CHI NHÁNH NHÀ TRANG



Nguyễn Thịnh

Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0473-2023-099-1

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 3 năm 2024

Nguyễn Minh Huy

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 3229-2020-099-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		272.802.472.965	285.359.168.724
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	25.928.084.357	56.797.259.117
1. Tiền	111		22.628.084.357	49.797.259.117
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.300.000.000	7.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		28.465.000.000	36.600.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	28.465.000.000	36.600.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		148.710.241.807	105.588.008.797
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	28.438.663.495	27.414.153.277
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	56.558.841.811	19.545.943.332
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	37.641.199.000	40.130.780.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	10.1	33.339.048.356	26.274.290.046
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(7.267.510.855)	(7.777.157.858)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		61.152.007.106	81.834.471.603
1. Hàng tồn kho	141	12	61.152.007.106	81.834.471.603
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.547.139.695	4.539.429.207
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.1	527.594.354	513.509.860
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.692.761.578	3.980.172.708
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	22	326.783.763	45.746.639
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		349.928.285.305	228.562.376.749
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		8.854.494.000	4.166.634.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	10.2	8.854.494.000	4.166.634.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		65.948.104.434	72.031.687.106
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	55.663.524.226	61.438.466.610
<i>Nguyên giá</i>	222		187.489.583.501	183.942.021.402
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(131.826.059.275)	(122.503.554.792)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	15	10.284.580.208	10.593.220.496
<i>Nguyên giá</i>	228		13.661.264.000	13.661.264.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.376.683.792)	(3.068.043.504)
III. Bất động sản đầu tư	230	16	31.847.765.248	29.445.313.747
<i>Nguyên giá</i>	231		86.358.014.919	82.606.413.320
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(54.510.249.671)	(53.161.099.573)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		102.569.987.039	31.029.550.020
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	17	99.902.201.197	28.360.375.639
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.667.785.842	2.669.174.381
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		127.534.841.863	77.894.122.826
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	18	123.662.890.997	71.266.408.803
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	19	7.511.619.996	7.511.619.996
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	19	(3.639.669.130)	(883.905.973)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		13.173.092.721	13.995.069.050
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.2	12.360.646.298	12.844.046.917
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	40	812.446.423	1.151.022.133
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		622.730.758.270	513.921.545.473

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		248.024.338.692	251.445.537.115
I. Nợ ngắn hạn	310		167.628.850.736	166.089.444.128
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	20.003.957.592	29.581.616.507
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	21	5.615.865.879	2.272.591.948
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	22	2.302.901.066	3.609.617.305
4. Phải trả người lao động	314		10.046.932.111	14.490.936.485
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	23	2.949.341.529	1.428.693.219
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	24.1	7.177.556.667	8.090.343.087
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	25.1	9.920.334.340	4.311.676.900
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	26.1	108.527.563.121	99.515.956.691
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	27	1.084.398.431	2.788.011.986
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		80.395.487.956	85.356.092.987
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	24.2	74.632.583.038	80.056.437.275
7. Phải trả dài hạn khác	337	25.2	4.939.780.712	4.937.780.712
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	26.2	823.124.206	361.875.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	40	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Mẫu B01-DN/HN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		374.706.419.578	262.476.008.358
I. Vốn chủ sở hữu	410		374.706.419.578	262.476.008.358
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	28	275.000.000.000	275.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		275.000.000.000	275.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	28	(20.551.070.637)	(5.603.153.785)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	28	12.958.335.540	12.958.335.540
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	28	27.828.213.575	(41.661.865.977)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(37.139.571.562)	(27.834.851.299)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		64.967.785.137	(13.827.014.678)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	28	79.470.941.100	21.782.692.580
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		622.730.758.270	513.921.545.473

Bình Định, ngày 30 tháng 3 năm 2024

Võ Minh Bạ
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởng



Đông Thị Ánh
Tổng Giám đốc

Mẫu B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	564.637.908.749	602.850.644.924
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		564.637.908.749	602.850.644.924
4. Giá vốn hàng bán	11	31	493.577.925.699	522.189.043.363
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		71.059.983.050	80.661.601.561
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	12.258.456.920	12.460.266.400
7. Chi phí tài chính	22	33	8.595.066.781	7.284.266.122
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.889.996.579	4.752.644.086
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	34	47.380.237.376	(30.989.158.512)
9. Chi phí bán hàng	25	35	23.019.157.820	29.943.064.096
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	25.286.507.249	25.635.441.060
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		73.797.945.496	(730.061.829)
12. Thu nhập khác	31	37	2.289.103.196	2.483.742.409
13. Chi phí khác	32	38	124.443.777	1.688.219.658
14. Lợi nhuận khác	40		2.164.659.419	795.522.751
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		75.962.604.915	65.460.922
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	39	4.977.818.787	6.314.650.946
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	40	338.575.710	344.947.789
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		70.646.210.418	(6.594.137.813)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		64.967.785.137	(12.402.074.678)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	41	5.678.425.281	5.807.936.865
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	42	2.362	(555)

Bình Định, ngày 30 tháng 3 năm 2024

Võ Minh Bạ
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởng



Đông Thị Ánh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		75.962.604.915	65.460.922
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	44.1	12.213.389.381	12.043.764.463
- Các khoản dự phòng	03		2.246.116.154	(462.194.510)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		54.578.558	687.425.332
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	44.2	(57.773.710.861)	22.284.400.369
- Chi phí lãi vay	06	33	4.889.996.579	4.752.644.086
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		37.592.974.726	39.371.500.662
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(49.488.947.040)	(367.456.985)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(50.859.361.061)	(25.886.873.420)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(6.817.851.951)	15.518.167.696
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		469.316.125	(1.231.182.090)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(4.900.877.070)	(4.674.688.469)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	22	(6.300.545.877)	(3.830.981.065)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	56.640.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.431.349.555)	(3.638.463.122)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(84.736.641.703)	15.316.663.207
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(8.551.396.544)	(14.236.005.548)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		227.272.727	465.740.741
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(69.125.419.000)	(51.100.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		79.750.000.000	44.100.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(60.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		20.791.017.764	13.911.159.468
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		23.091.474.947	(6.919.105.339)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2023	2022
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	28	51.951.481.984	1.183.500.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	26	457.745.082.542	352.527.701.571
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	26	(448.310.847.906)	(322.309.831.315)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	44.3	(30.605.153.990)	(23.373.396.375)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		30.780.562.630	8.027.973.881
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(30.864.604.126)	16.425.531.749
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	56.797.259.117	40.916.071.985
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(4.570.634)	(544.344.617)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	25.928.084.357	56.797.259.117

Bình Định, ngày 30 tháng 3 năm 2024

Võ Minh Bạ
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởng



Đông Thị Ánh
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY VÀ TẬP ĐOÀN

1.1 Thông tin về Tổng Công ty

Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty" hoặc "Công ty mẹ"), tiền thân là Tổng Công ty Sản xuất Đầu tư Dịch vụ Xuất Nhập khẩu Bình Định, là công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 23/06/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 4100258987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu vào ngày 01/09/2010.

Ngày 27/01/2014, Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4100258987 thay đổi lần thứ 3, chuẩn y cho việc chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang công ty cổ phần.

Tổng Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4100258987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp thay đổi lần thứ 7 vào ngày 03/11/2017 với vốn điều lệ là 275.000.000.000 VND.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là PIS.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 99 Tây Sơn, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Tổng Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau như là sản xuất, dịch vụ, bất động sản...

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty bao gồm: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ; Chế biến lâm sản; Tư vấn thiết kế công trình lâm sinh; Kinh doanh truyền hình cáp; Đầu tư hạ tầng; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh nguyên liệu giấy; Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp; Khai thác gỗ; Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài; Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Hoạt động của trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm; Cung ứng lao động tạm thời; Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp...

1.2 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là không quá 12 tháng.

1.3 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

1.4 Nhân viên

Số lượng cán bộ và nhân viên của Công ty mẹ và các công ty con tại ngày 31/12/2023 là 375 người (tại ngày 31/12/2022 là 421 người).

1.5 Cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn bao gồm: Công ty mẹ, 07 công ty con (được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất này) và 05 công ty liên kết. Thông tin chính về các công ty con và các công ty liên kết như sau:

a. Các công ty con

► Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Hạ tầng P.B.C

Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Hạ tầng P.B.C được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000041 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 19/02/2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi sau đó. Vốn điều lệ của Công ty này theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100515627 thay đổi lần thứ 12 ngày 22/07/2022 là 15.000.000.000 VND, trong đó Tổng Công ty đăng ký góp 14.985.000.000 VND, tương ứng tỷ lệ vốn góp là 99,90%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Trụ sở chính: Lô điều hành Cụm công nghiệp Nhơn Bình, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh chính bao gồm: Đầu tư kinh doanh cụm công nghiệp, kinh doanh bất động sản; Đầu tư xây dựng, kinh doanh khu trung tâm thương mại; Kinh doanh nước sinh hoạt.

► **Công ty TNHH Một thành viên Truyền hình Cấp Quy Nhơn**

Công ty TNHH Một thành viên Truyền hình Cấp Quy Nhơn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4101321208 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày ngày 29/03/2012 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi sau đó. Vốn điều lệ của Công ty này theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4101321208 thay đổi lần thứ 8 ngày 20/06/2019 là 10.000.000.000 VND, trong đó tỷ lệ vốn góp của Tổng Công ty là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Trụ sở chính: Số 198 đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh chính bao gồm: Quản lý hoạt động và kinh doanh truyền hình cáp; Xây dựng hạ tầng kỹ thuật số, truyền hình cáp; Thiết lập mạng để cung ứng dịch vụ internet băng rộng và các dịch vụ truyền thông đa phương tiện; Kinh doanh dịch vụ viễn thông...

► **Công ty TNHH Nguyên liệu Giấy Qui Nhơn**

Công ty TNHH Nguyên liệu Giấy Qui Nhơn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3502000621 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 20/10/2005 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi sau đó. Vốn điều lệ của Công ty này theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100259155 thay đổi lần thứ 7 ngày 26/02/2019 là 24.500.000.000 VND, trong đó Tổng Công ty đăng ký góp 12.495.000.000 VND, tương ứng tỷ lệ vốn góp là 51%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Trụ sở chính: Đường số 10, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh chính bao gồm: Chế biến dăm gỗ; Sản xuất nguyên liệu giấy; Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp; Khai thác gỗ; Thu mua cây nguyên liệu giấy; Mua bán, xuất nhập khẩu các sản phẩm nguyên liệu giấy; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp...

► **Công ty TNHH Một thành viên HR PISICO**

Công ty TNHH Một thành viên HR PISICO được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4101538507 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 26/02/2019 với vốn điều lệ là 5.000.000.000 VND, trong đó tỷ lệ vốn góp của Tổng Công ty là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Trụ sở chính: Số 99 Tây Sơn, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh chính bao gồm: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài; Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm; Cung ứng lao động tạm thời.

► **Công ty Cổ phần PISICO ĐẮC LẮK**

Công ty Cổ phần PISICO ĐẮC LẮK được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6001663071 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh ĐẮC LẮK cấp lần đầu ngày 02/07/2019. Vốn điều lệ của Công ty này theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6001663071 thay đổi lần thứ 1 ngày 06/03/2020 là 15.000.000.000 VND, trong đó Tổng Công ty đăng ký góp 12.130.000.000 VND, tương ứng tỷ lệ vốn góp là 80,87%. Tại ngày 31/12/2023, Tổng Công ty đã góp 5.294.600.000 VND, tỷ lệ vốn góp là 80,87%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Trụ sở chính: Số 25 An Dương Vương, thị trấn M-Đrắk, huyện M'Đrắk, tỉnh ĐẮC LẮK, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh chính bao gồm: Sản xuất dăm gỗ, chế biến dăm gỗ giấy; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác; Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp; Khai thác gỗ rừng trồng; Cửa, xẻ, bảo gỗ và bảo quản gỗ...

► Công ty TNHH Đầu tư An Việt Phát

Công ty TNHH Đầu tư An Việt Phát được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4101601903 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 04/08/2021. Vốn điều lệ của Công ty này theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4101601903 thay đổi lần thứ 1 ngày 10/11/2021 là 350.000.000.000 VND, trong đó Tổng Công ty đăng ký góp 200.000.000.000 VND, tương ứng tỷ lệ vốn góp là 57,143%. Tại ngày 31/12/2023, Tổng Công ty đã góp 26.546.975.159 VND, tỷ lệ vốn góp là 57,143%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Trụ sở chính: Số 99 Tây Sơn, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh chính bao gồm: Đầu tư hạ tầng; Kinh doanh bất động sản.

► Công ty Cổ phần Đầu tư PISICO ĐẮC LẮK

Công ty Cổ phần Đầu tư PISICO ĐẮC LẮK được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6001759979 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh ĐẮC LẮK cấp lần đầu ngày 01/08/2023. Vốn điều lệ của Công ty này theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 12.000.000.000 VND, trong đó Tổng Công ty đăng ký góp 9.982.800.000 VND, tương ứng tỷ lệ vốn góp là 83,19%. Tại ngày 31/12/2023, Tổng Công ty đã góp 1.547.334.000 VND, tỷ lệ vốn góp là 83,19%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Trụ sở chính: Số 25 An Dương Vương, thị trấn M'Đrắk, huyện M'Đrắk, tỉnh ĐẮC LẮK, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh chính bao gồm: Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tét bện; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác; Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Khai thác gỗ; Khai thác lâm sản khác từ gỗ; Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp...

b. Các công ty liên kết**► Công ty Cổ phần Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định**

Công ty Cổ phần Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100583151 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 08/07/2008 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi sau đó. Vốn điều lệ của Công ty này theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100583151 thay đổi lần thứ 12 ngày 03/07/2017 là 180.000.000.000 VND, trong đó Tổng Công ty đăng ký góp 90.000.000.000 VND, tương ứng tỷ lệ vốn góp là 50%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Trụ sở chính: Số 99 Tây Sơn, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh chính bao gồm: Trồng cây cao su; Khai thác, chế biến mủ cao su...

► Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Nội thất Thành Tâm (tên cũ là Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Nội thất PISICO)

Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Nội thất Thành Tâm được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 26/12/2007 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi sau đó. Vốn điều lệ của Công ty này theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100669786 thay đổi lần thứ 2 ngày 01/06/2023 là 22.500.000.000 VND, trong đó Tổng Công ty đăng ký góp 9.003.000.000 VND, tương ứng tỷ lệ vốn góp là 40,01%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Trụ sở chính: Một phần Lô A12 + A13 Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh chính bao gồm: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Sản xuất các sản phẩm chế biến từ gỗ và gỗ kết hợp với các vật liệu khác để tiêu thụ nội địa và xuất khẩu...

► **Công ty Cổ phần PISICO - Hà Thanh**

Công ty Cổ phần PISICO - Hà Thanh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4101191767 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 19/03/2011 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi sau đó. Vốn điều lệ của Công ty này theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4101191767 cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 28/07/2023 là 23.800.000.000 VND, trong đó Tổng Công ty đăng ký góp 10.702.780.000 VND, tương ứng tỷ lệ vốn góp là 44,97%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Trụ sở chính: Lô A3, Cụm CN thị trấn Vân Canh, thị trấn Vân Canh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh chính bao gồm: Sản xuất bột giấy, giấy và bìa...

► **Công ty TNHH Lào Bidina**

Công ty TNHH Lào Bidina được thành lập tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào với thời gian hoạt động là 50 năm theo Giấy phép đầu tư nước ngoài số 131-06/UB-KHĐT ngày 26/12/2006 do Ủy ban Kế hoạch và Đầu tư nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào cấp và các giấy phép điều chỉnh sau đó. Công ty này là công ty con được sở hữu 100% vốn bởi Công ty Cổ phần Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định, Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty này thông qua Công ty Cổ phần Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định, tỷ lệ sở hữu gián tiếp và tỷ lệ biểu quyết là 50%.

Ngành nghề kinh doanh chính bao gồm: Trồng và khai thác cây cao su.

► **Công ty TNHH Sản xuất Dăm gỗ Bình Định**

Công ty TNHH Sản xuất Dăm gỗ Bình Định được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 351043000109 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 27/06/2008 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi sau đó. Vốn điều lệ của Công ty này theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100451067 thay đổi lần thứ 8 ngày 27/09/2023 là 15.321.000.000 VND, trong đó Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn đăng ký góp 6.894.450.000 VND, tương ứng tỷ lệ vốn góp là 45%. Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty này thông qua Công ty TNHH Nguyên liệu Giấy Quy Nhơn, tỷ lệ sở hữu gián tiếp và tỷ lệ biểu quyết lần lượt là 22,95% và 45%.

Trụ sở chính: Lô E16.2 và E15.1, KCN Nhơn Hòa, xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh chính bao gồm: Chế biến dăm gỗ; Sản xuất nguyên liệu giấy; Bán buôn cây nguyên liệu giấy; Bán buôn, xuất nhập khẩu các sản phẩm nguyên liệu giấy.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của các Công ty trong Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán cũng như lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

3. CƠ SỞ LẬP VÀ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn áp dụng chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC, hệ thống các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan khác của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập và trình bày theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc bảo đảm đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 202/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện các Chuẩn mực kế toán có liên quan trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3.3 Cơ sở lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không mất đi quyền kiểm soát được hạch toán vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Trường hợp Tập đoàn thoái một phần vốn nắm giữ tại công ty con, sau khi thoái vốn Tập đoàn mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết của Tập đoàn thì khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp Tập đoàn đã thoái một phần vốn nắm giữ tại công ty con, sau khi thoái vốn Tập đoàn mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường của Tập đoàn, thì khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp trước đây Tập đoàn đã thoái một phần vốn nắm giữ tại công ty con và đã ghi nhận kết quả từ việc thoái vốn đó trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Bảng cân đối kế toán hợp nhất, nay thoái thêm một phần vốn đầu tư tại công ty con dẫn đến Tập đoàn mất quyền kiểm soát, theo đó Tập đoàn kết chuyển lãi/lỗ trước đây đã ghi nhận trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sang Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn, bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu doanh nghiệp.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi đầu tư. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi đầu tư.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi đầu tư được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi đầu tư từ các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, như chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, được ghi nhận vào các khoản mục tương ứng của vốn chủ sở hữu của Tập đoàn. Thay đổi lũy kế sau khi đầu tư được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức, lợi nhuận nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm các chi phí trực tiếp để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

4.6 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá, các chi phí bảo trì và sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 25 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 10 năm

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá, các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

- Quyền sử dụng đất có thời hạn	41 - 50 năm
- Phần mềm ứng dụng	04 năm

4.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành. Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá. Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi lỗ phát sinh do bán bất động sản đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là trong vòng 50 năm.

4.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.12 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn phần sở hữu của bên mua đối với giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, thì phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính.

4.13 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.14 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện phần doanh thu nhận trước của nhiều kỳ kế toán liên quan chủ yếu đến hoạt động cho thuê văn phòng, cho thuê nhà xưởng và cơ sở hạ tầng các cụm công nghiệp, dịch vụ truyền hình cáp và internet. Doanh thu nhận trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian cho thuê.

4.15 Các khoản dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ dẫn đến nhiều khả năng là cần chuyển giao các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ. Tỷ lệ chiết khấu được sử dụng là tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh rõ những ước tính trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

4.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch;
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng tại thời điểm này theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.17 Vốn chủ sở hữu

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông Công ty mẹ.
- Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo Điều lệ hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên của các công ty trong Tập đoàn.
- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông, thành viên góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.
- Cổ tức, lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên phê duyệt và có quyết định chi trả.

4.18 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.
- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.
- Doanh thu từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.19 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho, dự phòng giảm giá và tổn thất hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.20 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận khi phát sinh.

4.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4.22 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
Tiền mặt tại quỹ	5.311.268.273	7.326.087.029
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.316.816.084	42.471.172.088
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tính đến ngày đáo hạn không quá 3 tháng)	3.300.000.000	7.000.000.000
Cộng	25.928.084.357	56.797.259.117

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng (*)	28.465.000.000	28.465.000.000	30.100.000.000	30.100.000.000
Đầu tư trái phiếu có kỳ hạn không quá 12 tháng	-	-	6.500.000.000	6.500.000.000
Cộng	28.465.000.000	28.465.000.000	36.600.000.000	36.600.000.000

(*) Các khoản tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 12 tháng có giá trị 25.865.000.000 VND được cầm cố để đảm bảo cho khoản vay tại các Ngân hàng (thuyết minh số 26).

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023	01/01/2023
Bên liên quan	1.799.914.464	1.822.019.884
- Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	1.794.373.163	1.809.070.305
- Công ty TNHH Thương mại Ánh Việt	5.541.301	12.949.579
Bên thứ ba	26.638.749.031	25.592.133.393
- Obi Group Sourcing Hong Kong Limited	2.581.250.784	9.000.225.455
- Landi Schweiz AG	-	3.624.088.054
- Siplec	12.464.651.522	3.183.908.419
- Công ty TNHH Trồng rừng Quy Nhơn	3.480.175.307	476.717.356
- DNTN Phú Lợi	2.161.510.492	2.135.180.977
- Các khách hàng khác	5.951.160.926	7.172.013.132
Cộng	28.438.663.495	27.414.153.277

Một phần quyền đòi nợ từ các khoản phải thu khách hàng được đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định (thuyết minh số 26).

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Bên liên quan	34.800.000.000	6.300.000.000
- Công ty TNHH Thương mại Ánh Việt	34.800.000.000	6.300.000.000
Bên thứ ba	21.758.841.811	13.245.943.332
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Phương Việt	3.497.790.000	3.497.790.000
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Liên Trì	2.592.000.000	2.592.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng An viên An Lộc Phát	8.995.000.000	-
- Công ty TNHH Cao Nguyên Lâm	2.056.682.200	-
- Các nhà cung cấp khác	4.617.369.611	7.156.153.332
Cộng	<u>56.558.841.811</u>	<u>19.545.943.332</u>

Một phần quyền đòi nợ từ các khoản trả trước cho người bán được đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định (thuyết minh số 26).

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy (bên liên quan) (a)	18.780.780.000	40.130.780.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định (bên liên quan) (b)	18.860.419.000	-
Cộng	<u>37.641.199.000</u>	<u>40.130.780.000</u>

(a) Cho Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy vay theo hợp đồng vay vốn số 01/2019/HĐVV ngày 05/11/2019 và các phụ lục hợp đồng sau đó, thời hạn cho vay là đến trước ngày 31/03/2024, số tiền tối đa là 60 tỷ đồng, lãi suất vay trong năm dao động từ 6,7%/năm đến 8,4%/năm.

(b) Cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định vay theo hợp đồng vay vốn số 01/2023/HĐVV ngày 22/03/2023, thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày nhận tiền vay, số tiền tối đa là 40 tỷ đồng, lãi suất vay trong năm dao động từ 6,7%/năm đến 8,4%/năm.

10. PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
10.1 Phải thu ngắn hạn khác	33.339.048.356	26.274.290.046
Bên liên quan	25.014.069.964	20.702.711.669
- Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	10.105.081.242	7.587.450.442
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định	709.073.316	-
- Công ty Cổ phần Chế biến gỗ nội thất Thành Tâm	4.051.350.000	4.051.350.000
- Công ty Cổ phần PISICO - Hà Thanh	5.787.023.767	3.111.328.767
- Công ty TNHH Thương mại Ánh Việt	4.361.541.639	3.861.822.187
- Công ty TNHH Khoáng sản Việt Lâm	-	2.090.760.273
Bên thứ ba	8.324.978.392	5.571.578.377
- Công ty Cổ phần Chế biến Tinh bột sắn Xuất khẩu Bình Định	1.033.203.572	1.033.203.572
- Công ty Cổ phần Chế biến Lâm sản PISICO Quảng Nam	1.478.750.000	1.365.000.000
- Tạm ứng của người lao động	1.812.175.400	680.710.400
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.000.000.000	1.000.000.000
- Phải thu khác	2.000.849.420	1.492.664.405
	8.854.494.000	4.166.634.000
10.2 Phải thu dài hạn khác	8.854.494.000	4.166.634.000
Ký quỹ, ký cược dài hạn	8.854.494.000	4.166.634.000
Tổng cộng	<u>42.193.542.356</u>	<u>30.440.924.046</u>

11. NỢ XẤU VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Nợ xấu của Tập đoàn bao gồm các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, phải thu khác và tạm ứng đã quá hạn thanh toán và được trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
	Đơn vị tính: 1.000 VND			Đơn vị tính: 1.000 VND		
Phải thu khách hàng	4.204.885	(3.568.836)	636.049	5.198.039	(4.136.396)	1.061.643
Công ty TNHH Vạn Đại	-	-	-	915.861	(664.849)	251.012
DNTN Phú Lợi	2.161.510	(2.161.510)	-	2.135.181	(2.135.181)	-
Các khách hàng khác	2.043.375	(1.407.325)	636.049	2.146.996	(1.336.366)	810.630
Trả trước cho người bán	2.292.676	(2.292.676)	-	2.292.676	(2.292.676)	-
Tạm ứng	214.575	(214.575)	-	214.575	(214.575)	-
Phải thu khác	1.230.616	(1.191.424)	39.193	1.170.544	(1.133.511)	37.033
Công ty Cổ phần Chế biến Tinh bột sẵn xuất khẩu Bình Định	1.033.204	(1.033.204)	-	1.033.204	(1.033.204)	-
Đối tượng khác	197.413	(158.220)	39.193	137.340	(100.307)	37.033
Cộng	7.942.753	(7.267.511)	675.242	8.875.834	(7.777.158)	1.098.676

12. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	15.614.162.889	-	19.135.798.951	-
Công cụ, dụng cụ	1.474.920.106	-	1.731.550.640	-
Chi phí SXKD dở dang	13.632.817.835	-	13.947.575.493	-
Thành phẩm	30.430.106.276	-	47.019.546.519	-
Cộng	61.152.007.106	-	81.834.471.603	-

Một phần hàng tồn kho được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định (thuyết minh số 26).

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
13.1 Chi phí trả trước ngắn hạn	527.594.354	513.509.860
Chi phí bảo hiểm	340.520.218	338.567.274
Chi phí trả trước khác	187.074.136	174.942.586
13.2 Chi phí trả trước dài hạn	12.360.646.298	12.844.046.917
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng khu công nghiệp	8.839.414.594	8.190.296.391
Chi phí sửa chữa	1.158.969.146	1.655.792.765
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.031.396.356	2.662.991.534
Chi phí trả trước khác	330.866.202	334.966.227
Tổng cộng	12.888.240.652	13.357.556.777

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Tại 01/01/2023	73.261.681.333	90.174.365.737	17.915.204.800	1.535.285.850	1.055.483.682	183.942.021.402
Đầu tư hoàn thành	-	3.303.378.429	1.477.278.182	-	-	4.780.656.611
Thanh lý	-	(106.049.560)	(1.127.044.952)	-	-	(1.233.094.512)
Tại 31/12/2023	73.261.681.333	93.371.694.606	18.265.438.030	1.535.285.850	1.055.483.682	187.489.583.501
Giá trị hao mòn						
Tại 01/01/2023	40.815.206.376	67.533.028.281	11.581.329.921	1.518.506.532	1.055.483.682	122.503.554.792
Trích khấu hao	2.557.621.999	6.811.928.469	1.175.980.936	10.067.591	-	10.555.598.995
Thanh lý	-	(106.049.560)	(1.127.044.952)	-	-	(1.233.094.512)
Tại 31/12/2023	43.372.828.375	74.238.907.190	11.630.265.905	1.528.574.123	1.055.483.682	131.826.059.275
Giá trị còn lại						
Tại 01/01/2023	32.446.474.957	22.641.337.456	6.333.874.879	16.779.318	-	61.438.466.610
Tại 31/12/2023	29.888.852.958	19.132.787.416	6.635.172.125	6.711.727	-	55.663.524.226

Tại ngày 31/12/2023, tổng nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 65.347.623.613 VND.

Tại ngày 31/12/2023, tổng giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (thuyết minh số 26) là 9.838.567.053 VND.

15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm ứng dụng	Tổng cộng
Nguyên giá			
Tại 01/01/2023	13.607.264.000	54.000.000	13.661.264.000
Tại 31/12/2023	13.607.264.000	54.000.000	13.661.264.000
Hao mòn lũy kế			
Tại 01/01/2023	3.014.043.504	54.000.000	3.068.043.504
Trích khấu hao	308.640.288	-	308.640.288
Tại 31/12/2023	3.322.683.792	54.000.000	3.376.683.792
Giá trị còn lại			
Tại 01/01/2023	10.593.220.496	-	10.593.220.496
Tại 31/12/2023	10.284.580.208	-	10.284.580.208

Tại ngày 31/12/2023, tổng nguyên giá của các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 54.000.000 VND.

16. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Cụm công nghiệp Cát Nhơn	Cụm công nghiệp Nhơn Bình	Nhà máy chế biến dăm gỗ	Tổng cộng
Nguyên giá				
Tại 01/01/2023	33.607.270.817	38.635.719.983	10.363.422.520	82.606.413.320
Đầu tư hoàn thành	3.313.369.319	-	438.232.280	3.751.601.599
Tại 31/12/2023	36.920.640.136	38.635.719.983	10.801.654.800	86.358.014.919
Hao mòn lũy kế				
Tại 01/01/2023	9.231.007.962	38.450.571.155	5.479.520.456	53.161.099.573
Trích khấu hao	741.397.858	59.433.764	548.318.476	1.349.150.098
Tại 31/12/2023	9.972.405.820	38.510.004.919	6.027.838.932	54.510.249.671
Giá trị còn lại				
Tại 01/01/2023	24.376.262.855	185.148.828	4.883.902.064	29.445.313.747
Tại 31/12/2023	26.948.234.316	125.715.064	4.773.815.868	31.847.765.248

Bất động sản đầu tư bao gồm các công trình hạ tầng kỹ thuật tại Cụm công nghiệp Cát Nhơn (xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định) và Cụm công nghiệp Nhơn Bình (phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định), cùng với quyền sử dụng đất và nhà xưởng, cơ sở hạ tầng của Nhà máy chế biến dăm gỗ (khu phố Thiết Định Nam, phường Bồng Sơn, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định) đang cho bên thứ 3 thuê.

Tại ngày 31/12/2023, Tập đoàn không xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này do Tập đoàn có ý định nắm giữ lâu dài. Tuy nhiên, với hiểu biết của mình về thị trường bất động sản, Ban Tổng Giám đốc tin rằng, giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư không thấp hơn giá trị ghi sổ.

Tại ngày 12/12/2023, nguyên giá của bất động sản đầu tư đã khấu hao hết đang được cho thuê là 38.015.464.968 VND, giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (thuyết minh số 26) là 1.874.232.936 VND.

17. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (chi phí trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng kinh tế)	27.167.719.810	27.645.074.226
Chi phí đầu tư dự án Khu dân cư Ánh Việt	72.195.426.974	242.927.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khác	539.054.413	472.374.413
Cộng	99.902.201.197	28.360.375.639

18. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	Công ty Cổ phần Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định (*)	Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Nội thất Thành Tâm	Công ty Cổ phần PISICO - Hà Thanh	Công ty TNHH Sản xuất Dăm gỗ Bình Định	Tổng cộng
Tại 01/01/2023	15.861.179.744	20.579.649.913	12.898.371.588	21.927.207.558	71.266.408.803
Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết (thuyết minh số 34)	30.817.380.411	6.951.015.652	7.767.617.149	1.844.224.164	47.380.237.376
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(6.662.220.000)	(5.351.390.000)	(2.942.100.000)	(14.955.710.000)
Tặng/(giảm) vốn chủ sở hữu tại công ty liên kết	21.331.842.361	(985.494.000)	(578.419.544)	204.026.001	19.971.954.818
Tại 31/12/2023	68.010.402.516	19.882.951.565	14.736.179.193	21.033.357.723	123.662.890.997

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 99 Tây Sơn, phường Ghènh Ráng,
thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu B09-DN/HN

- (*) Giá trị đầu tư vào Công ty Cổ phần Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định (gọi tắt là "CNN Bình Định") tại ngày 01/01/2023 đã được điều chỉnh lại như sau:

	Số tiền
Tại ngày 01/01/2023 theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã công bố	73.009.821.831
Điều chỉnh (xem thuyết minh số 47)	<u>(57.148.642.087)</u>
Tại ngày 01/01/2023 (sau khi điều chỉnh)	<u>15.861.179.744</u>

Hoạt động kinh doanh của CNN Bình Định chủ yếu là của công ty con mà CNN Bình Định sở hữu 100% vốn là Công ty TNHH Lào Bidina, trong các năm gần đây bởi sự mất giá của LAK so với VND dẫn đến báo cáo tài chính hợp nhất của CNN Bình Định phải ghi nhận khoản lỗ đáng kể do chênh lệch tỷ giá.

Theo Văn bản số 0202/BIDV.BĐ.KH2 ngày 21/02/2023 và Văn bản số 2049/BIDV.BĐ-KH2 ngày 20/03/2024 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định, thì CNN Bình Định sẽ được giảm lãi vay đến hết ngày 11/10/2022 với số tiền tạm tính 121.390.007.775 VND và toàn bộ nợ lãi phát sinh kể từ ngày 12/10/2022 đến khi trả hết nợ gốc, sau khi CNN Bình Định đã trả hết toàn bộ nợ gốc là 117.432.505.904 VND và tối thiểu 10% lãi vay tính đến hết ngày 11/10/2022 là 13.487.778.637 VND. Theo đó, CNN Bình Định đã được miễn, giảm và phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất số tiền là 123.118.351.527 VND. Theo báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của CNN Bình Định chưa được kiểm toán, lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của năm 2023 và năm 2022 lần lượt là 61.634.760.822 VND và âm 97.425.708.251 VND, và số dư của các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất như sau:

	31/12/2023	01/01/2023
Vốn góp của chủ sở hữu	180.000.000.000	180.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	900.000.000	900.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(45.748.268.441)	(15.298.906.134)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<u>(39.158.150.972)</u>	<u>(173.905.958.823)</u>
Tổng vốn chủ sở hữu	<u>95.993.580.587</u>	<u>(8.304.864.957)</u>

19. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	Đơn vị tính: 1.000 VND			Đơn vị tính: 1.000 VND		
Công ty CP Chế biến Tinh bột sắn Xuất khẩu Bình Định (a)	3.639.669	(3.639.669)	-	3.639.669	(883.906)	2.755.763
Công ty CP Lâm sản PISICO Quảng Nam (b)	3.776.951	-	3.776.951	3.776.951	-	3.776.951
Công ty CP Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam	95.000	-	95.000	95.000	-	95.000
Cộng	<u>7.511.620</u>	<u>(3.639.669)</u>	<u>3.871.951</u>	<u>7.511.620</u>	<u>(883.906)</u>	<u>6.627.714</u>

- (a) Công ty Cổ phần Chế biến Tinh bột sắn Xuất khẩu Bình Định (gọi tắt là "TBS Bình Định") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100510139 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 07/11/2003. Trụ sở chính: Thôn Hữu Lộc, xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định, Việt Nam. Ngành nghề kinh doanh chính bao gồm: Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột. Tại ngày 31/12/2023, Tổng Công ty nắm giữ 355.810 cổ phiếu, tương đương 12,71% vốn điều lệ của TBS Bình Định (tại ngày 01/01/2023 là 355.810 cổ phiếu, tương đương 12,71% vốn điều lệ).

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 99 Tây Sơn, phường Ghềnh Ráng,
thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu B09-DN/HN

Mặc dù Tổng Công ty đã nhiều lần liên lạc với TBS Bình Định để thực hiện quyền của cổ đông nhưng không nhận được sự hợp tác của TBS Bình Định, nên Tổng Công ty không có đầy đủ thông tin về tình hình tài chính của công ty này. Do đó, để đảm bảo tính thận trọng, Tổng Công ty đã quyết định trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư này cho toàn bộ giá trị đầu tư.

- (b) Công ty Cổ phần Lâm sản PISICO Quảng Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000405162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 19/10/2004. Trụ sở chính: Cụm Công nghiệp, xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam. Ngành nghề kinh doanh chính bao gồm: Sản xuất dăm gỗ và sản phẩm gỗ tinh chế xuất khẩu. Tại ngày 31/12/2023, Tổng Công ty nắm giữ 22.750 cổ phiếu, tương đương 18,96% vốn điều lệ của công ty này (tại ngày 01/01/2023 là 22.750 cổ phiếu, tương đương 18,96% vốn điều lệ).

20. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty Cổ phần PISICO - Hà Thanh (bên liên quan)	2.070.835.031	-
Công ty TNHH Truyền hình Cấp Saigontourist	2.050.444.091	1.342.425.978
Công ty TNHH Lâm nghiệp Quỳnh Nhân	2.918.265.027	3.407.510.539
DNTN Lê Huy Huyền	-	2.215.524.048
Bà Lê Mo Thị Xót	-	2.750.919.300
Các nhà cung cấp khác	12.964.413.443	19.865.236.642
Cộng	20.003.957.592	29.581.616.507

21. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÁN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty Cổ phần PISICO - Hà Thanh (bên liên quan)	5.000.000.000	-
STI Group Inc - Pebble Lane Living	115.697.230	1.223.611.422
Midan Global Limited	445.391.280	656.788.928
Các khách hàng khác	54.777.369	392.191.598
Cộng	5.615.865.879	2.272.591.948

22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước của Tập đoàn trong năm như sau:

	01/01/2023		Số phát sinh trong năm		31/12/2023	
	Phải thu (a)	Phải nộp (b)	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu (a)	Phải nộp (b)
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	434.801.161	2.483.224.401	2.474.982.242	-	443.043.320
Thuế xuất nhập khẩu	419.657	-	5.375.054.686	5.457.235.397	82.600.368	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	45.326.982	2.881.665.356	4.977.818.787	6.300.545.877	-	1.513.611.284
Thuế thu nhập cá nhân	-	59.818.771	866.889.523	829.550.360	-	97.157.934
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	2.566.523.142	2.810.706.537	244.183.395	-
Các khoản phải nộp khác	-	233.332.017	342.130.862	326.374.351	-	249.088.528
Cộng	45.746.639	3.609.617.305	16.611.641.401	18.199.394.764	326.783.763	2.302.901.066

(a) Số thuế nộp thừa (phải thu) được trình bày tại chỉ tiêu "Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước".

(b) Số thuế phải nộp được trình bày tại chỉ tiêu "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước".

Thuế giá trị gia tăng ("GTGT")

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT cho các sản phẩm và dịch vụ như sau:

- Xuất khẩu	0%
- Gỗ rừng trồng và cây giống	không chịu thuế
- Gỗ rừng trồng kinh doanh thương mại	không phải kê khai, tính nộp thuế
- Dịch vụ chăm sóc rừng và cung cấp nước sạch	5%
- Các sản phẩm và dịch vụ khác	8% - 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số 4.21 và số 39.

Các loại thuế khác và các khoản phải nộp khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Tập đoàn căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế và số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của các công ty trong Tập đoàn chịu sự kiểm tra của Cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này có thể sẽ thay đổi khi Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra.

23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Chi phí quản lý bảo vệ rừng	1.624.923.036	109.423.036
Chi phí hoa hồng môi giới	313.438.436	582.814.829
Các chi phí khác	1.010.980.057	736.455.354
Cộng	<u>2.949.341.529</u>	<u>1.428.693.219</u>

24. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
24.1 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	7.177.556.667	8.090.343.087
Cho thuê cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp	2.652.486.280	2.634.796.400
Cho thuê nhà máy chế biến dăm gỗ	2.523.068.493	2.433.589.042
Cho thuê văn phòng làm việc	300.506.017	265.677.750
Cho thuê truyền hình cáp và mạng internet	1.701.495.877	2.756.279.895
24.2 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	74.632.583.038	80.056.437.275
Cho thuê cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp	74.531.446.052	77.412.962.602
Cho thuê nhà máy chế biến dăm gỗ	101.136.986	2.624.205.479
Doanh thu chưa thực hiện khác	-	19.269.194
Tổng cộng	<u>81.810.139.705</u>	<u>88.146.780.362</u>

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 99 Tây Sơn, phường Ghềnh Ráng,
thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu B09-DN/HN

25. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
25.1 Phải trả ngắn hạn khác	9.920.334.340	4.311.676.900
Công ty Cổ phần PISICO Hà Thanh (bên liên quan)	1.667.888	-
Bà Đồng Thị Ánh (tiền mượn)	50.000.000	-
Kinh phí công đoàn	980.847.144	786.297.560
Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả	52.679.160	3.046.333.150
Phải trả lại tiền nhận trước về cho thuê cơ sở hạ tầng tại Cụm công nghiệp Canh Vinh	8.126.981.415	-
Các khoản khác	708.158.733	479.046.190
25.2 Phải trả dài hạn khác	4.939.780.712	4.937.780.712
Công ty TNHH Truyền hình Cáp Saigontourist	4.928.380.712	4.928.380.712
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	11.400.000	9.400.000
Tổng cộng	14.860.115.052	9.249.457.612

26. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

ĐVT: 1.000 VND

	01/01/2023	Số tiền vay trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Chuyển đến hạn trả	Đánh giá lại	31/12/2023
26.1 Vay và nợ ngắn hạn	99.515.957	456.423.333	(448.132.848)	682.500	38.621	108.527.563
Vay ngắn hạn	98.665.616	456.423.333	(447.282.507)	-	38.621	107.845.063
VCB Bình Định (a)	57.043.329	147.878.664	(153.708.155)	-	38.621	51.252.459
VCB Quy Nhơn (b)	41.622.287	262.464.670	(269.994.352)	-	-	34.092.604
BVBank Bình Định (c)	-	18.580.000	(6.580.000)	-	-	12.000.000
VietBank Bình Định (c)	-	27.500.000	(17.000.000)	-	-	10.500.000
Vay dài hạn đến hạn trả (c)	850.341	-	(850.341)	682.500	-	682.500
VCB Bình Định (d)	850.341	-	(850.341)	222.500	-	222.500
VCB Quy Nhơn (b)	-	-	-	460.000	-	460.000
26.2 Vay và nợ dài hạn	361.875	1.321.749	(178.000)	(682.500)	-	823.124
VCB Bình Định (d)	361.875	-	-	(222.500)	-	139.375
VCB Quy Nhơn (b)	-	1.321.749	(178.000)	(460.000)	-	683.749
Tổng cộng	99.877.832	457.745.083	(448.310.848)	-	38.621	109.350.687

Thông tin về các khoản vay và nợ như sau:

(a) Tổng Công ty vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định ("VCB Bình Định") theo các hợp đồng tín dụng hạn mức như sau:

- Hợp đồng số 277/NHNT-BĐ ngày 23/10/2023 với hạn mức là 40.000.000.000 VND, để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại gỗ, dịch vụ lâm nghiệp, kinh doanh hạ tầng; thời hạn của hợp đồng là 12 tháng, thời hạn cho vay cụ thể được quy định trên từng giấy nhận nợ nhưng không quá 05 tháng; lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ, lãi suất cho vay tại ngày 31/12/2023 dao động từ 5,5%/năm đến 6%/năm.
- Hợp đồng số 276/NHNT-BĐ ngày 23/10/2023 với hạn mức là 40.000.000.000 VND (bao gồm VND và USD tương đương), để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động chế biến gỗ; thời hạn của hợp đồng là 12 tháng, thời hạn cho vay cụ thể được quy định trên từng giấy nhận nợ nhưng không quá 08 tháng; lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ, lãi suất cho vay tại ngày 31/12/2023 bằng VND là 6%/năm và bằng USD dao động từ 4,3%/năm đến 4,5%/năm.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 99 Tây Sơn, phường Ghềnh Ráng,
thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu B09-DN/HN

Khoản vay được đảm bảo một phần bằng việc thế chấp: (i) các tài sản cố định hữu hình thuộc sở hữu của Tổng Công ty; (ii) hàng tồn kho luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh; và (iii) quyền đòi nợ luân chuyển bao gồm các khoản phải thu khách hàng và trả trước cho người bán. Tổng giá trị đảm bảo của tài sản thế chấp là 69.315.000.000 VND.

(b) Công ty TNHH Nguyên liệu Giấy Quy Nhơn vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn ("VCB Quy Nhơn") theo các hợp đồng như sau:

- Vay ngắn hạn theo hợp đồng hạn mức 60.000.000.000 VND để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn hợp đồng là 12 tháng, thời hạn cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa là 05 tháng, lãi suất cho vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ.
- Vay dài hạn theo Hợp đồng số 667/2023/HĐTL-TDH ngày 14/03/2023 với số tiền tối đa là 3.100.000.000 VND, mục đích vay là để đầu tư máy móc thiết bị, thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, lãi suất vay được xác định tại ngày giải ngân đầu tiên.

Các khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư thuộc sở hữu của Công ty TNHH Nguyên liệu Giấy Quy Nhơn, cùng với cầm cố tài khoản tiền gửi có kỳ hạn tại VCB Quy Nhơn.

(c) Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Hạ tầng P.B.C vay ngắn hạn tại các Ngân hàng như sau:

- Vay Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Bình Định ("BVBank Bình Định") để bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh, thời hạn vay không quá 6 tháng, lãi suất vay trong năm dao động từ 9,6% - 9,9%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài khoản tiền gửi tiết kiệm của Công ty với tổng giá trị là 13.800.000.000 VND.
- Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bình Định ("VietBank Bình Định") để bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh, thời hạn vay không quá 6 tháng, lãi suất vay trong năm dao động từ 11% - 12,8%/năm. Khoản vay được đảm bảo là các tài khoản tiền gửi tiết kiệm của Công ty với tổng giá trị là 11.065.000.000 VND.

(d) Công ty TNHH MTV Truyền hình Cáp Quy Nhơn vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định ("VCB Bình Định") theo các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng vay theo dự án đầu tư số 62/NHNT-BĐ/DA ngày 09/04/2019 với số tiền vay là 5.000.000.000 VND, để thanh toán chi phí liên quan đến dự án đầu tư hệ thống dịch vụ Internet và truyền hình Kỹ thuật số tại mạng cáp thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Thời hạn vay là 48 tháng. Lãi suất vay cố định trong 2 năm đầu, các năm sau đó được điều chỉnh định kỳ theo thông báo của VCB Bình Định. Khoản vay này đã được tắt toán trong năm.
- Hợp đồng vay từng lần trung và dài hạn số 31/2021/NHNT-BĐ ngày 24/05/2021 với số tiền vay là 440.000.000 VND, để thanh toán chi phí đầu tư thiết bị Casa Module Downstream phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ Internet và Truyền hình kỹ thuật số. Thời hạn vay là 48 tháng. Lãi suất vay được xác định tại thời điểm giải ngân theo giấy nhận nợ và thay đổi theo thông báo lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ, lãi suất vay tại ngày 31/12/2023 là 9%/năm.
- Hợp đồng vay theo dự án đầu tư số 57/2021/NHNT-BĐ ngày 01/07/2021 với số tiền vay là 450.000.000 VND, để bổ sung vốn thực hiện dự án đầu tư Hệ thống máy móc thiết bị phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ truyền hình cáp và dịch vụ truyền hình kỹ thuật số. Thời hạn vay là 48 tháng. Lãi suất vay được xác định tại thời điểm giải ngân trên giấy nhận nợ và thay đổi theo thông báo lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ, lãi suất vay tại ngày 31/12/2023 là 9%/năm.

Các khoản vay đều được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản cố định hình thành từ vốn vay.

27. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Năm 2023	Năm 2022
Tại 01/01	2.788.011.986	1.279.792.108
Trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế	1.727.736.000	3.890.043.000
Thu khác	-	56.640.000
Chi khen thưởng, phúc lợi	(3.431.349.555)	(2.438.463.122)
Tại 31/12	1.084.398.431	2.788.011.986

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 99 Tây Sơn, phường Ghềnh Ráng,
thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu B09-DN/HN

28. VỐN CHỦ SỞ HỮU**28.1 Tình hình biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	ĐVT: 1.000 VND	ĐVT: 1.000 VND	ĐVT: 1.000 VND	ĐVT: 1.000 VND	ĐVT: 1.000 VND	ĐVT: 1.000 VND
Tại ngày 01/01/2022	275.000.000	2.527.089	12.703.336	(1.693.755)	18.710.471	307.247.140
Vốn góp của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	1.183.500	1.183.500
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(8.130.242)	-	-	300.045	(7.830.198)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	(23.375.000)	(3.003.500)	(26.378.500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.765.507)	(1.124.536)	(3.890.043)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	255.000	(255.000)	-	-
Tăng/(giảm) vốn chủ sở hữu tại công ty liên kết	-	-	-	(1.170.529)	(91.224)	(1.261.753)
Lợi nhuận sau thuế năm 2022	-	-	-	(12.402.075)	5.807.937	(6.594.138)
Tại ngày 31/12/2022	275.000.000	(5.603.154)	12.958.336	(41.661.866)	21.782.693	262.476.008
Tại ngày 01/01/2023	275.000.000	(5.603.154)	12.958.336	(41.661.866)	21.782.693	262.476.008
Vốn góp của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	51.951.482	51.951.482
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(14.947.917)	-	-	265.911	(14.682.006)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	(27.610.000)	(1.500)	(27.611.500)
Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh - SCTV	-	-	-	(1.000.000)	-	(1.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.687.605)	(40.131)	(1.727.736)
Tăng/(giảm) vốn chủ sở hữu tại công ty liên kết	-	-	-	34.819.899	(165.938)	34.653.961
Lợi nhuận sau thuế năm 2023	-	-	-	64.967.785	5.678.425	70.646.210
Tại ngày 31/12/2023	275.000.000	(20.551.071)	12.958.336	27.828.214	79.470.941	374.706.420

28.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2023		01/01/2023	
	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Cổ đông				
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	266.270.000.000	96,83	266.270.000.000	96,83
Các cổ đông khác	8.730.000.000	3,17	8.730.000.000	3,17
Cộng	275.000.000.000	100,00	275.000.000.000	100,00

28.3 Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.500.000	27.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.500.000	27.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.500.000	27.500.000

Toàn bộ cổ phiếu của Tổng Công ty đều là cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND.

28.4 Phân phối lợi nhuận tại Tổng Công ty

Trong năm 2023 và 2022, Tổng Công ty đã phân phối lợi nhuận của năm 2022 và năm 2021 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
Chia cổ tức cho các cổ đông	27.610.000.000	23.375.000.000
Trích khen thưởng Ban điều hành	132.000.000	120.000.000
Trích quỹ khen thưởng	350.000.000	350.000.000
Trích quỹ phúc lợi	650.000.000	650.000.000
Cộng	28.742.000.000	24.495.000.000

28.5 Lợi ích cổ đông không kiểm soát

	Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Hạ tầng P.B.C	Công ty TNHH Nguyên liệu Giấy Qui Nhơn	Công ty Cổ phần PISICO Đắk Lắk	Công ty TNHH An Việt Phát	Công ty Cổ phần Đầu tư PISICO Đắk Lắk	Cộng
Tại ngày 01/01/2022	32.259.720	17.951.464.416	584.400.000	142.346.774	-	18.710.470.910
Vốn góp của cổ đông không kiểm soát	-	-	403.500.000	780.000.000	-	1.183.500.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	300.044.511	-	-	-	300.044.511
Chia cổ tức, lợi nhuận	(2.250.000)	(3.001.250.000)	-	-	-	(3.003.500.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(476.043)	(1.124.060.000)	-	-	-	(1.124.536.043)
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khác	-	(91.223.663)	-	-	-	(91.223.663)
Lợi nhuận sau thuế năm 2022	1.869.740	5.810.947.526	-	(4.880.401)	-	5.807.936.865
Tại ngày 31/12/2022	31.403.417	19.845.922.790	987.900.000	917.466.373	-	21.782.692.580
Tại ngày 01/01/2023	31.403.417	19.845.922.790	987.900.000	917.466.373	-	21.782.692.580
Vốn góp của cổ đông không kiểm soát	-	-	169.500.000	51.404.695.984	377.286.000	51.951.481.984
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	265.910.800	-	-	-	265.910.800
Chia cổ tức, lợi nhuận	(1.500.000)	-	-	-	-	(1.500.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(441.486)	(39.690.000)	-	-	-	(40.131.486)
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khác	-	(165.938.059)	-	-	-	(165.938.059)
Lợi nhuận sau thuế năm 2023	1.607.247	5.682.982.574	-	(6.164.540)	-	5.678.425.281
Tại ngày 31/12/2023	31.069.178	25.589.188.105	1.157.400.000	52.315.997.817	377.286.000	79.470.941.100

29. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	31/12/2023	01/01/2023
29.1 Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	256.572,23	1.091.473,83
Euro (EUR)	73,86	136,93
29.2 Nợ khó đòi đã xử lý	31/12/2023	01/01/2023
Công nợ tại Công ty mẹ	5.623.669.639	5.623.669.639
Công nợ tại Công ty TNHH Nguyên liệu Giấy Qui Nhơn	546.798.613	546.798.613
Cộng	6.170.468.252	6.170.468.252

30. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

30.1 Tổng doanh thu

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
Tổng doanh thu	564.637.908.749	602.850.644.924
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần	<u>564.637.908.749</u>	<u>602.850.644.924</u>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần sản phẩm lâm sản và dịch vụ lâm nghiệp	527.783.131.806	565.387.710.527
Doanh thu thuần cho thuê và dịch vụ hạ tầng	12.021.828.731	9.380.410.822
Doanh thu dịch vụ truyền hình cáp và internet	24.832.948.212	28.082.523.575

30.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	96.630.018	121.570.794
Công ty Cổ phần PISICO - Hà Thanh	830.119.609	7.881.095.250
Công ty TNHH Sản xuất Dăm gỗ Bình Định	138.129.644.400	159.754.996.405
Công ty TNHH Thương mại Ánh Việt	160.353.567	158.122.213
Cộng	<u>139.216.747.594</u>	<u>167.915.784.662</u>

31. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
Giá vốn sản phẩm lâm sản và dịch vụ lâm nghiệp	467.394.721.740	497.657.753.169
Giá vốn cho thuê và dịch vụ hạ tầng	7.350.144.165	5.647.827.088
Giá vốn dịch vụ truyền hình cáp và internet	18.833.059.794	18.883.463.106
Cộng	<u>493.577.925.699</u>	<u>522.189.043.363</u>

32. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.145.611.932	2.982.309.155
Lãi cho vay, chậm thanh toán	4.695.588.826	3.861.708.247
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.325.000.000	1.395.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.092.256.162	4.221.248.998
Cộng	<u>12.258.456.920</u>	<u>12.460.266.400</u>

33. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
Chi phí lãi vay	4.889.996.579	4.752.644.086
Dự phòng đầu tư tài chính	2.755.763.157	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	939.313.072	2.531.622.036
Chi phí tài chính khác	9.993.973	-
Cộng	<u>8.595.066.781</u>	<u>7.284.266.122</u>

34. PHÂN LÃI HOẶC LỖ TRONG CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

Phân lãi hoặc lỗ trong lợi nhuận sau thuế tính theo tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại các công ty liên kết:

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
Công ty Cổ phần Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định	30.817.380.411	(48.706.108.475)
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Nội thất Thành Tâm	6.951.015.652	8.054.340.001
Công ty Cổ phần PISICO - Hà Thanh	7.767.617.149	4.820.162.867
Công ty TNHH Sản xuất Dăm gỗ Bình Định	1.844.224.164	4.842.447.095
Cộng	<u>47.380.237.376</u>	<u>(30.989.158.512)</u>

35. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
Chi phí cho nhân viên	936.504.590	1.079.530.083
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	1.760.509.342	3.034.367.207
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.686.283.740	23.703.827.953
Chi phí khác bằng tiền	1.635.860.148	2.125.338.853
Cộng	<u>23.019.157.820</u>	<u>29.943.064.096</u>

36. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
Chi phí cho nhân viên	8.718.024.202	9.262.391.372
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	989.721.688	1.128.812.093
Chi phí khấu hao tài sản cố định (Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng	2.506.002.233 (509.647.003)	2.297.512.269 (444.188.510)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.756.653.072	5.077.736.637
Chi phí bằng tiền khác	6.825.753.057	8.313.177.199
Cộng	<u>25.286.507.249</u>	<u>25.635.441.060</u>

37. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
Lãi thanh lý tài sản cố định	227.272.727	465.740.741
Thu nhập từ đền bù thu hồi mặt bằng	387.837.000	-
Thu nhập từ thường xuất hàng	1.573.978.821	763.509.940
Các thu nhập khác	100.014.648	1.254.491.728
Cộng	<u>2.289.103.196</u>	<u>2.483.742.409</u>

38. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
Chi phí xử lý dự án đầu tư bị hủy bỏ	-	794.106.000
Các chi phí khác	124.443.777	894.113.658
Cộng	<u>124.443.777</u>	<u>1.688.219.658</u>

39. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận kế toán trước thuế	75.962.604.915	65.460.922
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	1.295.170.657	3.967.316.127
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	(52.368.681.636)	27.540.477.686
Tổng thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	24.889.093.936	31.573.254.735
Thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo thuế suất phổ thông (20%)	4.977.818.787	6.314.650.946
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.977.818.787	6.314.650.946
<i>Trong đó:</i>		
Công ty mẹ	1.945.156.437	3.292.568.356
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Hạ tầng P.B.C	416.866.322	402.651.491
Công ty TNHH MTV Truyền hình Cấp Quy Nhơn	120.297.410	458.657.056
Công ty TNHH Nguyên liệu Giấy Quy Nhơn	2.495.498.618	2.160.774.043

40. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	31/12/2023	01/01/2023	Năm 2023	Năm 2022
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	812.446.423	1.151.022.133		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	4.613.320.968	4.625.266.518	11.945.550	29.632.893
Bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(3.800.874.545)	(3.474.244.385)		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	3.800.874.545	3.474.244.385	326.630.160	315.314.896
Bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(3.800.874.545)	(3.474.244.385)		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			338.575.710	344.947.789

41. LỢI NHUẬN SAU THUẾ CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát tính theo tỷ lệ sở hữu vốn tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Hạ tầng P.B.C	1.607.247	1.869.740
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát tính theo tỷ lệ sở hữu vốn tại Công ty TNHH Nguyên liệu Giấy Quy Nhơn	5.682.982.574	5.810.947.526
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát tính theo tỷ lệ sở hữu vốn tại Công ty TNHH Đầu tư An Việt Phát	(6.164.540)	(4.880.401)
Cộng	5.678.425.281	5.807.936.865

42. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	64.967.785.137	(12.402.074.678)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(4.421.458.058)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	64.967.785.137	(16.823.532.736)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>27.500.000</u>	<u>27.500.000</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>2.362</u>	<u>(612)</u>

(*) Tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tính trên lợi nhuận năm 2023 chưa được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt nên Tập đoàn chưa ước tính số tiền trích quỹ khen thưởng, phúc lợi.

Tập đoàn đã thực hiện trình bày lại chỉ tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" cho năm 2022 do bổ sung số tiền trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt cho năm 2022, cùng với ảnh hưởng của việc điều chỉnh thông tin so sánh được trình bày tại thuyết minh số 47, điều này làm cho Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022 từ 1.320 VND thành âm 612 VND.

43. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	182.439.381.579	284.308.531.134
Chi phí nhân công	43.434.070.046	51.836.278.639
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.213.389.381	12.043.764.463
Chi phí dịch vụ mua ngoài	122.971.303.245	103.246.385.061
Chi phí khác bằng tiền	<u>12.175.794.335</u>	<u>10.993.018.413</u>
Cộng	<u>373.233.938.586</u>	<u>462.427.977.710</u>

44. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

44.1 Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	10.555.598.995	10.631.823.517
Khấu hao tài sản cố định vô hình	308.640.288	344.740.622
Khấu hao bất động sản đầu tư	<u>1.349.150.098</u>	<u>1.067.200.324</u>
Cộng	<u>12.213.389.381</u>	<u>12.043.764.463</u>

44.2 Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay, chậm thanh toán	(7.841.200.758)	(6.844.017.402)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(2.325.000.000)	(1.395.000.000)
(Lãi)/lỗ từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	(227.272.727)	(465.740.741)
(Lãi)/lỗ trong công ty liên kết	<u>(47.380.237.376)</u>	<u>30.989.158.512</u>
Cộng	<u>(57.773.710.861)</u>	<u>22.284.400.369</u>

44.3 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
Cổ tức chi trả tại Công ty mẹ	(27.602.403.990)	(23.372.646.375)
Cổ tức, lợi nhuận chi trả tại Công ty con cho các cổ đông không kiểm soát	<u>(3.002.750.000)</u>	<u>(750.000)</u>
Cộng	<u>(30.605.153.990)</u>	<u>(23.373.396.375)</u>

45. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan của Tập đoàn bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Nội thất Thành Tâm	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần PISICO - Hà Thanh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Sản xuất Dăm gỗ Bình Định	Công ty liên kết
Công ty TNHH Thương mại Ánh Việt	Công ty cùng chủ sở hữu với Công ty mẹ
Công ty TNHH Khoáng sản Việt Lâm	Công ty cùng chủ sở hữu với Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cảng Thị Nại	Công ty có cùng Công ty mẹ
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên quản lý chủ chốt
Thành viên gia đình của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban kiểm soát	Thành viên gia đình của Thành viên quản lý chủ chốt

Ngoài giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ đã trình bày ở thuyết minh số 30.2, giữa Tập đoàn và các bên liên quan còn có các giao dịch trong yếu khác như sau:

Bên liên quan/Nội dung giao dịch	Năm 2023	Năm 2022
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy		
Thu hồi tiền cho vay	21.350.000.000	-
Lãi cho vay	2.517.630.800	2.879.191.057
Ứng trước tiền mua hàng	33.180.000.000	-
Thu hồi tiền ứng trước	33.180.000.000	-
Lãi chậm thanh toán phải thu	920.848.933	-
Cổ tức phải trả	26.733.508.000	22.632.950.000
Mua vật tư bù trừ công nợ	-	2.834.213.062
Công ty Cổ phần Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định		
Cho vay	18.860.419.000	-
Lãi cho vay	709.073.316	-
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Nội thất Thành Tâm		
Cổ tức được chia	6.662.220.000	4.951.650.000
Công ty Cổ phần PISICO - Hà Thanh		
Cổ tức được chia	5.351.390.000	2.675.695.000
Mua hàng	125.844.802.480	120.342.623.710
Công ty TNHH Sản xuất Dăm gỗ Bình Định		
Lợi nhuận được chia	2.942.100.000	2.075.400.000
Công ty TNHH Thương mại Ánh Việt		
Ứng trước tiền mua hàng	28.500.000.000	-
Thu hồi tiền ứng trước	-	8.000.000.000
Lãi ứng trước tiền hàng	499.719.452	758.811.232
Công ty TNHH Khoáng sản Việt Lâm		
Thu tiền lãi ứng trước	2.090.760.273	-

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 99 Tây Sơn, phường Ghềnh Ráng,
thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu B09-DN/HN

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty trong năm như sau (thu nhập năm 2022 đã được trình bày lại theo số chi trả trong năm 2023):

	Năm 2023	Năm 2022
Thù lao	204.000.000	204.000.000
Bà Đồng Thị Ánh	84.000.000	84.000.000
Ông Vũ Hồng Quân	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Tấn Bảo Toàn	30.000.000	30.000.000
Bà Đồng Thị Quỳnh Hương	30.000.000	30.000.000
Tiền lương và tiền thưởng	2.752.124.000	3.684.024.000
Ông Lâm Đình An	668.491.648	914.622.699
Bà Đồng Thị Ánh	646.879.089	902.320.539
Ông Vũ Hồng Quân	25.000.000	97.500.000
Ông Nguyễn Hoàng Hải	436.765.250	582.475.328
Bà Đồng Thị Quỳnh Hương	15.000.000	51.000.000
Ông Nguyễn Tường Linh	490.957.702	333.794.459
Ông Nguyễn Văn Phúc	-	156.432.527
Ông Nguyễn Hoàng Lam	469.030.311	645.878.448
Tổng cộng	2.956.124.000	3.888.024.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ giữa Tập đoàn với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh số 7, 8, 9, 10, 20, 21 và 25.

46. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh); hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo lĩnh vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Ban Tổng Giám đốc xác định việc ra các quyết định quản lý của Tập đoàn chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm và dịch vụ cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Tập đoàn cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do đó, Tập đoàn chỉ trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, không trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực địa lý. Tập đoàn được tổ chức thành các bộ phận kinh doanh dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp như sau:

- Kinh doanh sản phẩm lâm sản và dịch vụ lâm nghiệp bao gồm: trồng và khai thác rừng, chế biến lâm sản, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về gỗ, dịch vụ chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng;
- Kinh doanh bất động sản bao gồm: cho thuê cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp, cho thuê văn phòng, cho thuê nhà máy chế biến dăm gỗ và cung cấp các dịch vụ liên quan và kinh doanh các dự án khu dân cư và nhà ở xã hội;
- Kinh doanh truyền hình cáp bao gồm: kinh doanh truyền hình cáp, internet và các dịch vụ liên quan.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 99 Tây Sơn, phường Ghềnh Ráng,
thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu B09-DN/HN

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Kinh doanh sản phẩm lâm sản và dịch vụ lâm nghiệp		Kinh doanh bất động sản		Kinh doanh truyền hình cáp		Phần theo dõi và quản lý chung		Cộng
	31/12/2023	01/01/2023	31/12/2023	01/01/2023	31/12/2023	01/01/2023	31/12/2023	01/01/2023	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất									
Tài sản theo bộ phận	134.684.426.145	143.583.931.648	228.527.388.920	117.764.258.562	11.812.700.971	17.006.393.590	-	375.024.516.036	278.354.583.800
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	247.706.242.234	235.566.961.673	235.566.961.673
Tổng tài sản	134.684.426.145	143.583.931.648	228.527.388.920	117.764.258.562	11.812.700.971	17.006.393.590	247.706.242.234	622.730.756.270	513.921.545.473
Nợ phải trả theo bộ phận	41.277.943.215	56.564.563.959	86.296.469.104	80.756.482.491	10.872.967.387	11.015.852.834	-	138.447.379.708	148.336.899.284
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	109.576.956.986	103.108.637.831	103.108.637.831
Tổng nợ phải trả	41.277.943.215	56.564.563.959	86.296.469.104	80.756.482.491	10.872.967.387	11.015.852.834	109.576.956.986	248.024.338.692	251.445.537.115

	Sản phẩm lâm sản và dịch vụ lâm nghiệp		Cho thuê bất động sản đầu tư		Truyền hình Cáp		Phần theo dõi và quản lý chung		Cộng
	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất									
Doanh thu thuần	527.783.131.806	565.387.710.527	12.021.828.731	9.380.410.822	24.832.948.212	28.082.523.575	-	564.637.908.749	602.850.644.924
Doanh thu hoạt động tài chính và lợi nhuận từ công ty liên kết	2.092.256.162	4.221.248.998	-	-	-	-	(22.750.141.110)	59.638.694.296	(18.528.892.112)
Thu nhập khác	2.272.482.350	1.779.870.659	519.750	703.871.330	16.101.096	420	-	2.289.103.196	2.483.742.409
Tổng doanh thu và thu nhập khác	532.147.870.318	571.388.830.184	12.022.348.481	10.084.282.152	24.849.049.308	28.082.523.995	57.546.438.134	626.565.706.241	586.805.495.221
Giá vốn hàng bán	467.394.721.740	497.657.753.169	7.350.144.165	5.647.827.088	18.833.059.794	18.883.463.106	-	493.577.925.699	522.189.043.363
Chi phí bán hàng	21.695.756.012	28.524.245.582	-	-	1.323.401.808	1.418.818.514	-	23.019.157.820	29.943.064.096
Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.606.905.077	17.885.222.342	2.252.025.232	2.183.497.396	4.427.576.940	5.566.721.322	-	25.286.507.249	25.635.441.060
Chi phí tài chính	949.307.045	2.531.622.036	-	-	-	-	7.645.759.736	8.595.086.781	7.284.266.122
Chi phí khác	16.421.409	1.592.719.388	108.000.000	90.500.000	22.368	5.000.270	-	124.443.777	1.888.219.658
Tổng chi phí	508.663.111.283	548.191.562.517	9.710.169.397	7.921.824.484	24.584.060.910	25.874.003.212	7.645.759.736	550.603.101.326	586.740.034.239
Lợi nhuận trước thuế	23.484.759.035	23.197.267.667	2.312.179.084	2.162.457.668	264.988.398	2.208.520.783	49.900.678.398	75.962.604.915	65.460.922

Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	5.837.600.587	5.873.793.806	1.739.279.237	1.436.804.559	4.636.309.557	4.733.166.098	-	12.213.389.381	12.043.764.463
Tổng chi phí phát sinh để mua tài sản cố định và bất động sản đầu tư	6.432.636.186	11.395.003.966	2.018.406.244	-	100.354.114	2.841.001.582	-	8.551.396.544	14.236.005.548

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất

47. THÔNG TIN SO SÁNH

Sau khi thu thập, đối chiếu và kiểm tra báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 (gọi tắt là "BCTCHN 31/12/2022") của CNN Bình Định, Ban Tổng Giám đốc đã quyết định điều chỉnh hồi tố, trình bày lại các số liệu liên quan trên BCTCHN 31/12/2022 của Tập đoàn.

Ngoài ra, do trong năm Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty cũng phê duyệt số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2022 nên Tổng Công ty đã trình bày lại chỉ tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" năm 2022 theo quy định của Chế độ kế toán hiện hành.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố và trình bày lại đến số liệu so sánh trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 (gọi tắt là "BCTCHN 31/12/2023") như sau:

Mã số	Số liệu trên	Số liệu trên	Chênh lệch	
	BCTCHN 31/12/2022 (đã công bố)	BCTCHN 31/12/2023 (trình bày lại)		
Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	128.415.050.890	71.266.408.803	(57.148.642.087)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	2.839.379.827	(5.603.153.785)	(8.442.533.612)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	7.044.242.498	(41.661.865.977)	(48.706.108.475)
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	421b	34.879.093.797	(13.827.014.678)	(48.706.108.475)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất				
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	17.716.949.963	(30.989.158.512)	(48.706.108.475)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	48.771.569.397	65.460.922	(48.706.108.475)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	42.111.970.662	(6.594.137.813)	(48.706.108.475)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	36.304.033.797	(12.402.074.678)	(48.706.108.475)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.320	(612)	(1.932)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất				
Lợi nhuận trước thuế	01	48.771.569.397	65.460.922	(48.706.108.475)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(26.421.708.106)	22.284.400.369	48.706.108.475

48. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công cụ tài chính chủ yếu của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn, các khoản phải thu khách hàng, cho vay, phải thu khác, đầu tư tài chính, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay. Mục đích chính của những công cụ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Tập đoàn là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro về tính thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Tập đoàn để bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng những chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên tại Tập đoàn như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường bao gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ (rủi ro ngoại hối), rủi ro hàng hóa và rủi ro về giá khác. Các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng, đầu tư trái phiếu, các khoản vay và nợ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng, đầu tư trái phiếu, các khoản vay và nợ với lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, trên cơ sở đó, Tập đoàn dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại để có được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh (khi doanh thu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán) và các khoản vay có gốc ngoại tệ.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về ngoại hối.

Tập đoàn quản lý rủi ro ngoại hối bằng các xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Tập đoàn mua bán hàng hóa, dịch vụ có gốc ngoại tệ trong tương lai.

Rủi ro về giá hàng hóa

Tập đoàn có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về mặt tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính (chủ yếu đối với các khoản tiền gửi ngân hàng, đầu tư trái phiếu và các khoản cho vay).

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Tập đoàn dựa trên các chính sách bán hàng, thủ tục và quy trình kiểm soát của Tập đoàn có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa được thu và tìm cách duy trì chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn thực hiện việc xem xét sự suy giảm chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn duy trì tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ theo chính sách của Tập đoàn. Tập đoàn nhận thấy mức tập trung độ với rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Cho vay

Tập đoàn nhận thấy mức tập trung độ rủi ro tín dụng đối khoản cho vay là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay ở mức mà Tập đoàn cho là đủ để đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động của Tập đoàn và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

	<u>Đến 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
Tại 01/01/2023			
Phải trả người bán	29.581.616.507	-	29.581.616.507
Chi phí phải trả	1.428.693.219	-	1.428.693.219
Các khoản phải trả khác	4.311.676.900	4.937.780.712	9.249.457.612
Vay và nợ thuê tài chính	99.515.956.691	361.875.000	99.877.831.691
Cộng	134.837.943.317	5.299.655.712	140.137.599.029
Tại 31/12/2023			
Phải trả người bán	20.003.957.592	-	20.003.957.592
Chi phí phải trả	2.949.341.529	-	2.949.341.529
Các khoản phải trả khác	9.920.334.340	4.939.780.712	14.860.115.052
Vay và nợ thuê tài chính	108.527.563.121	823.124.206	109.350.687.327
Cộng	141.401.196.582	5.762.904.918	147.164.101.500

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ ở mức kiểm soát được. Tập đoàn có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền được tạo ra từ hoạt động kinh doanh, tiền thu hồi các tài sản tài chính và từ các nguồn vốn huy động khác.

49. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ (1.000 VND)				Giá trị hợp lý (1.000 VND)	
	31/12/2023		01/01/2023		31/12/2023	01/01/2023
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.628.084	-	49.797.259	-	22.628.084	49.797.259
Tiền gửi có kỳ hạn và đầu tư trái phiếu	31.765.000	-	43.600.000	-	31.765.000	43.600.000
Phải thu khách hàng	28.438.663	(3.568.836)	27.414.153	(4.136.396)	24.869.828	23.277.757
Cho vay	37.641.199	-	40.130.780	-	37.641.199	40.130.780
Phải thu khác	42.193.542	(1.405.999)	30.440.924	(1.348.086)	40.787.543	29.092.838
Các khoản đầu tư tài chính	7.511.620	(3.639.669)	7.511.620	(883.906)	3.871.951	6.627.714
Cộng	170.178.109	(8.614.504)	198.894.736	(6.368.388)	161.563.605	192.526.349

Nợ phải trả tài chính	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2023	01/01/2023	31/12/2023	01/01/2023
Phải trả người bán	20.003.957.592	29.581.616.507	20.003.957.592	29.581.616.507
Chi phí phải trả	2.949.341.529	1.428.693.219	2.949.341.529	1.428.693.219
Các khoản phải trả khác	14.860.115.052	9.249.457.612	14.860.115.052	9.249.457.612
Vay và nợ thuê tài chính	109.350.687.327	99.877.831.691	109.350.687.327	99.877.831.691
Cộng	147.164.101.500	140.137.599.029	147.164.101.500	140.137.599.029

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất.

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn, các khoản cho vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được Tập đoàn đánh giá dựa trên các thông tin như khả năng trả nợ của từng khách hàng cũng như tính chất rủi ro của dự án tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, Tập đoàn ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính được xác định bằng giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng.
- Các khoản vay mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay được trình bày bằng giá trị ghi sổ.
- Các tài sản tài chính khác và nợ phải trả tài chính khác mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các tài sản tài chính khác và nợ phải trả tài chính khác được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

50. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Võ Minh Bạ
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởng

Bình Định, ngày 30 tháng 3 năm 2024

Đặng Thị Ánh
Tổng Giám đốc